

Số: 1571 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cập nhật các dự án, công trình và danh sách hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thông qua thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và sửa đổi một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 262/TTr-STNMT ngày 26/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cập nhật các dự án, công trình và danh sách hộ gia đình cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện, cụ thể:

1. Cập nhật các dự án, công trình vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của cấp huyện, gồm gồm 37 dự án thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất, cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2024 với tổng diện tích 43,41 ha (trong đó: Đất trồng lúa 8,06 ha, đất rừng phòng hộ 0,009 ha, đất khác 35,34 ha); cụ thể như sau:



- Có 31 dự án thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất, cần chuyển mục đích sử dụng đất đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua với diện tích thực hiện là 41,48 ha (*Phần A, Biểu số 01*);

- Có 06 dự án sử dụng đất không thuộc trường hợp phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích thực hiện là 1,93 ha (*Phần B, Biểu số 01*).

(Có sơ đồ, vị trí và danh sách từng dự án tại Biểu số 01 kèm theo)

2. Cho phép điều chỉnh địa điểm thực hiện, tên chủ sử dụng đất của 18 hộ gia đình, cá nhân; điều chỉnh quy mô diện tích, loại đất chiếm dụng, địa điểm, vị trí thực hiện, cập nhật lại ranh giới thực hiện đối với 31 dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024; trong đó:

- Có 17 dự án thuộc danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nội dung điều chỉnh (*Phần A, Biểu số 02*);

- Có 14 dự án không thuộc trường hợp phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (*Phần B, Biểu số 02*).

(Có danh sách chi tiết và sơ đồ, vị trí từng dự án, công trình tại biểu số 02; danh sách các hộ gia đình, cá nhân điều chỉnh tại biểu số 06 kèm theo)

3. Cho phép 1.122 hộ gia đình, cá nhân được cập nhật nhu cầu cần chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện với tổng diện tích 268.726,9 m² (26,87 ha).

(Có danh sách chi tiết các hộ gia đình, cá nhân tại biểu số 03 kèm theo)

4. Phê duyệt danh mục các công trình đã có trong kế hoạch sử dụng đất nay đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất của 01 dự án trên địa bàn huyện Trần Yên với tổng diện tích 1,3 ha.

(Có danh sách dự án chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

5. Phê duyệt danh mục các hộ gia đình, cá nhân đã có trong kế hoạch sử dụng đất nay đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất của 02 hộ gia đình trên địa bàn huyện Văn Chấn với diện tích 0,04 ha.

(Có danh sách các hộ gia đình, cá nhân chi tiết tại biểu số 05 kèm theo)

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn và cung cấp đầy đủ hồ sơ để Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện công bố danh mục các công trình, dự án cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và danh sách các hộ gia đình cá nhân được phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Tổ chức thực hiện công bố danh mục các công trình, dự án cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và danh sách các hộ gia đình cá nhân được phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; thực hiện việc thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền, đúng kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính pháp lý, chính xác, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

BIỂU SỐ 01: DANH MỤC DỰ ÁN CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CẤP HUYỆN ĐỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (BAO GỒM ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ), GIAO ĐẤT, THUÊ ĐẤT THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT		Vị trí, địa điểm thực hiện	Quy mô	Phân ra các loại đất				Ghi chú
				Đất lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Các loại đất khác (ha)	
A	DỰ ÁN THUỘC TRƯỞNG HỢP PHẢI TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA		41,48	8,06	0,009		33,41	
I	Huyện Yên Bình							
1	Trạm y tế xã Bảo Ái	Xã Bảo Ái	0,11				0,11	
2	Trạm y tế xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	0,9				0,90	
3	Trụ sở UBND xã Cẩm Ấn	Xã Cẩm Ấn	0,45				0,45	
4	Đền Lương Nham	Xã Phú Thịnh	0,41				0,41	
5	Chùa Đông Lý	Xã Đại Đồng	0,28				0,28	
6	Chùa Văn Lăng (Chùa Ngã Hai)	Xã Phú Thịnh	0,90				0,90	
7	Nhà văn hóa thôn: Tân Phong, Khe Nhàn, Đông Ké, Khe Cọ, Trại Phụng, Tiến Minh.	Xã Tân Nguyên	0,63				0,63	
8	Nhà văn hóa thôn: Đủ Chông, Hồng Bàng	Xã Đại Đồng	0,08				0,08	
9	Nhà văn hóa thôn Tân Lương	Xã Cẩm Ấn	0,04				0,04	
10	Nhà văn hóa thôn Tân Bình, Khe Mạ, Đồi Hối.	Xã Tân Hương	0,15				0,15	
11	Nhà văn hóa thôn: Ngòi Ngủ, Ngòi Nhầu, Vĩnh An.	Xã Bảo Ái	0,17				0,17	
12	Nhà văn hóa tổ dân phố 4	Thị trấn Yên Bình	0,13				0,13	
13	Nhà văn hóa thôn: Trung Tâm, Làng Mới	Xã Mông Sơn	0,19				0,19	
14	Nhà văn hóa thôn: 1, 3, 4, 6, Đồng Tâm.	Xã Phú Thịnh	0,16				0,16	
15	Giáo xứ Bạch Hà	Xã Cẩm Nhân	0,70				0,70	
16	Mở rộng Giáo xứ Bảo Ái	Xã Bảo Ái	0,11				0,11	
17	Giáo xứ Mông Sơn	Xã Mông Sơn	0,60				0,60	
18	Chinh trang đô thị (Quy đất từ đường Nguyễn Tất Thành đi xã Phú Thịnh)	Thị trấn Yên Bình, xã Phú Thịnh	6,45	0,4			6,05	
19	Dự án phát triển quỹ đất dân cư nông thôn và tái định cư các hộ gia đình bị thu hồi đất khi thực hiện các dự án cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3	Xã Phú Thịnh	7,8	0,1			7,7	
20	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Gia	Xã Mỹ Gia	0,8				0,8	
21	Khu công nghiệp phía Nam	Xã Phú Thịnh	10,4	0,79			9,61	
II	Huyện Trấn Yên							
22	Đường dây và TBA 110 kV Bảo Hưng	Xã Bảo Hưng	1,093				1,093	
23	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 4	Xã Đào Thịnh, xã Việt Thành	1,61	0,3			1,31	

STT	Danh mục dự án	Vị trí, địa điểm thực hiện	Quy mô	Phân ra các loại đất				Ghi chú
				Đất lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Các loại đất khác (ha)	
III	Huyện Văn Chấn							
24	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nam Vai	Xã Gia Hội	1,44	1,20			0,24	
25	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pháo (khu số 1)	Xã Nghĩa Tâm	1,83	1,7			0,13	
26	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ba Khe	Xã Cát Thịnh	0,93	0,8			0,13	
27	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 1)	Xã Đồng Khê	1,00	0,95			0,05	
28	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 2)	Xã Đồng Khê	1,12	1,00			0,12	
IV	Huyện Trạm Tấu							
29	Chỉnh trang đô thị (Quy hoạch dân cư đường nối Tỉnh lộ 174 sang đường Trạm Tấu - Bắc Yên (giai đoạn 1)	Thị trấn Trạm Tấu	0,50	0,45			0,05	
V	Huyện Văn Yên							
30	Xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Thị trấn Mậu A	0,30	0,30				
VI	Dự án liên huyện							
31	Dự án xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Hút 1 (Hạng mục đường dây 35KV đầu nối thủy điện Ngòi Hút 1 - Trạm biến áp 110KV Nghĩa Lộ)	TTNT Liên Sơn, xã Nậm Lành, xã Sơn Lương, xã Gia Hội huyện Văn Chấn	0,129	0,005	0,009		0,115	
		Xã Thanh Lương, xã Phú Nham; xã Sơn A; xã Nghĩa Lợi, xã Nghĩa Phúc thuộc thị xã Nghĩa Lộ	0,066	0,061			0,005	
B	DỰ ÁN KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA		1,930				1,930	
I	Huyện Mù Cang Chải							
1	Trụ sở công an thị trấn Mù Cang Chải	Tổ 5, Thị trấn Mù Cang Chải	0,0274				0,0274	
2	Trụ sở công an huyện Mù Cang Chải	Tổ 4 Thị trấn Mù Cang Chải	0,753				0,753	
II	Huyện Văn Yên							
3	Đầu tư xưởng sơ chế, đóng gói và bảo quản các sản phẩm từ quế	TT Mậu A	0,14				0,14	
4	Xây dựng khu dân cư đô thị (quy hoạch Trường Mầm non thị trấn Mậu A- Điểm tổ dân phố 7)	Thị trấn Mậu A	0,07				0,07	
III	Huyện Yên Bình							
5	Dự án đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông thương phẩm và cầu kiện bê tông đúc sẵn	Xã Thịnh Hưng	0,92				0,92	

STT	Danh mục dự án	Vị trí, địa điểm thực hiện	Quy mô	Phân ra các loại đất				Ghi chú
				Đất lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Các loại đất khác (ha)	
IV	Huyện Trấn Yên							
6	Xây dựng đường kè đất máy bay, và sơ tán cất giấu máy bay và Sơ chỉ huy cơ bản thời chiến sân bay Yên Bái/B371 (Mặt danh: CTST-YB-22.24).	xã Cường Thịnh	0,02				0,02	Sư đoàn 371 - Quân chủng phòng không không quân
Tổng cộng			43,41	8,06	0,009		35,34	

DANH MỤC DỰ ÁN SAU ĐIỀU CHỈNH													Nội dung điều chỉnh
STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			
				Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác				Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THUỘC TRƯỜNG HỢP THÔNG QUẢ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN												
I	Huyện Yên Bình												
1	Đường nối đường Nguyễn Tất Thành với trung tâm y tế huyện	Thị trấn Yên Bình, xã Phú Thịnh	17,39	4,58			Đường nối đường Nguyễn Tất Thành với trung tâm y tế huyện	Thị trấn Yên Bình, xã Phú Thịnh	9,23	2,80		6,43	Điều chỉnh ranh giới, quy mô thực hiện dự án dự án
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Đào Kiều xã Thịnh Hưng	Xã Thịnh Hưng	6,38				Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Đào Kiều xã Thịnh Hưng	Xã Thịnh Hưng	7,00			7,000	Điều chỉnh ranh giới, quy mô thực hiện dự án dự án
3	Di dân khẩn cấp thôn Hầm Rông và thôn Ngòi xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Thôn Phú Thao và thôn Gò Chùa, xã Bạch Hà	14,17	7,60		6,57	Di dân khẩn cấp thôn Hầm Rông và thôn Ngòi xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Xã Bạch Hà	4,34	0,002		4,338	Điều chỉnh ranh giới, loại đất chiếm dụng của dự án
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Cường, xã Xuân Long (đối diện trường Tiểu học)	Xã Xuân Long	2,77	2,50		0,27	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Cường xã Xuân Long	Xã Xuân Long	1,00	0,94		0,06	Điều chỉnh ranh giới, loại đất chiếm dụng của dự án
5	Cụm công nghiệp Phú Thịnh 2	Xã Phú Thịnh	72,70	3,00		69,70	Dự án dân tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Phú Thịnh 2	Xã Phú Thịnh, xã Thịnh Hưng	72,70	3,00		69,70	Điều chỉnh tên và địa điểm thực hiện dự án
II	Huyện Trấn Yên												
6	Chợ Cổ Phúc	TT Cổ Phúc	1,92			1,92	Xây dựng chợ trung tâm huyện đạt chuẩn hạng II	TT Cổ Phúc	1,92			1,92	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện và tên dự án
7	Cụm công nghiệp Hưng Khánh	xã Hưng Khánh	6,61	4,02		2,59	Cụm công nghiệp Hưng Khánh	xã Hưng Khánh	6,67	4,08		2,59	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án
III	Thành phố Yên Bái												
8	Đề chỉnh ngõ sông Hồng khu vực xã Giết Phấn, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Xã Giết Phấn	1,69	0,95		0,74	Đề chỉnh ngõ sông Hồng khu vực xã Giết Phấn, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, hướng mục khu tại định cư	Xã Giết Phấn	1,69	1,30		0,39	Điều chỉnh bờ sông chuyển mục đích đất lúa tăng thêm 0,35 ha (từ 0,95 ha lên 1,30 ha)
9	Quyết định dân cư khu vực đối diện Ủy ban nhân dân phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	phường Hợp Minh	3,80	3,30		0,50	Quyết định dân cư khu vực đối diện Ủy ban nhân dân phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	phường Hợp Minh	3,22	2,1661		1,05	Điều chỉnh giảm quy mô thực hiện dự án

DANH MỤC DỰ ÁN SAU ĐIỀU CHỈNH										Nội dung điều chỉnh	
STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác		Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		Đất khác
10	Chính trang khu dân cư nông thôn (Quyết định dời cư hai bên đường thôn Hai Luồng), xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	xã Âu Lâu	3,90	3,55		0,35	3,45	1,9		1,55	Điều chỉnh giảm quy mô thực hiện dự án
11	Chính trang khu dân cư nông thôn kết hợp phát triển quỹ đất hai bên đường trục 1 xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	xã Âu Lâu	6,71	0,15		6,56	2,27			2,27	Điều chỉnh giảm quy mô thực hiện dự án
12	Đường từ Quốc lộ 37 đến thôn Hai Luồng, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	xã Âu Lâu	1,66	1,20		0,46	1,22			1,22	Điều chỉnh giảm quy mô thực hiện dự án
IV	Thị xã Nghĩa Lộ										
13	Dự án Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC 14)	Xã Sơn A, xã Nghĩa Lộ, xã Phú Nhuận, thị xã Nghĩa Lộ	71,00	9,92		61,08	74,00	9,92		64,08	Điều chỉnh quy mô, diện tích, ranh giới thực hiện dự án
14	Trụ sở công an xã Nghĩa Lợi	Xã Nghĩa Lợi	0,06	0,06			0,0715	0,0715			Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án
15	Xây dựng khu đô thị mới	Phường Trung Tâm, xã Nghĩa Lợi	7,4	7,00		0,4	7,40	7,00		0,4	Điều chỉnh tên, vị trí thực hiện dự án, Cập nhật quyết định cho phép thực hiện trong năm KH2024
V	Huyện Trạm Tấu										
16	Đường thôn Hàng Găng đi xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn	Xã Pù Hu	1,700		0,870	0,830	2,09		1,75	0,36	Vị trí, quy mô thực hiện dự án
VI	Huyện Văn Chấn										
17	Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bản Hộc	Thị trấn Sơn Thịnh	8,90	8,42		0,48	9,28	8,80		0,48	Điều chỉnh lại diện tích thực hiện dự án
B	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THUỘC TRƯỜNG HỢP KHÔNG THÔNG QUA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN		361,981	15,700	115,000	231,281	362,420	15,700	115,000	231,720	
I	Huyện Mù Cang Chải										
1	Trụ sở công an xã Nậm Cỏ	Xã Nậm Cỏ, huyện Mù Cang Chải	0,03			0,03	0,076			0,076	Điều chỉnh diện tích đất xin giao đất
2	Trụ sở công an xã Lạc Chải	Xã Lạc Chải, huyện Mù Cang Chải	0,04			0,04	0,11			0,11	Điều chỉnh diện tích đất xin giao đất

DANH MỤC DỰ ÁN SAU ĐIỀU CHỈNH										Nội dung điều chỉnh		
STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Tăng diện tích (ha)	Trong đó (ha)				
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		Đất khác	Đất rừng phòng hộ		Đất khác	
3	Trụ sở công an xã La Pán Tán	Xã La Pán Tán, huyện Mù Cang Chải	0,05				0,05	Xã La Pán Tán, huyện Mù Cang Chải	0,101	0,101	0,101	Điều chỉnh diện tích đất sau giao đất
4	Trụ sở công an xã Dẽ Xu Phình	Xã Dẽ Xu Phình, huyện Mù Cang Chải	0,05				0,05	Xã Dẽ Xu Phình, huyện Mù Cang Chải	0,102	0,102	0,102	Điều chỉnh diện tích đất sau giao đất
II	Huyện Yên Bình											
5	Dự án đầu tư khai thác mỏ Feldspat, thôn Hồng Quân, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Xã Hán Đà	0,44				0,44	Dự án đầu tư khai thác mỏ Feldspat, thôn Hồng Quân, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	0,66	0,66	0,66	Điều chỉnh tăng diện tích thực hiện dự án do thực hiện hết phần diện tích còn lại của dự án theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1369/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (diện tích được cấp là 56405,2 m ² ; diện tích đã được thuê đất là 49866,2 m ²)
6	Giáo xứ Minh Danh	Xã Hán Đà	0,42				0,42	Giáo xứ Minh Danh	0,42	0,42	0,42	Cấp nhật lại ranh giới
7	Trụ sở công an xã Đại Minh	Xã Đại Minh	0,031				0,031	Trụ sở công an xã Đại Minh	0,031	0,031	0,031	Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án
8	Trụ sở công an xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	0,05				0,05	Trụ sở công an xã Phú Thịnh	0,05	0,05	0,050	Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án
9	Trụ sở công an xã Yên Thành	Xã Yên Thành	0,04				0,04	Trụ sở công an xã Yên Thành	0,04	0,04	0,040	Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án
10	Trụ sở công an xã Thịnh Hưng	Xã Thịnh Hưng	0,05				0,05	Trụ sở công an xã Thịnh Hưng	0,05	0,05	0,05	Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án
11	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất đường Hoàng Thi)	Xã Hán Đà	1,75				1,75	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất đường Hoàng Thi)	1,75	1,75	1,75	Cập nhật lại ranh giới theo ranh giới thực tế của dự án được UBND huyện Yên Bình phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
III	Thị xã Nghĩa Lộ											
	Khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường	Thôn Huổi Quế, xã Phú Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	11,13				11,13	Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Phú Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	11,13	11,13	11,13	Điều chỉnh tên dự án theo chủ trương đầu tư đã được cấp

12

		DANH MỤC DỰ ÁN TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH				DANH MỤC DỰ ÁN SAU ĐIỀU CHỈNH							
STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Nội dung điều chỉnh
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				Đất khác	Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	
IV	Huyện Văn Yên		1,00	0,90			Mở rộng nghĩa trang H44, thị trấn Mậu A	TT Mậu A	1,00	0,90			Cập nhật lại ranh giới dự án
13	Mở rộng nghĩa trang H44, thị trấn Mậu A												
V	Dự án liên huyện												
14	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Thuận Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (IC15)	xã Chế Cu Nha, Năm Cỏ, Mồ Dẻ, huyện Mù Cang Chải	222,41	9,90	70,0			xã Chế Cu Nha, Năm Cỏ, Mồ Dẻ, huyện Mù Cang Chải	222,41	9,90	70,00		Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án (trước đó diện tích chính giảm 8,91 ha diện tích tuyến chính; bổ sung tăng 8,91 ha bãi đổ thải lên thành 42,2 ha bãi đổ thải)
		xã Phương Độ Thượng, huyện Văn Yên	124,49	4,90	45,00			xã Phương Độ Thượng, huyện Văn Yên	124,49	4,90	45,00		Cập nhật lại ranh giới thực hiện dự án (trước đó diện tích chính giảm 32,47 ha tuyến chính; bổ sung tăng 22,35 ha bãi đổ thải lên thành 56 ha bãi đổ thải; 5,5ha đường công vụ và 4,62 ha sạt trượt)
Tổng cộng			590,74	71,95	115,87				569,97	57,68	116,73	0,00	395,56

BIỂU SỐ 03:
DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
A	DANH MỤC CÁC HỘ GIA ĐÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA		29.695,0				
I	Huyện Mù Cang Chải						
1	Hà Thu Trang	Bản Dẻ Thàng, xã Chế Cu Nha	241,9	LUK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
II	Huyện Lục Yên						
2	Hoàng Văn Nó	Thôn Chang Pồng, xã Lâm Thượng	472,5	LUC	CLN	Phù hợp	Phù hợp
3	Nguyễn Thị Yên	Thôn Sảo, xã Tân Lập	190,3	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá trình lập chưa được phê duyệt
4	Hứa Thị Thân	Thôn Yên Thịnh, xã Vĩnh Lạc	307,0	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
5	Nguyễn Văn Hưng	Thôn Đồng Tâm, xã Liễu Đô	311,8	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
6	Triệu Thị Quân	Thôn Kéo Quạng, xã Minh Xuân	358,0	LUK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
7	Hoàng Văn Lưu	Thôn Loong Tra, xã Minh Xuân	250,0	LUK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
8	Mai Văn Thịnh	Thôn 1 Túc, xã Phúc Lợi	322,1	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá trình thẩm định chưa được phê duyệt
9	Lý Văn Dương	Thôn 3 Thuồng, xã Phúc Lợi	298,1	LUC	ONT	Phù hợp	
10	Bản Thị Sinh	Thôn 3 Túc, xã Phúc Lợi	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
11	Lạc Đức Văn	Thôn Khuân Pục, xã Minh Tiến	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
12	Nông Trần Tam	Thôn Trang, xã Minh Tiến	135,6	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
13	Nguyễn Thị Đắc	Thôn Khau Nghiêm, xã Minh Tiến	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
14	Mông Thị Lành	Tổ 12, thị trấn Yên Thế	400,0	LUK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
15	Lê Thị Huyền	Tổ 12, thị trấn Yên Thế	460,0	LUK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
III	HUYỆN TRẠM TÁU						
16	Phạm Văn Sơn	Thôn Lừ 1, xã Hát Lừ	165,0	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
17	Lò Thị Ẽnh	Thôn Lừ 1, xã Hát Lừ	188,7	LUC	ONT	Phù hợp	
18	Giàng A Câu	Thôn Sáng Pao, xã Xá Hồ	181,8	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
19	Đỗ Thị Bích Diệp	Thôn Bản Công, xã Bản Công	397,3	LUN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
20	Mai Thị Dinh	Thôn Bản Công, xã Bản Công	395,0	LUN	ONT	Phù hợp	
21	Mai Quang Cảnh	Thôn Bản Công, xã Bản Công	399,1	LUN	ONT	Phù hợp	
22	Trang A Lừ	Thôn Mù Thấp, xã Bản Mù	305,2	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
IV	Huyện Văn Yên						
23	Trần Văn Chi	Thôn Tân Hoa, xã An Bình	296,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
24	Hoàng Thị Phúc	Thôn Yên Thịnh, xã An Thịnh	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
25	Lê Văn Chung	Thôn Yên Dũng, xã Yên Hợp	397,8	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
26	Nguyễn Thanh Trúc	Thôn Ngòi Viễn, xã Xuân Ái	350,0	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được
27	Lê Văn Tư	Thôn Ngòi Viễn, xã Xuân Ái	439,6	LUC	ONT	Phù hợp	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
28	Nguyễn Văn Mạnh	Thôn Trung Tâm, xã Xuân Ái	227,2	LUC	ONT	Phù hợp	phê duyệt
29	Hoàng Thị Mậu	Thôn Trung Tâm, xã Ngòi A	391,1	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
30	Chu Ngọc Xuyên	Tổ 3, thị trấn Mậu A	56,2	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
31	Nguyễn Văn Sáng	Tổ 10, thị trấn Mậu A	244,3	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
32	Phùng Văn Thín	Tổ 3, thị trấn Mậu A	323,3	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
33	Đoàn Thị Hòa	Tổ 10, thị trấn Mậu A	104,7	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
34	Vũ Viết Lờ	Tổ 6, thị trấn Mậu A	124,5	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
35	Nguyễn Thị Tâm	Tổ 7, thị trấn Mậu A	104,4	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
36	Nguyễn Cao Cường	Tổ 3, thị trấn Mậu A	208,9	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
37	Nguyễn Đình Tuyên	Tổ 3, thị trấn Mậu A	400,0	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
38	Đào Văn Bình	Tổ 3, thị trấn Mậu A	251,7	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
39	Hoàng Đình Khánh	Tổ 3, thị trấn Mậu A	342,0	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
V	HUYỆN VĂN CHẤN						
40	Đặng Văn Hiện	Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê	239,6	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
41	Vì Văn Lâm	Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê	288,9	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
42	Đỗ Đức Nhuận	Thôn Đồng Bản, xã Tân Thịnh	385,3	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
43	Hoàng Văn Mặc	Thôn Mâm 1, xã An Lương	382,4	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
44	Nguyễn Duy Mùi	Thôn Nước Nóng, xã Tú Lệ	300,0	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
45	Sầm Văn Nhất	Thôn Nà Lóng, xã Tú Lệ	136,2	LUC	ONT	Phù hợp	
VI	HUYỆN YÊN BÌNH						

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
46	Nguyễn Văn Mạnh	Thôn Vũ Sơn, xã Vũ Linh	330,7	LUC	CLN	Phù hợp	Phù hợp
47	Nguyễn Văn Tường	Thôn An Lạc, xã Hán Đà	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
48	Nguyễn Đức Tính	Thôn Tân Lập, xã Hán Đà	283,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
49	Phạm Thị Xuyên	Thôn Ba Chăng, xã Vĩnh Kiên	399,2	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
50	Nguyễn Văn Chung	Thôn Phúc Khánh, xã Vĩnh Kiên	399,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
51	Hoàng Ngọc Giang	Thôn Đa Cốc, xã Vĩnh Kiên	321,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
52	Nguyễn Thị Ninh	Thôn Đa Cốc, xã Vĩnh Kiên	205,9	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
53	Đỗ Thái Tuyên	Thôn Đa Cốc, xã Vĩnh Kiên	393,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
54	Nguyễn Thị Thanh	Thôn Đồng Chùa, xã Vĩnh Kiên	385,6	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
55	Nông Ngọc Chung	Thôn Tân Lương, xã Cẩm An	99,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
56	Nguyễn Văn Chiến	Thôn Ngòi Cát, xã Cẩm An	392,0	LUC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
57	Nguyễn Thị Phúc	Tổ 5, TT Yên Bình	585,0	LUC	CLN	Phù hợp	Phù hợp
58	Lương Bá Thực	Thôn Thanh Bình, xã Phú Thịnh	244,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
59	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Hợp Thịnh, xã Phú Thịnh	397,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
60	Nguyễn Thị Quyền	Thôn Lem, xã Phú Thịnh	66,5	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
61	Hoàng Văn Phàn	Thôn Lem, xã Phú Thịnh	275,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
62	Nguyễn Quốc Huy	Tổ 4, TT Thác Bà	203,9	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
63	Phạm Văn Viễn	Tổ 4, TT Thác Bà	332,9	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
64	Bùi Trung Hiếu	Thôn Phai Tung, xã Đại Minh	1.225,0	LUC	CLN	Phù hợp	Phù hợp
65	Nguyễn Hữu Phương	Thôn Làng Cẩn, xã Đại Minh	168,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
VII	HUYỆN TRẦN YÊN						
66	Vũ Văn Dậu	Thôn 5, xã Đào Thịnh	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
67	Hà Văn Hải	Thôn Tân Thịnh, xã Quy Mông	364,5	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
68	Đào Văn Uyên	Thôn Tân Thịnh, xã Quy Mông	380,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
69	Ngọc Văn Thọ	Thôn 3(Thịnh Lợi), xã Quy Mông	383,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
70	Hoàng Thị Chiến	Thôn 3(Thịnh Lợi), xã Quy Mông	380,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
71	Nguyễn Thanh Tuyền	Tổ dân phố số 10, TT Cổ Phúc	327,5	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
72	Lê Quang Vinh	Tổ dân phố số 10, TT Cổ Phúc	301,6	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
73	Nguyễn Đức Hậu	Tổ dân phố số 10, TT Cổ Phúc	146,7	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
74	Nguyễn Ngọc Hồ	Thôn Đức Quân, xã Minh Quân	166,1	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
75	Hoàng Đình Thiện	Thôn Đức Quân, xã Minh Quân	185,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
76	Hoàng Văn Khoa	Thôn Đồng Cát, xã Kiên Thành	161,5	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
77	Hoàng Văn Khiên	Thôn Đồng Cát, xã Kiên Thành	267,3	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
78	Hoàng Văn Chuông	Thôn Yên Thịnh, xã Kiên Thành	234,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
79	Đỗ Thị Dịp	Thôn Cà Nộc, xã Hồng Ca	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
80	Hoàng Quốc Toàn	Thôn 8 Minh Phú, xã Vân Hội	250,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
81	Nguyễn Văn Họa	Thôn Sài Lương, xã Tân Đồng	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
82	Nguyễn Trường Giang	Thôn Bánh Xe, xã Tân Đồng	320,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
83	Ngô Công Đoàn	Thôn Làng Đồng, xã Tân Đồng	42,1	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
84	Đoàn Văn Bán	Thôn Đồng Bằng 1+2, xã Lương Thịnh	250,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
85	Lê Văn Hào	Thôn Hạnh Phúc, xã Y Can	140,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
86	Vũ Thanh Tùng	Thôn Quyết Thắng, xã Y Can	380,0	LUK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
87	Nguyễn Danh Hướng	Thôn Minh Tân, xã Y Can	185,0	LUK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
88	Nguyễn Trường Giang	Thôn Ninh Phúc, xã Nga Quán	400,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
89	Nguyễn Thị Thu Thương	Thôn Hồng Hà, xã Nga Quán	352,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
VIII	TP YÊN BÁI						
90	Hà Thị Diệp	Tổ 1, phường Hợp Minh	185,5	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
91	Nguyễn Văn Định	Tổ dân phố Cầu Đền, Phường Nam Cường	60,0	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
92	Phạm Xuân Hiếu	Tổ 5, phường Yên Thịnh	300,0	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
93	Nguyễn Việt Tùng	Tổ 8, phường Yên Thịnh	300,0	LUC	ODT	Phù hợp	Phù hợp
94	Kiều Doãn Tường	Thôn Ngòi Châu, xã Giới Phiên	300,0	LUK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
95	Nguyễn Văn Phòng	Thôn Ngòi Châu, xã Giới Phiên	300,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
96	Vũ Thành Viên	Thôn Văn Liên, xã Văn Phú	300,0	LUA	ONT	Phù hợp	Phù hợp
97	Hoàng Tiến Giáp	Thôn Lương Sơn, xã Văn Phú	201,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
98	Trần Thị Thu Huyền	Thôn Tuy Lộc, xã Văn Phú	287,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
99	Ngô Thị Loan	Thôn Lương Thịnh, xã Tân Thịnh	166,0	LUC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
B	DANH MỤC CÁC HỘ GIA ĐÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÔNG QUA		239.525,3				
I	Huyện Mù Cang Chải						
	TT MÙ CANG CHẢI						
1	Sùng A Bình	Tổ 1	115,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
2	Nguyễn Văn Luân	Tổ 1	103,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
3	Giàng A Tổng	Tổ 1	132,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
4	Đoàn Thị Kim Oanh	Tổ 2	164,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
5	Nguyễn Thanh Hà	Tổ 2	28,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
6	Vũ Ngọc Linh	Tổ 4	70,5	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
7	Trần Quý Bằng	Tổ 4	263,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CHÉ CU NHA						
8	Sùng A Phênh	Bản Dề Thàng	350,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ LA PÁN TẦN						
9	Nguyễn Văn Dũng	Bản La Pán Tần	155,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
10	Hà Hải Đà	Bản La Pán Tần	392,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MỎ DÈ						
11	Hồ Bá Vinh	Bản Háng Sung	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
II	THỊ XÃ NGHĨA LỘ						
	XÃ NGHĨA LỢI						
12	Lường Thị Hồng Chung	Bản Chao Hạ 1	389,3	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
13	Đồng Văn Dừa	Bản Chao Hạ 2	120,1	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
14	Lò Văn Sổ	Bản Chao Hạ 2	246,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
15	Hoàng Văn Du	Bản Chao Hạ 2	388,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
16	Đồng Văn Chiến	Bản Sang Hán	288,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
17	Lò Văn Tâm	Bản Chao Hạ 1	248,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
18	Trần Thị Hoá (Tươi)	Bản Sang Đóm	183,3	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
19	Hà Văn Piêng	Bản Sang Hán	343,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
20	Điêu Văn Thi	Bản Phán Thượng	113,3	CLN; NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
21	Đinh Văn Hợp	Bản Sả rên	102,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
22	Nguyễn Thị Huyền	Bản Chao Hạ 1	350,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
23	Nguyễn Văn Khánh	Bản Sang Hán	276,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
24	Lò Văn Nhất	Bản Chao Hạ 1	254,3	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG PÚ TRẠNG						
25	Nguyễn Quang Diên	Tổ 7	211,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
26	Phạm Thị Hà	Tổ 7	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
27	Vi Văn Tú Chu Thị Dân	Tổ Bản Noong	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
28	Đinh Thị Thúy	Tổ Bản Ngoa	101,1	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
29	Tạ Lệ Dung	Tổ 2	239,3	CLN; NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NGHĨA PHÚC						
30	Đinh Văn Điện	Á hạ	95,2	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
31	Bùi Huy Tuyển	Á Thượng	223,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
32	Đinh Văn Thiết	Á Hạ	209,4	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
33	Đinh Thị Luôn	Á Hạ	241,6	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
34	Đinh Văn Khương	Á Hạ	160,8	CLN; NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG CẦU THIA						
35	Đồng Văn Dương	Tổ 2	278,7	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
36	Đồng Mạnh Phay (Đồng Văn Phay)	Tổ 2	299,8	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
37	Đồng Thị Kim Thư	Tổ 3	227,0	HNK; NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
38	Trương Thanh Tân	Tổ 3	108,4	NTS; CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
39	Trương Minh Toàn	Tổ 3	89,0	NTS; CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
40	Nguyễn Thị Hồng	Tổ 4	59,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
41	Nguyễn Văn Thành	Tổ 6	191,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
42	Hoàng Văn Dương	Tổ 7	151,7	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHÙ NHAM						
43	Hoàng Hải Văn	Thôn Chanh	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
44	Bùi Văn Toàn	Thôn Phù Ninh	300,0	HNK; NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
45	Lò Văn Ke	Thôn Quân	206,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
46	Lưu Tuấn Điền	Thôn Loạng	108,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
47	Doãn Văn Chiêu	Thôn Quân	126,0	HNK; CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHÚC SƠN						
48	Đồng Văn Doanh	Bản Ngoa	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
49	Hà Mạnh Sinh	Bản Lụ 2	182,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NGHĨA LỘ						
50	Lại Văn Bình	Thôn 1	293,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
51	Vũ Thị Bưởi	Thôn 1	200,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
52	Nguyễn Thị Hiền	Thôn 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
53	Lê Thị Thanh Nhuận	Thôn 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
54	Nguyễn Đình Tinh	Thôn 2	241,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
55	Quách Thị Hoài	Thôn 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
56	Nghiêm Thị Toàn	Thôn 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
57	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thôn 2	225,6	CLN	CLN	Phù hợp	Phù hợp
58	Lê Đức Linh	Thôn 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
59	Hoàng Thị Hằng	Thôn 3	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
60	Vũ Thị Thuý	Thôn 3	78,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
61	Nguyễn Thanh Tùng	Thôn 3	175,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
62	Nguyễn Ngọc Hải	Thôn 3	171,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
63	Vũ Thị Thanh	Thôn 3	115,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
64	Lưu Thanh Liêm	Thôn 3	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
65	Vũ Thị Chính	Thôn 3	224,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
66	Giang Thị Lại	Thôn 3	250,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
67	Nguyễn Thị Thắm	Thôn 3	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
68	Trần Văn Thi	Thôn 3	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
69	Đỗ Xuân Thơ	Thôn 3	281,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
70	Vũ Thị Bích Ngọc	Thôn 3	212,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
71	Lê Thị Hoa	Thôn 3	255,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
72	Bùi Thị Ngát	Thôn 3	86,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
73	Vũ Thị Liên	Thôn 3	173,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
74	Lê Thị Sắc	Thôn 4	111,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
75	Trịnh Thị Hiền	Thôn 4	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
76	Vũ Đức Thành	Thôn 4	53,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
77	Phạm Thị Lan	Thôn 4	151,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
78	Nguyễn Phương Liên	Thôn 4	240,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
79	Nguyễn Hữu Khoa	Thôn 4	239,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
80	Nguyễn Kim Nhung	Thôn 4	91,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
81	Phương Thị Bình	Thôn 5	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
82	Nguyễn Thị Minh Huyền	Thôn 5	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
83	Đỗ Văn Trung	Thôn 5	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
84	Lê Văn Lạc	Thôn 6	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
85	Nguyễn Ngọc Bộ	Thôn 7	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
86	Đình Đức Cận	Thôn 8	279,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
87	Nguyễn Tiến Dương	Thôn 8	40,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
88	Phạm Thị Bằng	Thôn 8	190,0	HNK+NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG TRUNG TÂM						
89	Lường Thị Ơt	Pá Khết	241,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
90	Phạm Thị Phương	Tổ 2	74,2	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ SƠN A						
91	Hoàng Văn Giánh (Dánh)	Bản Vắn	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
92	Phạm Văn Đắc	Cò Cọi	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
93	Sầm Thị Phăng	Bản Viêng	200,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
94	Lường Văn Máy	Bản Vắn	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
95	Hoàng Văn Hưng	Bản Vắn	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ THANH LƯƠNG						
96	Lý Mạnh Đạt	Bản Kinh	300,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
97	Hà Văn Ninh	Bản Lý	218,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
98	Đình Thị Thúy Loan	Đồng Lơi	58,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
99	Hà Văn Vụ	Khá Thượng	260,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
100	Hà Thị Mới	Khá Thượng	176,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
101	Nguyễn Thị Thắm	Khá Thượng	194,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
102	Hoàng Văn Phong	Khá Hạ	178,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
103	Nguyễn Thị Quỳnh	Bản Lào	495,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
104	Khổng Văn Cường	Bản Lào	128,4	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
105	Đình Văn Tén	Bản Lào	425,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
106	Đình Văn Chúc	Đồng Lơi	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
107	Lê Thị Nhâm	Khá Thượng	253,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG TÂN AN						
108	Hoàng Văn Chanh	Tổ Tổng Co 2	121,2	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
109	Hoàng Văn Phong	Tổ Tổng Co 2	225,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
110	Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 2	27,5	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
111	Nguyễn Duy Trường	Tổ 1	56,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
112	Hoàng Thị Thiên	Tổ Ao Sen 2	180,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
113	Nguyễn Thị Minh	Tổ 5	245,2	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
114	Hoàng Văn Chùm	Tổ Tổng Co 3	225,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
115	Nguyễn Khắc Diện	Tổ 5	105,6	HNK, NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
116	Lò Văn Mẫn	Tổ Tổng Co 1	210,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
117	Cao Văn Bình	Tổ 5	111,2	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
118	Quách Thị Thu Nga	Tổ 1	203,1	HNK, NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
119	Đoàn Khánh Quyên	Tổ 6	55,8	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
120	Lò Thị Hường	Tổ 5	296,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
121	Lê Văn Dũng	Tổ 6	297,8	CLN, NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
122	Triệu Mạnh Khương	Tổ Ao Sen 2	121,6	CLN, NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
123	Hoàng Thị Quý Đạo	Tông Pọng	75,1	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
124	Lò Thị Kim	Tông Co 1	218,8	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
125	Hoàng Xuân Đức	Tông Co 2	105,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
126	Lò Văn Ngai	Tông Co 3	206,3	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
III	HUYỆN LỤC YÊN						
	XÃ LÂM THUẬN						
127	Hoàng Văn Đồ	Khéo Lặng	359,1	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHAN THANH						
128	Nông Văn An	Thôn Rầu Chang	301,5	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
129	Tăng Văn Tý	Thôn Rầu Chang	228,6	RSX	ONT	Phù hợp	
130	Hoàng Văn Hoan	Thôn Rầu Chang	201,6	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ TÂN LẬP						
131	Nguyễn Văn Bốn	Thôn Hạ Giang	284,2	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
132	Nguyễn Văn Tin	Thôn Hạ Giang	367,9	CLN	ONT	Phù hợp	
133	Hoàng Thị Phòng	Thôn Ao Sen Lũng	392,1	CLN	ONT	Phù hợp	
134	Hoàng Thị Chung	Thôn Cát	279,8	CLN	ONT	Phù hợp	
135	Phùng Thị Thuật	Thôn Hạ Giang	118,4	CLN	ONT	Phù hợp	
136	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Hạ Giang	350,5	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ ĐỘNG QUAN						
137	Đỗ Đăng Liêu	Thôn 6	400,0	RST	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
138	Lý Văn Đức	Thôn 9	61,8	HNK	ONT	Phù hợp	
139	Triệu Quốc Tuấn	Thôn 6	400,0	CLN RST	ONT	Phù hợp Phù hợp	
140	Lương Danh Thường	Thôn 6	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
	XÃ KHÁNH HÒA						
141	Hà Ngọc Uşa	Tát Diêu	156,4	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
142	Hoàng Thị Vượng	Làng Chạp	61,7	CLN	ONT	Phù hợp	
143	Tạ Quốc Dương	Tát Diêu	244,0	CLN	ONT	Phù hợp	
144	Đàm Văn Hòa	Tát Diêu	150,0	CLN	ONT	Phù hợp	
145	Hà Thanh Lam	Tát Diêu	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ MINH CHUẨN						
146	Lâm Văn Toàn	Thôn Khau Nàng	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
147	Lộc Quang Tài	Thôn Khánh Ngoài	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VĨNH LẠC						
148	Nông Thị Lựu	Bến Muồm	394,6	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
149	Nông Văn Thế	Trung Tâm	349,9	CLN, NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÂN LĨNH						
150	Lương Thị Thà	Thôn 1	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
151	Nguyễn Thị Liên	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
152	Triệu Văn Thương	Thôn 5	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
153	Vương Ngọc Thanh	Thôn 4	350,0	CLN	ONT	Phù hợp	
154	Hoàng Văn Môn	Thôn 6	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
155	Nguyễn Văn Hồng	Thôn 5	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
156	Mai Văn Chức	Thôn 5	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
157	Nguyễn Hồng Chín	Thôn Trung Tâm	247,0	CLN	ONT	Phù hợp	
158.	Lê Văn Hội	Thôn Trung Tâm	250,0	CLN	ONT	Phù hợp	
159	Hoàng Văn Nghiên	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
160	Lê Thị Chín	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
161	Trần Thị Xuân	Thôn 4	170,0	CLN	ONT	Phù hợp	
162	Hoàng Thị Mến	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
163	Lương Trung Trục	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
164	Lèng Văn Tắc	Thôn 4	121,0	CLN	ONT	Phù hợp	
165	Trần Văn Hải	Thôn Trung Tâm	35,0	HNK	ONT	Phù hợp	
166	Trần Thị Nhung	Thôn 1	94,4	HNK	ONT	Phù hợp	
167	Vũ Thị Thiêm	Thôn 1	172,0	HNK	ONT	Phù hợp	
168	Nguyễn Lê Hoàn	Thôn 1	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
169	Phạm Thị Bình	Thôn 1	400,0	CLN; TSN	ONT	Phù hợp	
170	Nguyễn Hữu Tuyên	Thôn 4	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
171	Hoàng Văn Thanh	Thôn 3	323,0	CLN	ONT	Phù hợp	
172	Nguyễn Thị Hát	Thôn 4	150,0	CLN	ONT	Phù hợp	
173	Hứa Thị Quế	Thôn 1	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
174	Hoàng Đình Ninh	Thôn 5	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
175	Vi Văn Thống	Thôn 5	180,0	CLN	ONT	Phù hợp	
176	Phạm Xuân Thiện	Thôn Trung Tâm	296,0	CLN	ONT	Phù hợp	
177	Trần Ngọc Hinh	Thôn Trung Tâm	175,0	CLN	ONT	Phù hợp	
XÃ TÔ MẬU							
178	Nguyễn Nhân	Làng Mường	158.5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
179	Lương Văn Vích	Làng Mường	383.0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ MAI SƠN							
180	Nguyễn Thị Day	Sơn Đông	121,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
181	Trương Thị Minh	Sơn Bắc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
182	Triệu Văn Kiến	Sơn Hạ	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ TRUNG TÂM							
183	Nguyễn Tuấn Anh	Thôn Làng Thiu	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
184	Lê Quang Huy	Thôn Sài Lớn	333,0	CLN	ONT	Phù hợp	
185	Phùng Thị Lú	Thôn Gốc Sâm	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
186	Nguyễn Hoàng Sơn	Thôn Làng Thiu	167,4	CLN, HNK	ONT	Phù hợp	
187	Trần Xuân Hùng	Thôn Gốc Sâm	399,6	CLN	ONT	Phù hợp	
188	Nguyễn Trung Tuyển	Thôn Gốc Sâm	398,2	CLN	ONT	Phù hợp	
XÃ LIỄU ĐỒ							
189	Đặng Thị Quý	Đồng Tâm	200,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
190	Nguyễn Quỳnh Liên	Đồng Tâm	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
191	Nguyễn Kim Thủy	Đồng Tâm	362,1	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
192	Vi Văn Ngò	Ngôi Kèn	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
193	Vũ Thị Túc	Đồng Tâm	400,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
194	Trịnh Xuân Cấn	Tiền Phong	287,9	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
195	Hoàng Thanh Bình	Đồng Tâm	60,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
196	Hoàng Văn Chu	Ngôi Kèn	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
197	Lê Văn Quang	Tân Quang	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
198	Hoàng Thị Tiểu	Nà Nội	326,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
199	Phạm Văn Mừng	Đồng Tâm	257,7	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
200	Vương Quang Đạo	Nà Nội	400,0	RST	ONT	Phù hợp	Phù hợp
201	Tô Thị Thu Hương	Đồng Tâm	376,0	CLN, TSN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ MINH XUÂN							
202	Nguyễn Đức Thùy	Trần Phú	87,6	HNK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
203	Trần Văn Thu	Trần Phú	266,0	CLN	ONT	Phù hợp	
204	Trương Thị Lan	Yên Thượng	117,8	HNK	ONT	Phù hợp	
205	Hoàng Thị Bích Thủy	Xuân Yên	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
206	Nguyễn Thị Lan	Trần Phú	213,0	CLN	ONT	Phù hợp	
207	Nguyễn Thị Lan	Ngôi Vạc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
208	Đặng Văn Đạo	Ngôi Vạc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
209	Hoàng Thị Chinh	Nà Vài	220,0	CLN	ONT	Phù hợp	
			180,0			Phù hợp	
210	La Thanh Ngoan	Trần Phú	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
211	Hoàng Thị Sửu	Trần Phú	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	
212	Nguyễn Thị Bính	Ngôi Vạc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
XÃ AN LẠC							
213	Phùng Thị Ban	Làng Chã	129,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ YÊN THẮNG							
214	Nguyễn Thế Doanh	Đồng Cáy	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
215	Nguyễn Đăng Cường	Nà Khao	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
216	Hoàng Thị Minh	Làng Phạ	302,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
217	Nguyễn Thị Kim Anh	Làng Già	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
218	Nguyễn Văn Sinh	Làng Già	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
219	Nguyễn Đức Hội	Đồng Cáy	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
220	Phạm Văn Hồng	Nà Khao	312,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
221	Trần Xuân Sáng	Đồng Cáy	320,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
222	Phạm Minh Tuấn	Nà Khao	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ KHÁNH THIỆN							
223	Vũ Khắc Đình	Khe Phay	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
XÃ TÂN PHƯỢNG							
224	Trịnh Hữu Kàn	Bó Mì	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ MUỖNG LAI							
225	Nguyễn Trường Tuấn	Thôn 4	257,8	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
226	Hứa Minh Kiểm	Thôn 2	602,6	CLN	ONT +TSN	Phù hợp	Phù hợp
227	Hoàng Văn Quý	Thôn 5	310,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ PHÚC LỢI							
228	Lê Quang Hoa	1 Vần	64,0	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định
229	Triệu Thiệu Minh	2 Túc	331,1	HNK	ONT	Phù hợp	
230	Ngô Thanh Hồ	4 Thuồng	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
231	Nguyễn Thị Phan	1 Vàn	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Của xã đang trình định chưa được phê duyệt
232	Đỗ Văn Đợi	2 Vàn	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
233	Đặng Tấn Sửu	3 Vàn	223,2	HNK	ONT	Phù hợp	
234	Lộc Thị lần	1 Túc	169,5	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ AN PHÚ						
235	Hoàng Văn Xuân	Cao Khánh	40,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
236	Vương Toàn Thuỷ	Khau Sén	178,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MINH TIẾN						
237	Nông Hải Duyên	Thôn Khuân Pục	172,9	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
238	Nông Văn Đoàn	Thôn Trang	391,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
239	Triệu Thị Hương	Thôn Tổng Táng	361,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
240	Trịnh Văn Duẩn	Thôn Khau Nghiêm	397,8	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
241	Hứa Văn Kiến	Thôn Khuân Pục	396,4	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
242	Hoàng Văn Quang	Thôn Khau Nghiêm	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	TT YÊN THẾ						
243	Nguyễn Thị An	Tổ 1	136,7	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
244	Tăng Ngọc Vệ	Tổ 10	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
245	Phùng Quang Phái	Tổ 1	350,0	BHK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
246	Tăng Văn Tứ	Tổ 12	420,9	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
247	Cao Xuân Quang	Tổ 10	246,1	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
248	Nguyễn Thị Chiến	Tổ 10	408,2	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
249	Hoàng Văn Thùy	Tổ 10	322,6	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
250	Đỗ Vi Thượng	Tổ 13	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
251	Nông Thành Đạt	Tổ 11	136,7	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
252	Phùng Trung Hải	Tổ 10	240,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
253	Lương Kim Ngân	Tổ 10	113,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
254	Lương Diệu Thúy	Tổ 10	225,2	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
255	Phạm Thị Thuyết	Tổ 1	200,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
256	Tăng Đình Nguyệt	Tổ 12	400,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
257	Hoàng Thị Gấm	Tổ 13	250,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
258	Cao Bá Tuyết	Tổ 10	457,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
259	Nguyễn Thị Sơn	Tổ 10	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
260	Đỗ Viết Khánh	Tổ 13	30,5	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
261	Vũ Văn Khải	Tổ 12	360,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
262	Triệu Thị Thu Hằng	Tổ 11	400,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
263	Giang Văn Minh	Tổ 1	22,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
264	Phan Đức Hồng	Tổ 11	400,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
265	Nguyễn Tiến Sinh	Tổ 12	105,2	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
266	Nguyễn Văn Thắng	Tổ 13	400,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
267	Trịnh Văn Quân	Tổ 6	302,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
268	Nguyễn Văn Tâm	Tổ 10	187,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
269	Cao Trung Thông	Tổ 12	400,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
IV	HUYỆN VĂN YÊN						



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
	XÃ TÂN HỢP						
270	Nguyễn Văn Thanh	Gốc Gạo	226,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CHÂU QUẾ HẠ						
271	Phạm Văn Ca	Thôn Nhèo	287,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
272	Đặng Thị Hoa	Thôn Pha Trạc	177,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ AN BÌNH						
273	Trịnh Thị Nhân	Trái Hút	217,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
274	Doãn Thị Át	Trung tâm	399,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VIỄN SƠN						
275	Bàn Văn Ngân	Khe Quế	230,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐỒNG CUÔNG						
276	Nguyễn Văn Khanh	Sắt Ngọt	48,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
277	Nguyễn Đức Hiệp	Sắt Ngọt	394,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
278	Lê Văn Toàn	Sắt Ngọt	90,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
279	Trần Văn Sơn	Sắt Ngọt	42,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
280	Nguyễn Xuân Bang	Cầu Khai	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
281	Vũ Văn Học	Bến Đền	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
282	Nguyễn Xuân Dũng	Bến Đền	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
283	Lương Mai Khang	Trung Tâm	95,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
284	Nguyễn Thị Yến	Cầu Khai	210,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ AN THỊNH						
285	Nguyễn Văn Khuyến	Đồng Tâm	138,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
286	Nguyễn Văn Tịch	Làng Cau	268,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
287	Trịnh Văn Lâm	Đồng Tâm	202,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
288	Trần Quang Phúc	Yên Thịnh	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
289	Lê Xuân Chính	Tân Thịnh	425,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
290	Đỗ Đức Hóa	Yên Thịnh	297,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
291	Trịnh Văn Trọng	Thôn Đồng Tâm	289,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MẬU ĐÔNG						
292	Cù Thị Thanh	Thôn Cầu Khai	372,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
293	Nguyễn Đức Toàn	Thôn Cầu A	295,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
294	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Cầu Khai	345,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
295	Phạm Văn Hoàn	Thôn Cầu A	320,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
296	Trần Văn Chung	Thôn Cầu Khai	143,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
297	Trần Văn Duyên	Thôn Cầu A	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
298	Đinh Thị Hoa	Thôn Cầu A	138,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
299	Phạm Hoàng Hóa	Thôn Cầu Vải	394,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
300	Vũ Thị Hương	Thôn Cầu Quạch	225,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
301	Đinh Công Bàn	Thôn Cầu A	190,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ YÊN HỢP						
302	Lại Văn Lực	Yên Thành	258,7	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ YÊN THÁI						
303	Trần Văn Thúy	Gốc Nhội	277,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
304	Trần Ngọc Thạch	Phổ Nhoi	160,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
305	Trần Thanh Tùng	Trung Tâm	16,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
306	Trương Văn Nhất	Khe Bốn	308,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
307	Đinh Văn Thắng	Khe Bốn	360,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
308	Nguyễn Văn Thà	Trung Tâm	302,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐÔNG AN						
309	Nguyễn Thị Hiệp	Chèm	248,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
310	Trần Mạnh Hùng	Đức An	356,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
311	Nguyễn Thị Hà	An Khang	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
312	Vũ Thị Lánh	An Khang	258,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
313	Nguyễn Đức Mạnh	Toàn An	123,1	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ LÂM GIANG						
314	Nguyễn Văn Mão	Hợp Lâm	357,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHONG DỤ HẠ						
315	Trần Văn Cường	Khe Kia	287,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
316	Lương Văn Sự	Khe Kia	320,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
317	Hà Văn Dũng	Khe Kia	208,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ QUANG MINH						
318	Nguyễn Thị Dinh	Thôn Khe Tăng	212,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
319	Lý Văn Tham	Thôn Minh Khai	190,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ XUÂN TÂM						
320	Bàn Phúc Huyện	Thôn Trung Tâm	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ XUÂN ÁI						
321	Trần Văn Xá	Ngòi Viễn	406,5	HNK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
322	Nguyễn Văn Vinh	Ngòi Viễn	385,6	HNK	ONT	Phù hợp	
323	Trần Thị Nụ	Trung Tâm	342,0	CLN	ONT	Phù hợp	
324	Nguyễn Thị Hào	Sông Hồng	382,0	HNK	ONT	Phù hợp	
325	Phạm Văn Mạnh	Sông Hồng	227,2	CLN	ONT	Phù hợp	
326	Đào Ngọc Giang	Sông Hồng	278,0	HNK	ONT	Phù hợp	
	XÃ YÊN PHÚ						
327	Nguyễn Văn Thắng	Phú Sơn	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
328	Trương Văn Minh	Yên Tiên	276,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
329	Đỗ Thị Phượng	Yên Tiên	272,4	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
330	Phùng Văn Thủy	Phú Sơn	202,7	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
331	Phùng Thị Thu	Phú Sơn	27,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
332	Bùi Văn Đồng	Phú Sơn	400,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
333	Nguyễn Văn Tiến	Phú Sơn	285,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CHÂU QUẾ THƯỢNG						
334	Đỗ Xuân Thùy	Ngòi Lầu	96,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
335	Nguyễn Văn Hiếu	Ngòi Lầu	98,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
336	Nguyễn Văn Thắng	Ngòi Lầu	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
337	Nguyễn Thế Hùng	Ngòi Lầu	212,3	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ LANG THẬP						
338	Vũ Văn Khai	Thôn Nghĩa Dũng	397,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
339	Nguyễn Mạnh Toàn	Thôn Nghĩa Dũng	153,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NGÔI A						
340	Đỗ Cao Anh	Vầu Sơn	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
341	Trần Văn Tâm	Vầu Sơn	377,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
342	Nghiêm Thị Nga	Vầu Sơn	222,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
343	Trần Tuấn Anh	Vầu Sơn	90,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
344	Trần Ngọc Hợp	Vầu Sơn	300,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
345	Đặng Văn Lại	Vầu Sơn	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
346	Vũ Văn Dũng	Đoàn Kết	239,1	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
347	Cầm Thị Thủy	Liên Hiệp	120,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
348	Cầm Văn Xuân	Đoàn Kết	266,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
349	Hoàng Phong Nam	Đoàn Kết	281,3	RXS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
TT MẬU A							
350	Bùi Thị Vân Lý	Tổ dân phố 8	50,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
351	Nguyễn Minh Tân	Tổ dân phố 7	55,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
352	Lê Thị Hải Hà	Tổ dân phố 10	46,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
353	Nguyễn Thị Hòa	Tổ dân phố 11	333,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
354	Phạm Thị Tin	Tổ dân phố 9	51,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
355	Nguyễn Văn Chiến	Tổ dân phố 11	160,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
356	Trần Văn Chung	Tổ dân phố 6	311,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
357	Đồng Văn Bắc	Tổ dân phố 10	218,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
358	Nguyễn Thị Minh	Tổ dân phố 3	100,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
359	Nguyễn Thị Loan	Tổ dân phố 7	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
360	Nguyễn Văn Đoàn	Tổ dân phố 3	224,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
361	Trần Thị Luyến	Tổ dân phố 2	321,1	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
362	Nguyễn Thị Dung	Tổ dân phố 10	320,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
363	Nguyễn Đăng Khoa	Tổ dân phố 7	244,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
364	Lương Thị Yên	Tổ dân phố 3	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
365	Hoàng Thị Hường	Tổ dân phố 10	171,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
366	Hoàng Minh Chiến	Tổ dân phố 3	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
367	Phạm Thị Nha Trang	Tổ dân phố 9	174,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
368	Đào Ngọc Thủy	Tổ dân phố 9	30,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
369	Đinh Tổ Hữu	Tổ dân phố 1	225,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
370	Nguyễn Thị Phương	Tổ dân phố 9	56,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
371	Nguyễn Thị Lê Na	Tổ dân phố 9	348,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
372	Doãn Xuân Trường	Tổ dân phố 10	58,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
V	HUYỆN VĂN CHẤN						
	THỊ TRẦN SƠN THỊNH						
373	Lò Văn Sơn	Tổ DP Suối Khoáng	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
374	Hoàng Văn Thắng	Tổ DP Suối Khoáng	400,0	CLN; HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
375	Phạm Thị Thư	Tổ DP Thác Hoa	46,5	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
376	Nguyễn Duy Hùng	Tổ DP Đồng Ban	200,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
377	Đinh Thị Dung	Tổ DP Thác Hoa 3	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
378	Triệu Văn Đoàn	Tổ DP Thác Hoa	282,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
379	Cao Thị Ánh Tuyết	Tổ DP Thác Hoa 2	130,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp



STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
380	Trần Văn Hùng	Tổ DP Thác Hoa 3	117,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
381	Hoàng Thị Thanh	Tổ DP Phiêng 1	120,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
382	Hà Thị Kim Cúc	Tổ DP Đồng Ban	200,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
383	Lò Văn Cẩn	TDP Phiêng 1	144,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
384	Vũ Lương Phương	TDP Thác Hoa 2	73,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	TTNT LIÊN SƠN						
385	Đỗ Viết Lã	Tổ DP 3	356,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
386	Phạm Hùng Dũng	Tổ DP 5	347,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
387	Hoàng Văn Hoan	Tổ DP 1	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
388	Đào Văn Đồng	Tổ DP 5	220,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
389	Trương Văn Dầu	Tổ DP 5	235,1	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
390	Trương Văn Thân	Tổ DP 5	409,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
391	Quản Đình Sơn	Tổ DP 2	118,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
392	Lâm Văn Vân	Tổ DP 6	92,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐẠI LỊCH						
393	Hoàng Thị Tuyền	Thôn Thanh Tú	180,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
394	Hoàng Văn Hùng	Thôn Bằng Là 2	36,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
395	Lương Thị Loan	Thôn Bằng Là 2	58,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
396	Phạm Văn Thanh	Thôn Bằng Là 2	194,9	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
397	Hoàng Kim Đông	Thôn Bằng Là 2	120,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CÁT THỊNH						
398	Vũ Mạnh Tuấn	Thôn Ngã Ba	70,0	HNK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
399	Lò Thị Lân	Thôn Ba Khe	297,7	CLN	ONT	Phù hợp	
400	Hứa Thị Năng	Thôn Ba Khe	180,0	CLN	ONT	Phù hợp	
401	Lê Trọng Tranh	Thôn Hùng Thịnh	260,0	CLN	ONT	Phù hợp	
402	Hoàng Thị Ly	Thôn Ngã Ba	81,7	HNK	ONT	Phù hợp	
403	Sa Kim Cương	Thôn Đá Gân	283,5	CLN	ONT	Phù hợp	
404	Hoàng Đình Hà	Thôn Ba Khe	187,2	CLN	ONT	Phù hợp	
405	Sa Văn Tá	Thôn Ba Khe	291,5	CLN	ONT	Phù hợp	
406	Hoàng Thị Thuý	Thôn Ngã Ba	35,0	HNK	ONT	Phù hợp	
407	Bàn Văn Nguyên	Thôn Đá Gân	137,2	HNK	ONT	Phù hợp	
408	Hà Thị Phương Dung	Thôn Khe Dĩa	350,0	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ CHẤN THỊNH						
409	Hà Thị Nghĩa	Thôn Kiến Thịnh 1	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
410	Trần Văn Tuấn	Thôn Cao 2	96,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
411	Nguyễn Thị Vi	Thôn Cao 2	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
412	Phùng Thị Lan	Thôn Cao 2	120,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
413	Trần Văn Công	Thôn Cao 1	130,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
414	Phạm Thị Thúy	Thôn Cao 1	350,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
415	Vũ Thị Thu	Thôn Cao 1	208,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
416	Hoàng Thành Luân	Thôn Cao 1	103,1	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
417	Nguyễn Văn Toàn	Thôn Cao 2	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
418	Vũ Thị Thúy	Thôn Cao 2	144,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MINH AN						
419	Hoàng Ngọc Quân	Thôn Tân An	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
420	Đỗ Xuân Hùng	Thôn Đồng Quê	313,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐỒNG KHÊ						
421	Trịnh Quang Huy	Thôn Bản Hóc	84,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
422	Hoàng Đình Trang	Thôn Ao Sen	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
423	Nguyễn Văn Luy	Thôn Gốc Báng	228,3	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
424	Đoàn Văn Ngà	Thôn Đồng Sắt	299,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
425	Nguyễn Văn Phảng	Thôn Nà Trạm	168,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
426	Sa Kông Sỷ	Thôn Gốc Báng	50,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
427	Sa Công Hiếu	Thôn Gốc Báng	135,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
428	Hoàng Minh Tuyên	Thôn Gốc Báng	254,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
429	Vừ A Câu	Thôn Gốc Báng	137,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
430	Hà Văn Hình	Thôn Bản Hóc	74,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
431	Hoàng Văn Xôi	Thôn Bản Hóc	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
432	Hà Thị Châm	Thôn Gốc Báng	239,1	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
433	Hoàng Thị Mười	Thôn Nà Trạm	294,8	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÂN THỊNH						
434	Triệu Thị Bờ	Thôn Trung Tâm	161,8	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
435	Nguyễn Thanh Tùng	Thôn Khe Há	120,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
436	Bùi Đức Thắng	Thôn Trung Tâm	153,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
437	Trần Văn Đoàn	Thôn Văn Đoàn	133,9	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
438	Đinh Hồng Phương	Thôn Trung Tâm	110,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
439	Nguyễn Ngọc Thận	Thôn Trung Tâm	220,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
440	Nguyễn Văn Thành	Thôn Khe Há	120,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
441	Trần Văn Toàn	Thôn Trung Tâm	306,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ GIA HỘI						
442	Ngân Văn Hới	Thôn Bản Van	300,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
443	Lò Thị Kim Duyên	Thôn Nam Vai	322,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ AN LƯƠNG						
444	Ngân Văn Nôi	Thôn Mâm 1	189,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NẬM BÚNG						
445	Lý Thị Ton	Thôn Nậm Chậu	254,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
446	Đỗ Hữu Trường	Thôn Chấn Hưng	120,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
447	Nguyễn Năng Long	Thôn Chấn Hưng	395,9	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ SUỐI BU						
448	Bùi Văn Đồng	Thôn Bu Thấp	120,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
449	Lò Ngọc Diện	Thôn Ba Cầu	397,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ SƠN LƯƠNG						
450	Hoàng Văn May	Bản Lằm	269,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
451	Hoàng Văn Chiêu	Thôn Nà La	378,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ THƯỢNG BẢNG LA						
452	Hà Thị Hội	Thôn Noong Tài	185,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
453	Trần Văn Lới	Thôn Dạ	238,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
454	Hà Văn Sự	Thôn Hán	326,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NGHĨA TÂM						
455	Nguyễn Văn Sơn	Thôn Nghĩa Hùng	188,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
456	Hoàng Kim Cương	Thôn Tho	291,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
457	Vũ Đức Bá	Thôn Khe Chì	322,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
458	Nguyễn Trường Giang	Thôn Tiên Đồng	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÚ LỆ						
459	Hoàng Thị Phong	Thôn Pom Ban	273,4	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
460	Hoàng Văn Dương	Thôn Mạ Tun	364,4	CLN	ONT	Phù hợp	
461	Hoàng Thị Hiền	Thôn Mạ Tun	356,1	CLN	ONT	Phù hợp	
462	Hoàng Thị Ngọc	Thôn Mạ Tun	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	
463	Hoàng Văn Thành	Thôn Mạ Tun	390,0	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ SUỐI GIÀNG						
464	Hán Quang Tú	Thôn Pang Cáng	429,6	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
VI	YÊN						
	XÃ ĐÀO THỊNH						
465	Đỗ Văn Chương	Thôn 1	300,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
466	Vũ Văn Cài	Thôn 2	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
467	Vũ Thị Mai	Thôn 2	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
468	Lê Minh Nghĩa	Thôn 5	243,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
469	Nguyễn Văn Thành	Thôn 5	397,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ BẢO ĐÁP						
470	Đặng Quang Trung	Thôn Đồng Trạng	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
471	Hứa Văn Tinh	Thôn Đồng Trạng	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
472	Nguyễn Trọng Tuấn	Thôn Đồng Trạng	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
473	Nguyễn Xuân Trường	Thôn Đồng Trạng	250,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
		Thôn Đồng Trạng	150,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
474	Đỗ Đức Cẩn	Thôn Đồng Sâm	330,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
475	Đỗ Văn Việt	Thôn Đồng Sâm	312,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
476	Nguyễn Văn Thân	Thôn Ngòi Hóp	165,4	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ QUY MÔNG						
477	Đinh Thị Bích	Thôn Thịnh Vượng	92,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
478	Bùi Thúy Hậu	Thôn 12(Tân Việt)	370,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
479	Bùi Văn Ninh	Thôn 12(Tân Việt)	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
480	Hoàng Thị Huệ	Thôn 12(Tân Việt)	296,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
481	Đoàn Thị Bích	Thôn Thịnh Hưng	124,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
482	Nguyễn Văn Khánh	Thôn Tân Thành	70,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
483	Nguyễn Đức Tuệ	Tân Thịnh Bình	260,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
484	Nguyễn Thị Tinh	Thôn Thịnh Hưng	211,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
485	Đinh Thị Bài	Thôn 6 (Hợp Thành)	245,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
486	Nguyễn Thanh Huyền	Thịnh Vượng	115,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
487	Đinh Văn Thịnh	Tân Thịnh Bình	275,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VIỆT CƯỜNG						
488	Vũ Thị Quyết	Thôn 3b	190,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
489	Đỗ Chiến Phẩm	Thôn 7b	294,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
487	Dư Chính Thuận	Thôn 7b	106,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
490	Hoàng Anh Tuấn	Thôn 2	260,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
491	Nguyễn Thị Thủy	Thôn 2	100,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
492	Lương Chí Công	Thôn 2	30,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
493	Nguyễn Quốc Luân	Thôn 9	225,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
494	Nguyễn Văn Thi	Thôn 4	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
495	Vũ Quang Vinh	Thôn 9	240,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
496	Lưu Vũ Quân	Thôn 3A	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
497	Phạm Thế Quang	Thôn 3A	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
498	Triệu Đức Chấn	Thôn 7b	99,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
499	Triệu Đức Chấn	Thôn 7b	301,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	TT. CỎ PHÚC						
500	Nguyễn Thị Hằng	TDP 2	210,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
501	Nguyễn Văn Hải	TDP 8	94,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
502	Nguyễn Văn Hoàn	TDP 9	377,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
503	Nguyễn Thị Thắng	TDP 9	305,0	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
504	Đặng Thị Thúy	TDP 5	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
505	Lê Trọng Vinh	TDP 2	130,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
506	Phạm Văn Dũng	TDP 8	95,9	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
507	Lê Quang Vinh	TDP 10	13,9	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
508	Nguyễn Đức Hậu	TDP 10	20,7	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
509	Trần Văn Hiệp	TDP số 1	115,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
510	Nguyễn Minh Hoàng	TDP 6	90,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
511	Nguyễn Văn Nghệ	TDP 3	150,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
512	Nguyễn Đức Hậu	TDP 9	172,6	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
513	Nguyễn Quang Hưng	TDP 9	160,2	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
514	Trần Thị Nhiều	TDP số 9	103,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
515	Bùi Trung Kiên	TDP số 10	270,0	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ BẢO HƯNG						
516	Nguyễn Phi Hùng	thôn Đồng Quyết	200,0	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
517	Phạm Thị Thiên	Đồng Quyết	332,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
518	Lương Viết Đông	Đoàn Kết	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
519	Dương Thị Thảo	Bảo Lâm	252,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
520	Vũ Viết Nghĩa	Đồng Quyết	341,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
521	Trần Thanh Hường	Đồng Quyết	86,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MINH QUÂN						
522	Tạ Xuân Diễn	Thôn Đức Quân	60,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
523	Trần Thị Đức	Thôn Tiên Phong	336,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
524	Lê Anh Tuấn	Thôn Linh Đức	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
525	Trần Ngọc Kiên	Thôn Đồng Danh	206,8	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ HƯNG KHÁNH						
526	Trần Long Phi	Tĩnh Hưng	257,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
527	Trần Ngọc Sơn	Tĩnh Hưng	81,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
528	Trần Văn Hường	Đất Quang	324,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
529	Trần Ngọc Đông	Tĩnh Hưng	88,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
530	Nguyễn Văn Cao	Tĩnh Hưng	76,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
531	Lương Hiền Thu	Đức Thịnh	413,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
532	Đỗ Duy Hồng	Thôn Lương An	65,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CƯỜNG						
533	Hán Văn Quảng	Đồng Lân	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
534	Nguyễn Khắc Tinh	Đồng Chuối	125,0	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
535	Nguyễn Thị Thu	Đồng Chuối	63,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
536	Trần Ngọc Chương	Hiền Dương	395,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
537	Đỗ Ngọc Tuế	Đồng Chuối	238,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
538	Hoàng Đức Phong	Đầm Hồng	190,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
539	Hà Ngọc Thương	Đồng Lân	360,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
540	Lương Thanh Sơn	Đầm Hồng	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
541	Ngô Doãn Giang	Hiền Dương	395,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
542	Trịnh Văn Ngộ	Hiền Dương	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VIỆT THÀNH						
543	Đào Thị Liên	thôn Phúc Đình	352,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
544	Đỗ Thị Tý	thôn Phú Mỹ	166,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
545	Nguyễn Thị Luận	thôn Phúc Đình	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
546	Nguyễn Văn Lợi	thôn Phú Lan	220,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
547	Phùng Văn Quang	thôn Trúc Đình	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
548	Trần Thị Hà	thôn Đồng Phúc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ HỒNG CA						
549	Bùi Duy Nghĩa	Hồng Hải	300,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VÂN HỘI						
550	Đỗ Văn Phẩm	thôn 4 Đồng Chảo	95,8	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
551	Hoàng Thị Ngân Giang	thôn 8 Minh Phú	225,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÂN ĐỒNG						
552	Ngô Công Đoàn	Thôn Làng Đồng	32,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MINH QUÁN						
553	Lê Hồng Lâm	Thôn 1	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
554	Trần Tiến Trung	Thôn 1	30,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
555	Trần Đức Hưng	Thôn 3 (Khe Đá)	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
556	Bùi Văn Sỹ	Thôn 3 (Khe Đá)	273,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
557	Trần Thị Thảo	Thôn 4 (Ngọn Ngòi-Minh Hưng)	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
558	Trần Anh Tuấn	Thôn 4 (Ngọn Ngòi-Minh Hưng)	353,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ LƯƠNG THẠCH						
559	Đặng Quang Dân	thôn Đồng Bằng 1+2	390,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
560	Lê Trung Thành	thôn Đồng Bằng 1+2	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ Y CÁN						
561	Hoàng Văn Bút	Thôn Quang Minh	372,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
562	Trần Văn Hoàng	Thôn Quyết Tiến	116,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
563	Nguyễn Danh Tuấn	Thôn Thắng Lợi	200,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
564	Vũ Quang Trung	Thôn Thắng Lợi	314,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
565	Bùi Thanh Sơn	Thôn Hạnh Phúc	330,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
566	Nguyễn Trọng Hùng	Thôn Hồng Tiến	200,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
567	Nguyễn Đình Nhu	Thôn Hồng Tiến	393,4	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
568	Dương Kim Vương	Thôn An Phú	320,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
569	Lê Minh Hào	Thôn Thắng Lợi	93,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
570	Trương Văn Xuân	Thôn Quyết Tiến	196,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
571	Lê Minh Đại	thôn Quyết Tiến	270,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
572	Nguyễn Văn Thắng	Thôn Thắng Lợi	350,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
573	Nguyễn Thị Tâm	Thôn Hạnh Phúc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
574	Hoàng Thị Phú	Thôn Thắng Lợi	48,9	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
575	Bùi Văn Lưu	Thôn Thắng Lợi	221,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
576	Bùi Mạnh Hải	Thôn Hạnh Phúc	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ HƯNG THỊNH						
577	Triệu Thị Vui	Thôn Yên Ninh	90,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
578	Đinh Thị Xuyên	Thôn Yên Ninh	68,3	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
579	Nguyễn Thị Thu Huyền	Thôn Yên Ninh	102,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
580	Mai Văn Nhiên	Thôn Yên Ninh	106,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
581	Đoàn Văn Dương	Thôn Yên Bình	275,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ HÒA CUÔNG						
582	Đoàn Văn Cường	Thôn 6	348,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
583	Ninh Thị Đan	Thôn 1	140,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	VII HUYỆN YÊN BÌNH						
	XÃ VŨ LINH						
584	Phùng Minh Đức	Thôn Làng Ngần	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
585	Trần Văn Khánh	Thôn Vũ Sơn	389,0	CLN (191; RSX 198)	ONT	Phù hợp	Phù hợp
586	Vi Văn Dũng	Thôn Trại Máng	399,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
587	Vi Văn Vinh	Thôn Trại Máng	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
588	Nguyễn Văn Điện	Thôn Vũ Sơn	373,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
589	Nông Đức Quỳnh	Thôn Trại Máng	381,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
590	Hoàng Thị Thúy	Thôn Ngòi Tu	224,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
591	Trần Văn Khánh	Thôn Vũ Sơn	100,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
592	Hoàng Quốc Việt	Thôn Trại Máng	267,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
593	Nguyễn Thị Tuyết	Thôn Trại Máng	313,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
594	Địch Thị Yên	Thôn Trại Máng	290,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
595	Phùng Thị Ngọc	Thôn Làng Ngần	391,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHÚC AN						
596	Bùi Trung Hiếu	Thôn Đồng Tha	100,1	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
597	Tạ Văn Sen	Thôn Đồng Tâm	380,4	RSX	ONT	Phù hợp	
598	Lương Văn Sơn	Thôn Đồng Tý	232,3	RSX	ONT	Phù hợp	
599	Lý Văn Hải	Thôn Đồng Tý	250,0	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ HÁN ĐÀ						
600	Bùi Thị Hồng	Thôn Phúc Hòa	375,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
601	Phạm Thanh Sơn	Thôn Phúc Hòa	223,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
602	Phạm Ngọc Hòa	Thôn Tân Lập	144,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
603	Lã Thị Kim Phụng	Thôn Tân Lập	111,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
604	Nguyễn Thanh Tăng	Thôn Hán Đà 2	208,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
605	Nguyễn Thị Tuyết	Thôn Hán Đà 1	382,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
606	Nguyễn Văn Tam	Thôn Hán Đà 1	333,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
607	Phạm Ngọc Hòa	Thôn Tân Lập	272,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
608	Đỗ Quảng Ba	Thôn An Lạc	297,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÁ YÊN BÌNH							
609	Nguyễn Văn Canh	Thôn Linh Môn 2	164,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
610	Trần Hữu Gia	Thôn Linh Môn 1	157,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
611	Đặng Thị Vĩnh	Thôn Đức Tiến	364,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
612	Nguyễn Văn Bằng	Thôn Linh Môn 1	366,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
613	Phạm Thị Lý	Thôn Đức Tiến	206,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
614	Trần Xuân Yên	Thôn Đức Tiến	194,6	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
615	Bùi Văn Hà	Thôn Đồng Tiến	212,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
616	Nguyễn Đăng Đạt	Thôn Trung Tâm	285,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
617	Nguyễn Hoàng Nam	Thôn Đồng Tiến	120,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
618	Đỗ Thái Long	Thôn Linh Môn 1	208,6	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
619	Hoàng Ngọc Thụ	Thôn Trung Tâm	290,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
620	Lã Văn Long	Thôn Đồng Tiến	199,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
621	Vũ Thị Hòa	Thôn Bồng	179,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
622	Nông Thị Phấn	Thôn Linh Môn 1	244,9	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÁ VINH KIÊN							
623	Đoàn Thị Khân	Thôn Ba Chặng	142,8	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
624	Nguyễn Thị Thủy	Thôn Đồng Do	140,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
625	Trần Thị Bồi	Thôn Chanh Yên	254,3	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
626	Mai Thị Thoa	Thôn Đồng Do	333,1	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
627	Lục Văn Quân	Thôn Đồng Chùa	380,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
628	Đặng Thị Hồng	Thôn Đồng Đàm	320,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
629	Hoàng Kim Kết	Thôn Ba Chặng	383,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
630	Ngô Thị Thu Hương	Thôn Phúc Khánh	164,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
631	Đỗ Văn Chuyên	Thôn Đa Cốc	250,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
632	Lê Huy Đơn- Đặng Thị Xuân	Thôn Mạ	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
633	Nguyễn Văn Mão	Xá Vinh Kiên	250,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
634	Nguyễn Thanh Tâm	Thôn Mạ	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÁ BẢO ÁI							
635	Hà Minh Trung	Thôn Làng Giữa	386,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
636	Nguyễn Văn Tới	Thôn Làng Giữa	396,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
637	Nghiêm Xuân Thành	Thôn Ngòi Bang	325,6	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
638	Nguyễn Thị Hiếu	Thôn Trung Tâm	303,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÁ TÂN NGUYỄN							
639	Hoàng Văn Dũng	Thôn Trại Phụng	204,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
640	Lê Thị Lệnh	Thôn Tiến Minh	204,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
XÁ CẨM AN							
641	Phạm Văn Tường	Thôn Tân Tiến	309,0	RSX	ONT	Phù hợp	
642	Hoàng Hữu Nghinh	Thôn Ngòi Cát	206,5	RSX	ONT	Phù hợp	



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
643	Cam Ngọc Yên	Thôn Tân Lương	376,2	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
644	Nguyễn Văn Nam	Thôn Tân Lương	114,9	CLN	ONT	Phù hợp	
645	Nguyễn Văn Sơn	Thôn Tân Lương	151,2	CLN	ONT	Phù hợp	
646	Nguyễn Quang Vinh	Thôn Đoàn Kết	98,0	HNK	ONT	Phù hợp	
647	Triệu Quang Mẫu	Thôn Ngòi Cát	109,9	CLN	ONT	Phù hợp	
648	Đào Văn Cường	Thôn Đoàn Kết	151,2	CLN	ONT	Phù hợp	
649	Vũ Thị Hồng Ngát	Thôn Ngòi Cát	191,2	CLN	ONT	Phù hợp	
650	Hoàng Xuân Thu	Thôn Ngòi Cát	394,2	CLN	ONT	Phù hợp	
651	Nguyễn Văn Sơn	Thôn Tân Lương	104,2	CLN	ONT	Phù hợp	
652	Phạm Tư Phước	Thôn Đoàn Kết	92,7	CLN	ONT	Phù hợp	
653	Hoàng Thị Hợp	Thôn Ngòi Cát	103,3	CLN	ONT	Phù hợp	
654	Nguyễn Văn Phong	Thôn Tân Lương	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	
655	Hà Thị Dân	Thôn Đoàn Kết	125,0	RSX	ONT	Phù hợp	
TT YÊN BÌNH							
656	Đặng Thị Gái	Tổ 1	127,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
657	Nguyễn Thị Nga	Tổ 2	70,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
658	Nguyễn Thị Nam	Tổ 2	350,0	BHK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
659	Hoàng Thúy Hằng	Tổ 3	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
660	Đoàn Thị Uyên	Tổ 3	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
661	Đỗ Anh Tú	Tổ 3	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
662	Nguyễn Văn Tinh	Tổ 3	353,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
663	Lương Mạnh Hiền	Tổ 5	255,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
664	Trần Xuân Bích	Tổ 5	20,6	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
665	Nguyễn Hồng Tâm	Tổ 5	347,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
666	Nguyễn Văn Học	Tổ 5	223,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
667	Nguyễn Thị Mão	Tổ 5	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
668	Lưu Thị Bích Liên	Tổ 5	25,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
669	Hoàng Thị Quế	Tổ 5	121,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
670	Lương Thị Luyến	Tổ 5	190,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
671	Lê Xuân Các	Tổ 6	205,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
672	Ngô Văn Phong	Tổ 7	175,8	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
673	Hà Đình Chiến	Tổ 7	128,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
674	Trần Thị Hoa	Tổ 7	72,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
675	Nguyễn Xuân Chiến	Tổ 7	200,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
676	Phạm Đình Phúc	Tổ 9	278,8	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
677	Nguyễn Tài Thành	Tổ 9	50,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
678	Hoàng Văn Tính	Tổ 9	267,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
679	Hà Kế Thanh	Tổ 9	104,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
680	Trần Anh Dũng	Tổ 10	129,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
681	Cao Thị Thúy Nga	Tổ 10	229,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
682	Phạm Quốc Tuấn	Tổ 10	150,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
683	Đặng Trung Hiếu	Tổ 12	350,0	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
684	Mai Đăng Thọ	Tổ 6	237,2	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
685	Phạm Thị Minh	Tổ 7	343,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
686	Nguyễn Thị Lụa	Tổ 7	343,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
687	Mai Văn Hùng	Tổ 6	350,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
688	Địch Ngọc Thường	Tổ 5	245,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
689	Nguyễn Mai Phương	Tổ 1	88,1	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
690	Trần Hữu Trung	Tổ 10	216,8	CLN; RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
691	Mai Đăng Thọ	Tổ 6	237,2	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHÚC NINH						
692	Hoàng Văn Nam	Thôn 2 Làng Na	370,5	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ PHÚ THỊNH						
693	Phan Văn Thắng	Thôn Đăng Thọ	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
694	Vũ Anh Kế	Thôn Đăng Thọ	320,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
695	Nguyễn Thị Phương	Thôn Thanh Bình	221,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
696	Lương Thị Minh	Thôn Thanh Bình	199,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
697	Nguyễn Quang Minh	Thôn Thanh Bình	223,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
698	Bùi Thị Sáu	Thôn Đăng Thọ	140,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
699	Trương Nhật Lệ	Thôn Vạn Xuân	80,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
700	Nguyễn Đình Lưu	Thôn Thanh Bình	366,6	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
701	Phùng Xuân Sinh	Hợp Thịnh	386,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
702	Nguyễn Thị Lưu	Thôn Đăng Thọ	216,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
703	Nguyễn Văn Dậu	Thôn 4	392,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
704	Lương Thị Lan	Thôn Thanh Bình	279,2	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
705	Trần Văn Cương	Thôn Đăng Thọ	395,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
706	Hoàng Ngọc Tuấn	Thôn Thanh Bình	79,8	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
707	Phạm Công Hùng	Thôn Thanh Bình	250,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
708	Mai Xuân Nhân	Thôn Thanh Bình	304,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
709	Quách Thiên Thắng	Thôn Lem	72,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
710	Quách Thiên Thắng	Thôn Lem	133,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
711	Nguyễn Đình Tường	Thôn Hợp Thịnh	396,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
712	Nguyễn Văn Định	Thôn Đăng Thọ	230,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
713	Mai Văn Tuấn	Thôn Đăng Thọ	90,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
714	Nguyễn Đức Giáp	Thôn Đồng Tâm	190,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
715	Lê Ngọc Minh	Thôn 3	310,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ CẨM NHÂN						
716	Hoàng Thị Thịnh	Thôn Phạ 2	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
717	Nguyễn Thị Hải Hoàn	Thôn Phạ 1	102,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
718	Nguyễn Xuân Trì	Thôn Phạ 1	184,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
719	Lý Xuân Cương	Thôn Phạ 2	371,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
720	Nguyễn Ngọc Tăng	Thôn 10	183,0	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
721	Hoàng Minh Cúc	Thôn Phạ 1	136,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
722	Hoàng Văn Phóng	Thôn Phạ 1	371,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
723	Triệu Thủy Điện	Thôn Phạ 2	128,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
724	Hà Tiến Hải	Thôn Phạ 2	270,7	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ BẠCH HÀ						
725	Vũ Thị Vui	Thôn Phai Thao	190,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
726	Nguyễn Thị Hiền	Thôn Phai Thao	277,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
727	Đặng Văn Viên	Thôn Gò Chùa	294,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
728	Trần Văn Sông	Thôn Ngòi Lén	196,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
729	Nguyễn Văn Linh	Thôn Hàm Rồng	294,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
730	Lương Hữu Bạc	Thôn Hàm Rồng	300,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
731	Lê Văn Khỏe	Thôn Gò Chùa	220,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
732	Đỗ Văn Dũng	Thôn Phai Thao	370,2	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
733	Đặng Thanh Bình	Thôn Gò Chùa	250,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
734	Bùi Thị Kiều	Thôn Hàm Rồng	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	TT THÁC BÀ						
735	Bùi Hoàng	Tổ 1	269,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
736	Đỗ Thị Thuận	Tổ 1	310,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
737	Nguyễn Thế Khuyển	Tổ 4	130,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
738	Phạm Thị Tươi	Tổ 1	207,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
739	Phạm Văn Để	Tổ 1	200,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
740	Trần Công Bích	Tổ 3	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
741	Trần Đăng Khoa	Tổ 2	311,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
742	Trần Đức Thuận	Tổ 1	238,5	BHK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
743	Trần Thị Thúy Nga	Tổ 2	91,8	BHK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
744	Đỗ Văn Đông	Tổ 3	98,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MÔNG SƠN						
745	Nguyễn Văn Dự	Thôn Tân Minh	111,5	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
746	Đinh Văn Luật	Thôn Trung Tâm	100,2	CLN	ONT	Phù hợp	
747	Đinh Thị Xuân	Thôn Trung Tâm	304,0	CLN	ONT	Phù hợp	
748	Đoàn Thị Quỳnh	Thôn Tân Minh	390,0	CLN	ONT	Phù hợp	
749	Đinh Thị Hiệp	Thôn Trung Sơn	346,0	CLN	ONT	Phù hợp	
750	Mai Văn Luật	Thôn Tân Minh	314,0	RSX	ONT	Phù hợp	
751	Đỗ Xuân Hùng	Thôn Quyết Thắng	297,0	CLN	ONT	Phù hợp	
752	Nguyễn Thị Minh	Thôn Tân Minh	140,5	CLN	ONT	Phù hợp	
753	Phạm Minh Hoạt	Thôn Quyết Thắng	385,0	CLN	ONT	Phù hợp	
754	Trần Thị Dung	Thôn Trung Tâm	392,0	CLN	ONT	Phù hợp	
755	Nguyễn Văn Chính	Thôn Làng Cạn	328,5	CLN	ONT	Phù hợp	
756	Bùi Văn Hoan	Thôn Trung Tâm	100,0	HNK	ONT	Phù hợp	
757	Nguyễn Văn Cảnh	Thôn Quyết Thắng	188,0	CLN	ONT	Phù hợp	
758	Vũ Văn Tuấn	Thôn Làng Mới	183,2	CLN	ONT	Phù hợp	
759	Phạm Ngọc Thái	Thôn Tân Minh	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	
760	Vũ Đình Thu	Thôn Trung Tâm	248,0	CLN	ONT	Phù hợp	
761	Nguyễn Văn Hậu	Thôn Quyết Thắng	349,0	CLN	ONT	Phù hợp	
	XÃ XUÂN LONG						
762	Hà Kim Khanh	Thôn Bình An	376,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
763	Hoàng Văn Hữu	Thôn Ngòi Sọng	370,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
764	Lương Ngọc Hiếu	Thôn Phú Cường	365,7	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
765	Hoàng Quang Vinh	Thôn Ngòi Lăn	135,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
766	Hoàng Xuân Nhượng	Thôn Phú Cường	342,4	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐẠI ĐÔNG						
767	Lương Bá Hùng	Thôn Hương Giang	398,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
768	Trần Quang Tuyển	Thôn Làng Đất	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
769	Nguyễn Thị Minh	Thôn Làng Đất	360,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
770	Nguyễn Thị Trang	Thôn Hương Giang	110,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
771	Trương Minh Cảnh	Thôn Hương Giang	100,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
772	Hoàng Thị Huyền	Thôn Đá Chông	239,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
773	Lương Hoài Nam	Thôn Hương Lý	55,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
774	Lương Thị Tuyết	Thôn Hương Giang	327,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
775	Vi Văn Mạnh	Thôn Hương Lý	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
776	Lương Tuấn Ngọc	Thôn Hương Giang	400,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
777	Vi Thị Duyên	Thôn Làng Đất	310,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
778	Lương Công Mộc	Thôn Hương Giang	380,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
779	Nguyễn Ngọc Điền	Thôn Đá Chông	1126,0	RSX	CLN	Phù hợp	Phù hợp
780	Đinh Văn Nhú	Thôn Hương Lý	339,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÂN HƯƠNG						
781	Lương Toàn Thắng	Thôn Loan Hương	160,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
782	Lương Việt Hằng	Thôn Loan Thượng	360,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
783	Bùi Đức Kiên	Thôn Khuôn Giở	120,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
784	Nguyễn Xuân Thủy	Thôn Khuôn Giở	296,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
785	Nguyễn Thị Nhân	Thôn Đồi Hời	319,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
786	Nguyễn Hồng Sơn	Thôn Loan Hương	100,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
787	Lương Cường Tiến	Thôn Loan Thượng	217,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
788	Vũ Công Quang	Thôn Tân Bình	360,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MỸ GIA						
789	Chu Ngọc Dư	Thôn Đồng Tâm	382,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
790	Nguyễn Công Thao	Thôn Đồng Tâm	400,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
791	Nguyễn Xuân Sang	Thôn Đồng Tâm	400,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ NGỌC CHÂN						
792	Dương Văn Thống	Thôn Nà Ké	162,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
793	Hà Văn Thú	Thôn Thái Y	333,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
794	Nông Kim Thế	Thôn Nà Ké	395,4	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ THỊNH HƯNG						
795	Nguyễn Tiến Quyết	Thôn Miếu Hạ	88,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
796	Nguyễn Thị Đình	Thôn Miếu Hạ	207,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
797	Đặng Phúc Hiền	Thôn Miếu Hạ	192,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
798	Cao Thanh Mai	Thôn Đào Kiều 2	98,8	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
799	Phạm Thị Loan	Thôn Miếu Hạ	240,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
800	Lương Năng Thành	Thôn Trung Tâm	123,2	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ ĐẠI MINH						
801	Phạm Xuân Hối	Thôn Phai Tung	150,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
802	Cao Văn Đạt	Thôn Minh Thân	393,0	RSX	ONT	Phù hợp	Phù hợp
803	Bùi Quang Chuyển	Thôn Làng Cẩn	45,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
804	Đỗ Tiến Thanh	Thôn Làng Cắn	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
805	Lê Thị Bảy	Thôn Cầu Mơ	65,1	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
806	Nguyễn Văn Chúc	Thôn Cầu Mơ	42,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
807	Phùng Thanh Liêm	Thôn Làng Cắn	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
808	Nguyễn Văn Minh	Thôn Làng Cắn	90,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
809	Vũ Thị Thúy	Thôn Phai Tung	1287,4	LUC	HNK	Phù hợp	Phù hợp
VIII	HUYỆN TRẠM TÀU						
	TT TRẠM TÀU						
810	Đào Văn Khoa	Tổ dân phố số 2	143,1	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
811	Đỗ Ngọc Lâm	Tổ dân phố số 2	273,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
812	Phạm Thành Đô	Tổ dân phố số 3	60,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ HÁT LỪ						
813	Nguyễn Thanh Tùng	Thôn Lừ 1	382,8	CLN	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
814	Lương Quý Hùng	Thôn Lừ 1	389,5	CLN	ONT	Phù hợp	
815	Hà Giang	Thôn Lừ 1	254,5	CLN	ONT	Phù hợp	
816	Phạm Xuân Trường	Thôn Lừ 1	116,8	HNK	ONT	Phù hợp	
	XÃ XÀ HỒ						
817	Hoàng Mạnh Lương	Thôn Trống Khua	398,1	HNK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang trong quá thẩm định chưa được phê duyệt
818	Bùi Thu Hà	Thôn Trống Khua	398,1	HNK	ONT	Phù hợp	
819	Mùa A Đình	Thôn Trống Khua	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
820	Hồ A Dền	Thôn Trống Khua	400,0	HNK	ONT	Phù hợp	
	XÃ TRẠM TÀU						
821	Mùa Thị Tu	Thôn Km 14+17	234,7	COC	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
	XÃ BÀN CÔNG						
822	Thào A Hành	Thôn Tà Xùa	205,0	HNK	ONT	Phù hợp	Quy hoạch chung của xã đang thẩm định chưa được phê duyệt
IX	THÀNH PHỐ YÊN BÁI						
	PHƯỜNG ĐỒNG TÂM						
823	Lê Minh Tiến	Tổ 4	100,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
824	Lê Thị Thúy Nhu	Tổ 11	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
825	Vũ Thị Cẩm Vân	Tổ 2	142,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
826	Trần Quốc Tuấn	Tổ 5	277,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
827	Lương Đức Thành	Tổ 5	300,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
828	Trương Ngọc Biên	Tổ 3	125,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
829	Phạm Sỹ Sinh	Tổ 16	40,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
830	Lê Thị Vui	Tổ 17	40,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
831	Vũ Việt Tuấn	Tổ 12	51,2	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
832	Đỗ Thị Hoa	Tổ 5	77,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
833	Nguyễn Thị Quyền	Tổ 18	24,2	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
834	Phạm Thị Sơn	Tổ 18	317,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
835	Hoàng Ngọc Long	Tổ 5	243,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
836	Vũ Văn Phong	Tổ 16	240,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
837	Nguyễn Thị Nga	Tổ 4	88,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
838	Nguyễn Văn Hạnh	Tổ 7	37,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
839	Hoàng Văn Tề	Tổ 12	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG HỢP MINH						
840	Trần Văn Toàn	Tổ 1	75,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
841	Nguyễn Xuân Hòa	Tổ 1	38,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
842	Phạm Thị Mùi	Tổ 1	202,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
843	Hoàng Hữu Bằng	Tổ 1	300,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
844	Phạm Trung Phú	Tổ 2	300,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
845	Nguyễn Hồng Quân	Tổ 2	142,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
846	Nguyễn Thị Gồm	Tổ 2	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
847	Đỗ Đình Hiền	Tổ 2	118,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
848	Nguyễn Văn Thủ	Tổ 2	170,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
849	Hoàng Thị Mai Phương	Tổ 2	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
850	Nguyễn Trung Nam	Tổ 5	169,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
851	Nguyễn Hữu Đạt	Tổ 5	66,9	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
852	Hà Thị Diệp	Tổ 1	162,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
853	Nguyễn Văn Tốp	Tổ 1	300,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
854	Hà Văn Tắc - Nguyễn Thu Hòa	Tổ 2	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG MINH TÂN						
855	Hoàng Hồng Quốc	Tổ 4	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
856	Phạm Thị Kim Thanh	Tổ 3	70,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
857	Nguyễn Thị Hiền	Tổ 3	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
858	Lưu Bích Phượng	Tổ 8	128,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
859	Nguyễn Trung Dũng	Tổ 7	74,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG NAM CƯỜNG						
860	Nguyễn Xuân Tình	Đồng Phú	300,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
861	Đỗ Thị Ngạn	Nam Thọ	65,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
862	Đặng Xuân Phong	Đồng Phú	25,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
863	Đặng Thị Quỳnh	Đồng Phú	29,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
864	Ngô Thị Hiếu	Đồng Phú	164,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
865	Nguyễn Thế Hoạt	Đồng Tiến	42,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
866	Vũ Đình Thống	Đồng Tiến	231,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
867	Mai Tiến Nam	Đồng Phú	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
868	Phạm Thị Tiếp	Nam Thọ	214,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
869	Nguyễn Thị Lành	Cầu Đền	300,0	NTS	ODT	Phù hợp	Phù hợp
870	Đặng Văn Khoa	Đồng Phú	161,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
871	Đinh Duy Tuấn	Nam Thọ	139,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
872	Nguyễn Văn Tuyền	Cầu Đền	133,6	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
873	Vũ Hữu Tân	Nam Thọ	300,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
874	Nguyễn Văn Viện	Cường Bắc	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
875	Mai Quang Thuật	Đồng Phú	120,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
876	Nguyễn Quang Hưng	Đồng Tiến	100,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
877	Đặng Thị Ty	Đồng Phú	155,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
878	Bùi Huy Khánh	Nam Thọ	244,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
879	Trần Gia Tín	Đồng Phú	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
880	Phạm Văn Mạc	Đồng Phú	70,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
881	Vũ Văn Thu	Cường Bắc	150,0	TSN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
882	Vũ Thị Thanh Huyền	Cường Bắc	150,0	TSN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
883	Vũ Xuân Hiếu	Cường Bắc	140,0	TSN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
884	Cao Văn Tam	Cường Bắc	63,5	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
885	Vũ Việt Thái	Đồng Phú	102,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
886	Đặng Văn Lợi	Đồng Phú	100,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
887	Lê Tuấn Linh	Đồng Phú	100,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
888	Nguyễn Trung Khiêm	Cường Bắc	150,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
889	Đoàn Thị Oanh	Đồng Phú	126,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
	PHƯỜNG NGUYỄN PHÚC						
890	Đặng Văn Thanh	Phúc Thọ	87,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
891	Nguyễn Thị Thuận	Phúc Xuân	199,1	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
892	Phạm Văn Tuy	Phúc Yên	109,7	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
893	Đào Văn Thắng	Phúc Cường	50,0	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
894	Vũ Thị Bình	Phúc An	31,8	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
895	Hoàng Đình Trọng	Phúc Sơn	248,0	HNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
896	Đặng Văn Đa	Phúc An	116,0	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
897	Vương Thanh Hoa	Phúc An	64,9	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
898	Nguyễn Thị Uyên	Phúc Thọ	159,4	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
899	Trần Đình Khải	Phúc Sơn	105,0	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
900	Đỗ Thị Hiền	Phúc Thọ	52,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
901	Trần Văn Đạt	Phúc Xuân	93,6	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
902	Phạm Văn Bình	Phúc An	11,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
903	Vũ Thị Thanh	Phúc Thọ	20,0	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
904	Lê Thị Lợi	Phúc Yên	81,9	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp
905	Trần Thị Biên	Phúc Tân	62,0	LNK (V. Tập)	ODT	Phù hợp	Phù hợp



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
PHƯỜNG NGUYỄN THÁI HỌC							
906	Nguyễn Văn Kiên	Tổ 6	100,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
907	Đường Thị Anh	Tổ 6	166,6	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
908	Nguyễn Văn Toàn	Tổ 6	42,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
909	Nguyễn Văn Toàn	Tổ 6	33,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
910	Hoàng Trọng Soạn	Tổ 3	300,0	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
911	Phạm Tiến Thọ	Tổ 11	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
PHƯỜNG YÊN THỊNH							
912	Nguyễn Đức Tuệ	Tổ 6	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
913	Lê Đức Mạnh	Tổ 1	136,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
914	Vũ Văn Giang	Tổ 1	183,7	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
915	Nguyễn Thị Thủy	Tổ 1	96,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
916	Đặng Hoàng Cung	Tổ 1	111,9	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
917	Hoàng Đình Thành	Tổ 7	300,0	RSX	ODT	Phù hợp	Phù hợp
918	Vũ Tuấn Khanh	Tổ 6	43,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
919	Nguyễn Xuân Hà	Tổ 2	63,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
920	Hồ Minh Khang	Tổ 7	197,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
921	Lương Thị Kiều	Tổ 8	276,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
922	Đoàn Thị Chi	Tổ 3	130,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
923	Đỗ Văn Tiến	Tổ 1	50,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
924	Vũ Thị Hải Yến	Tổ 1	220,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
925	Phạm Quốc Vĩnh	Tổ 5	99,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
926	Đỗ Thị Hoa	Tổ 8	90,9	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
927	Trần Hữu Tiến	Tổ 8	90,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
928	Đinh Thị Nghĩa	Tổ 7	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
929	Tiêu Năng Lực	Tổ 8	36,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
930	Hà Thị Toàn	Tổ 4	32,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
931	Nguyễn Thị Hương Xuân	Tổ 7	246,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
932	Vì Ngọc Chi	Tổ 5	75,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
XÃ ÂU LẬU							
933	Phạm Thị Ất	Cổng Đá	100,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
934	Lê Anh Tuấn	Cổng Đá	350,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
935	Phạm Văn Chung	Đồng Đình	150,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
936	Nguyễn Văn Tiến	Đảng Con	18,3	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
937	Bùi Đức Lực	Nước Mát	250,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
938	Nguyễn Minh Sơn	Nước Mát	150,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
939	Vũ Văn Huy	Thanh Giang	140,0	Chè (LNC)	ONT	Phù hợp	Phù hợp
940	Đỗ Công Lực	Cửa Ngòi	240,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
941	Lê Ngọc Đăng	Đoàn Kết	240,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
942	Lê Chung Kiên	Đồng Đình	180,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
943	Nguyễn Việt Bắc	Đồng Đình	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
944	Trịnh Văn Mai	Thanh Giang	300,0	LNC	ONT	Phù hợp	Phù hợp
945	Phạm Thị Hà	Nước Mát	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
946	Nguyễn Văn Tính	Nước Mát	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
947	Nguyễn Văn Gia	Nước Mát	84,3	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
948	Phạm Thanh Hà	Cổng Đá	159,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ GIỚI PHIÊN						
949	Nguyễn Hữu Thìn	Phúc Thịnh	72,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
950	Chử Thị Mỹ	Ngòi Châu	21,7	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
951	Nguyễn Hữu Bắc	Đông Thịnh	130,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
952	Nguyễn Hữu Bắc	Đông Thịnh	77,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
953	Nguyễn Đức Vỹ	Ngòi Châu	250,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
954	Cao Văn Đăng	Ngòi Đông	81,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
955	Cao Thế Hùng	Ngòi Đông	150,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
956	Nguyễn Huy Phương	Ngòi Châu	228,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
957	Lê Trọng Lưu	Phúc Thịnh	352,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
958	Hà Văn Bình	Ngòi Châu	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
959	Bùi Xuân Hà	Ngòi Châu	215,0	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
960	Bùi Trường Giang	Ngòi Châu	102,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
961	Nguyễn Thanh Huyền	Ngòi Châu	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
962	Nguyễn Đức Hòa	Ngòi Châu	162,3	BHK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ MINH BẢO						
963	Nguyễn Thị Hiền	Yên Minh	163,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
964	Nguyễn Thị Liên	Yên Minh	300,0	Đất vườn	ONT	Phù hợp	Phù hợp
965	Đào Thị Liên	Thanh Niên	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
966	Nguyễn Thị Tròn	Thanh Niên	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
967	Trần Thị Lã	Trực Bình	256,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
968	Đỗ Thị Tám	Bảo Tân	298,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
969	Nguyễn Thị Gấm	Bảo Tân	103,2	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
			194,2	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
970	Nguyễn Văn Dậu	Bảo Tân	300,0	Màu	ONT	Phù hợp	Phù hợp
971	Nguyễn Quang Hiến	Bảo Tân	109,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
972	Trần Văn Sinh	Bảo Tân	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
973	Nguyễn Thị Lan Hương	Yên Minh	300,0	Đất vườn	ONT	Phù hợp	Phù hợp
974	Phạm Thị Giao	Bảo Tân	68,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
			232,0	NTS	ONT	Phù hợp	Phù hợp
975	Hoàng Thị Liên	Yên Minh	300,0	Đất vườn	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TUY LỘC						
976	Bà Nguyễn Thị Hà	Bái Dương	100,3	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
977	Ông Nguyễn Quang Dân (Bà Nguyễn Thị Nhã)	Bái Dương	266,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
978	Ông Lê Văn Dư	Bái Dương	200,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
979	Bà Trần Minh Hoan	Bái Dương	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
980	Ông Đặng Văn Vượng	Hợp Thành	42,5	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
981	Bà Nguyễn Thị Vân	Minh Long	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
982	Hộ ông Đỗ Văn Tác	Minh Long	90,1	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
983	Hộ ông Đỗ Quốc Tự	Minh Thành	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
984	Bà Hồ Thị Nhụ Ông Đào Duy Hưng	Thanh Sơn	350,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
985	Bà Chữ Thị Hoa Ông Phạm Văn Lập	Thanh Sơn	191,2	CLN, LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
986	Bà Đỗ Thị Mai Ông Nguyễn Quang Thịnh	Thanh Sơn	19,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
987	Ông Đỗ Xuân Thanh	Hợp Thành	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
988	Bà Văn Thị Kim Hôn	Xuân Lan	229,7	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
989	Bà Đinh Thị Sửu	Xuân Lan	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ VĂN PHÚ						
990	Nguyễn Khắc Hoàn	Tiên Phú	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
991	Nguyễn Thị Lai (chồng là Nguyễn Anh Xuân)	Bình Lục	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
992	Cao Ngọc Thạch	Bình Lục	100,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
993	Vũ Thị Bái	Văn Quý	156,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
994	Trần Văn Sự	Văn Liên	169,8	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
995	Bùi Văn Sách	Tuy Lộc	368,5	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
996	Nguyễn Trang Nhung	Bình Sơn	100,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
997	Văn Tiến Dũng	Tiên Phú	50,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
998	Trịnh Ngọc Vân	Lương Sơn	100,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
999	Trần Hải Sơn	Lương Sơn	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
1000	Nguyễn Văn Thắng	Tiên Phú	100,0	HNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
1001	Nguyễn Chí Thuận	Văn Quý	150,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
1002	Nguyễn Thị Nga	Bình Sơn	120,0	LNK	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	XÃ TÂN THỊNH						
1003	Nguyễn Vũ Hồng Vương	Lương Thịnh	300,0	CLN	ONT	Phù hợp	Phù hợp
	PHUÔNG YÊN NINH						
1004	Lương Minh Tân	Tổ 6	172,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1005	Trần Quốc Khánh	Tổ 12	38,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1006	Đỗ Thành Nghĩa	Tổ 4	93,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1007	Nguyễn Mạnh Cẩm	Tổ 8	228,8	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1008	Nguyễn Thị Thắm	Tổ 12	80,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1009	Lê Văn Hà	Tổ 10	145,4	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1010	Nguyễn Văn Chức	Tổ 9	100,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1011	Nguyễn Thị Hiền Trang	Tổ 2	30,0	LNK	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1012	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổ 3	67,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1013	Nguyễn Thị Xuân	Tổ 9	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1014	Nguyễn Văn Môn	Tổ 6	41,2	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1015	Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 10	288,3	CLN+NTS	ODT, CLN	Phù hợp	Phù hợp
1016	Hà Thu Huyền (Kiên)	Tổ 12	80,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp

STT	 Ho và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất	Sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết)
1017	Trần Văn Chương	Tổ 11	67,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1018	Dương Thị Bích Vân	Tổ 6	90,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1019	Dương Văn Sơn	Tổ 6	89,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1020	Dương Văn Thắng	Tổ 6	74,3	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1021	Đặng Thu Hương	Tổ 10	67,5	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1022	Nguyễn Trung Dũng	Tổ 12	300,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
1023	Nguyễn Thị Tân	Tổ 9	400,0	CLN	ODT	Phù hợp	Phù hợp
TỔNG CỘNG			268.726,9				

BIỂU SỐ 04: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯA RA KHỎI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Lý do
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
1	Đường dây và TBA 110 kV Bảo Hưng	xã Bảo Hưng, xã Mình Quân	1,30			1,30	Vị trí này không phù hợp đã được UBND tỉnh nhất trí cho phép chuyển sang vị trí mới tại Văn bản số 1972/UBND-CN ngày 28/6/2022
Tổng cộng				0,00		1,30	

**BIỂU SỐ 05: DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HỦY
BỎ KHÔI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m2)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Ghi chú
1	Hà Thị Châm	Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê	234,20	HNK	ONT	Không còn nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí này
2	Đinh Thị Tân	TDP Thác Hoa 2, TT Sơn Thịnh	200,00	CLN	ONT	Không còn nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí này
Tổng cộng			434,20			

BIỂU SỐ 06/ DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CÁC NỘI DUNG ĐÃ PHÊ DUYỆT CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

NỘI DUNG XIN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH											Nội dung điều chỉnh		
STT	Họ tên	Loại đất trước khi chuyển	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Vị trí xã, thị trấn	Họ tên	Loại đất trước khi chuyển	Loại đất sau khi chuyển	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)		Vị trí xã, thị trấn	
HUYỆN LỤC YÊN													
1	Lộc Thị Liệu	LNK	26	333	251,3	Xã Minh Xuân	Lộc Thị Liệu	LNK	26	333	251,3	Xã Minh Xuân	Điều chỉnh vị trí xã
2	Hà Ngọc Minh	CLN	25	228;229	400,0	Xã Minh Xuân	Hà Ngọc Minh	CLN	25	228;229	400	Xã Minh Xuân	Điều chỉnh vị trí xã
3	Nguyễn Thị Lũy	CLN	26	164	297,0	Xã Minh Xuân	Nguyễn Thị Lũy	CLN	26	164	297,0	Xã Minh Xuân	Điều chỉnh vị trí xã
4	Hà Quang Đệ	CLN	18	105	230,0	Xã Minh Xuân	Hà Quang Đệ	CLN	18	105	230,0	Xã Minh Xuân	Điều chỉnh vị trí xã
5	Nguyễn Minh Quân	HNK	39	210	164,4	Xã Phúc Lợi	Nguyễn Minh Quân	HNK	39	210	164,4	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
6	Nguyễn Trọng Trì	LNK	46	31	206,2	Xã Phúc Lợi	Nguyễn Trọng Trì	LNK	46	31	206,2	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
7	Khổng Quang Tuyền	CLN	24	67	127,1	Xã Phúc Lợi	Khổng Quang Tuyền	CLN	24	67	127,1	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
8	Trần Ngọc Thuận	RST	33	247	168,9	Xã Phúc Lợi	Trần Ngọc Thuận	RST	33	247	168,9	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
9	Nông Đình Tôn	LNK	2	23	283,9	Xã Phúc Lợi	Nông Đình Tôn	LNK	2	23	283,9	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
10	Vương Ngọc Kiến	LNK	19	400;399	462,2	Xã Phúc Lợi	Vương Ngọc Kiến	LNK	19	400;399	462,2	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã
11	Phạm Minh Công	LNK	39	109	186,7	Xã Phúc Lợi	Phạm Minh Công	LNK	39	109	186,7	Xã Trúc Lâu	Điều chỉnh vị trí xã

12	Hoàng Văn Thoa	LNK	ONT	33	202	69,3	Xã Phúc Lợi	Hoàng Văn Thoa	LNK	ONT	33	202	69,3	Xã Trúc Lầu	Điều chỉnh vị trí xã
13	Hoàng Văn Tuấn	HNK	ODT			259,4	Thị trấn Yên Thế	Hoàng Văn Thuận	HNK	ODT			259,4	Thị trấn Yên Thế	Điều chỉnh tên hộ gia đình
14	Đỗ Văn Phùng	CLN	ODT	53	157	133,0	Thị trấn Yên Thế	Đỗ Xuân Phùng	CLN	ODT	53	157	133,0	Thị trấn Yên Thế	Điều chỉnh tên hộ gia đình
15	Đỗ Văn Phùng	HNK	ODT	67	26	90,0	Thị trấn Yên Thế	Đỗ Xuân Phùng	HNK	ODT	67	26	90,0	Thị trấn Yên Thế	Điều chỉnh tên hộ gia đình
16	Nông Quốc Chính	NTS	ONT	21	80	213,7	Xã Phan Thanh	Nông Quốc Chính	NTS	ONT	21	80	213,7	xã Khai Trung	Điều chỉnh vị trí xã
17	Hoàng Cao Quyết	HNK	ONT	40	15	400,0	thôn Tống Mỏ, xã Khánh Thiện	Hoàng Cao Quyết	HNK	ONT	40	15	400,0	thôn Tống Áng, xã Khánh Thiện	Điều chỉnh địa chỉ thửa đất (tên thôn)
18	Hoàng Thị Ngọc	CLN	ONT			400	Thôn Láng Thiêu, xã Trung Tâm	Hoàng Thị Ngọc	CLN	ONT			400	Thôn Góc Sầm, xã Trung Tâm	Điều chỉnh địa chỉ thửa đất (tên thôn)

BIỂU SỐ 04: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯA RA KHỎI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 17/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Trong đó (ha)			Lý do
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác	
1	Đường dây và TBA 110 kV Bảo Hưng	xã Bảo Hưng, xã Minh Quân	1,30			1,30	Vị trí này không phù hợp đã được UBND tỉnh nhất trí cho phép chuyển sang vị trí mới tại Văn bản số 1972/UBND-CN ngày 28/6/2022
Tổng cộng				0,00		1,30	

**BIỂU SỐ 05: DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HỦY
BỎ KHỎI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Tổng diện tích (m ²)	Loại đất trước khi chuyển mục đích	Loại đất sau khi chuyển mục đích	Ghi chú
1	Hà Thị Châm	Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê	234,20	HNK	ONT	Không còn nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí này
2	Đinh Thị Tân	TDP Thác Hoa 2, TT Sơn Thịnh	200,00	CLN	ONT	Không còn nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí này
Tổng cộng			434,20			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản vẽ: KHYB 243

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

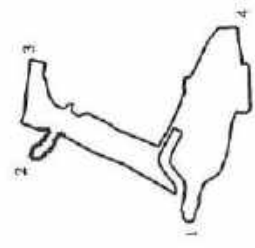
III. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Dự án Đường nối đường Nguyễn Tất Thành với trung tâm y tế huyện Yên Bình.
- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Yên Bình, xã Phú Thịnh - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái.
- Diện tích quy hoạch: 9,23 ha.
- Loại đất hiện trạng khi lập KHSDD: LƯC; RSX; CLN; BHK; DTL; SON.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình.
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc xét duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

Đng. nôi đường Nguyễn Tất Thành với trung tâm y tế huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái



TỌA ĐỘ GÓC KHU ĐẤT

STT	X	Y
1	2402525.43	520846.44
2	2402922.17	521010.94
3	2402917.95	521259.52
4	2402384.91	521338.95



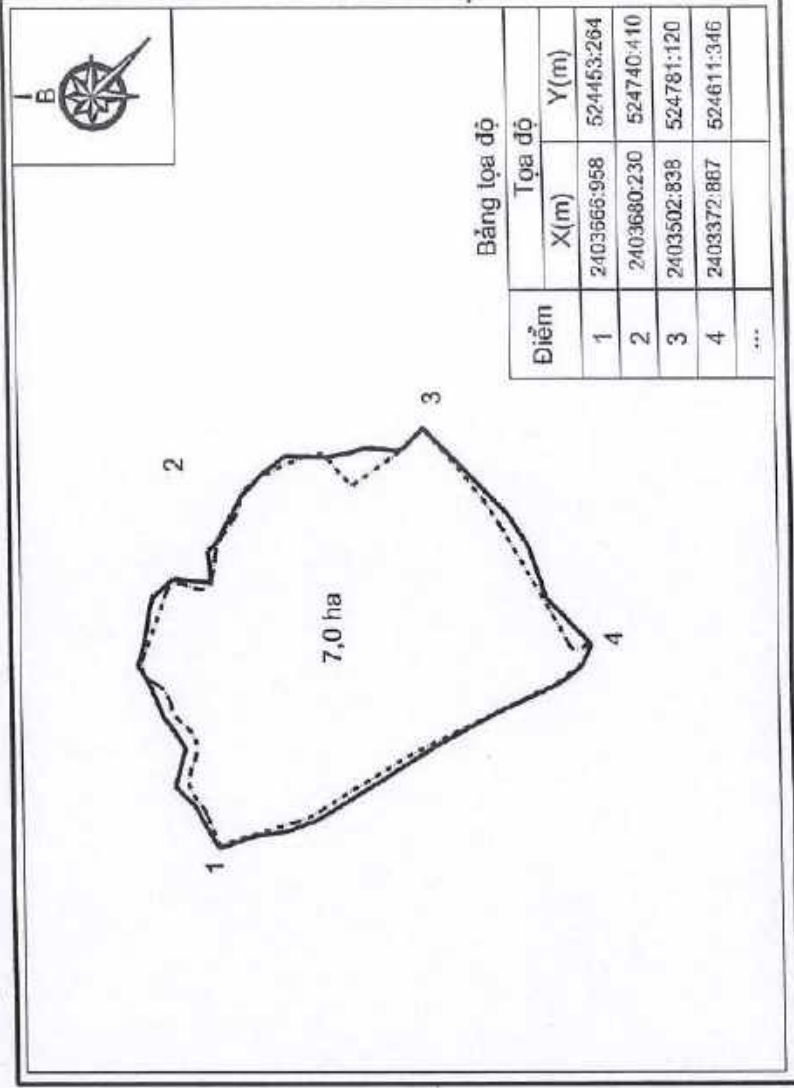
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM
XÃ (THỊ TRẤN) THỊNH HƯNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án:
Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Đào Kiều, xã Thịnh Hưng.....
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Đào Kiều, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình.....
3. Diện tích:
7,0 ha
4. Loại đất hiện trạng: ONT, BHK, CLN, RSX.....
5. Cơ quan chủ đầu tư: ủy ban nhân dân huyện Yên Bình.....
6. Căn cứ pháp lý:
Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 20/2/2024 của UBND huyện Yên Bình
về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án phát triển quỹ đất
trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2024.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



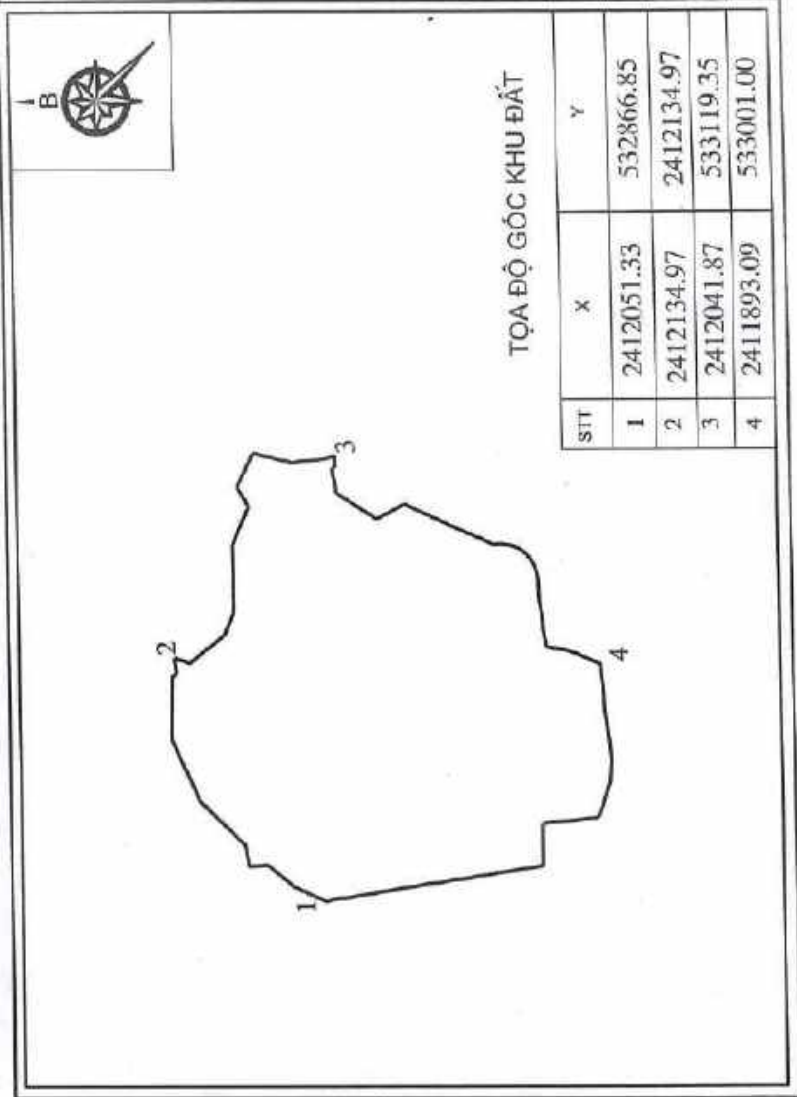
BẢN VẼ VỊ TRÍ TRÍ RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ BẠCH HÀ, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Di dân khẩn cấp thôn Hàm Rồng và thôn Ngọn Ngòi xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Bạch Hà, huyện Yên Bình
- Diện tích: 4,34 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC, RSX, và các loại đất khác
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt dự án Di dân khẩn cấp thôn Hàm Rồng và thôn Ngọn Ngòi xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ XUÂN LONG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

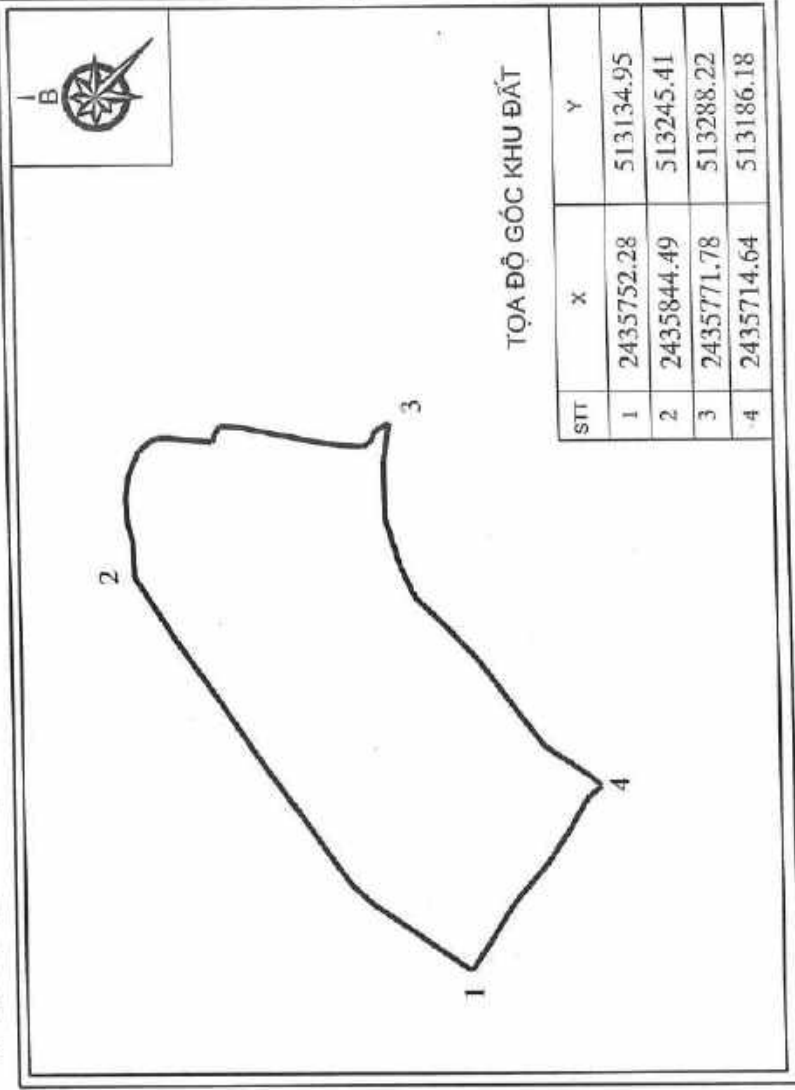
I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới
thôn Phú Cường xã Xuân Long
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Hán Đà, huyện Yên Bình
3. Diện tích: 1,0 ha
4. Loại đất hiện trạng: LUC, DTL và các loại đất khác.
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình.
6. Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân

huyện Yên Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các
dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2024-2025 (Đợt 2)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NĂM 2024

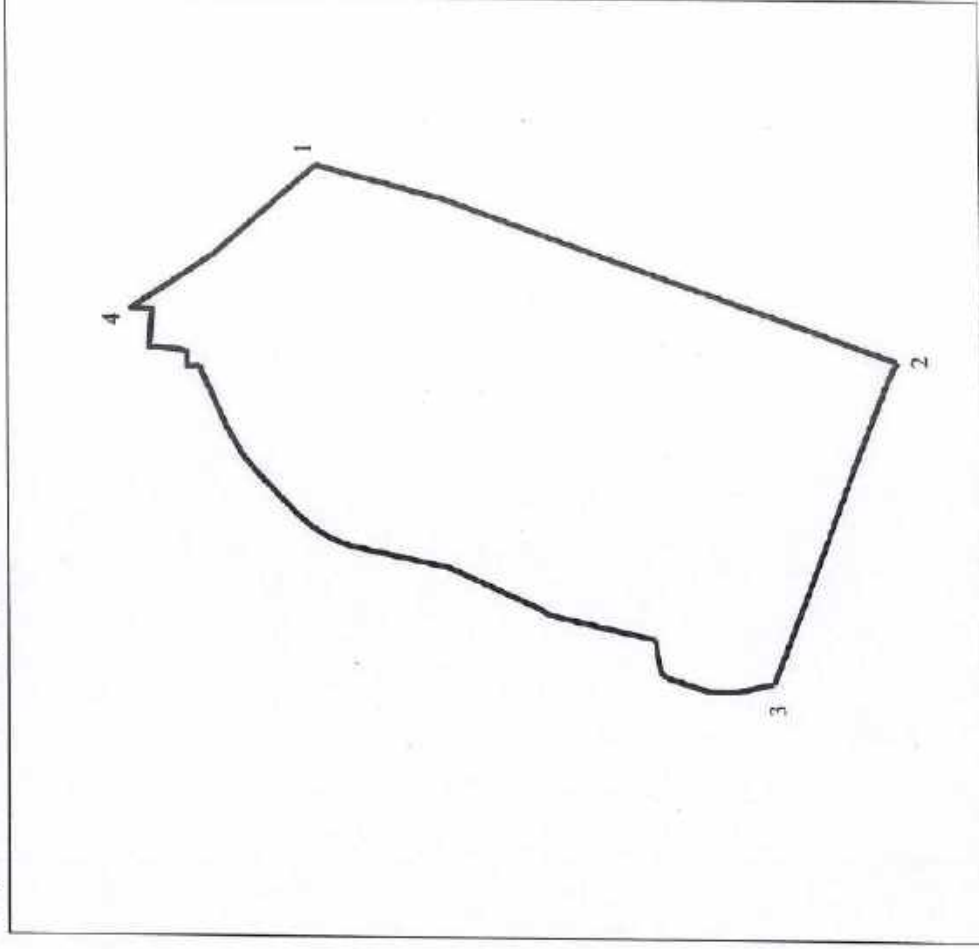
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công trình, dự án: Xây dựng chợ trung tâm huyện đạt chuẩn hạng II
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Tổ dân phố số 1, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên
3. Diện tích: 1,95 ha
4. Loại đất theo hiện trạng sử dụng đất: ONT, BHK, DGT, CLN, NTS, RSX
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên
6. Căn cứ pháp lý: Văn bản số 1255/UBND-XD ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM				BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM			
TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRỤC 104°45' MŨI CHIỀU 37)				TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRỤC 104°45' MŨI CHIỀU 37)			
STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)	STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	1	2407644.82	507085.19				
2	2	2407474.07	507028.47				
3	3	2407510.51	506934.41				
4	4	2407699.65	507042.98				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

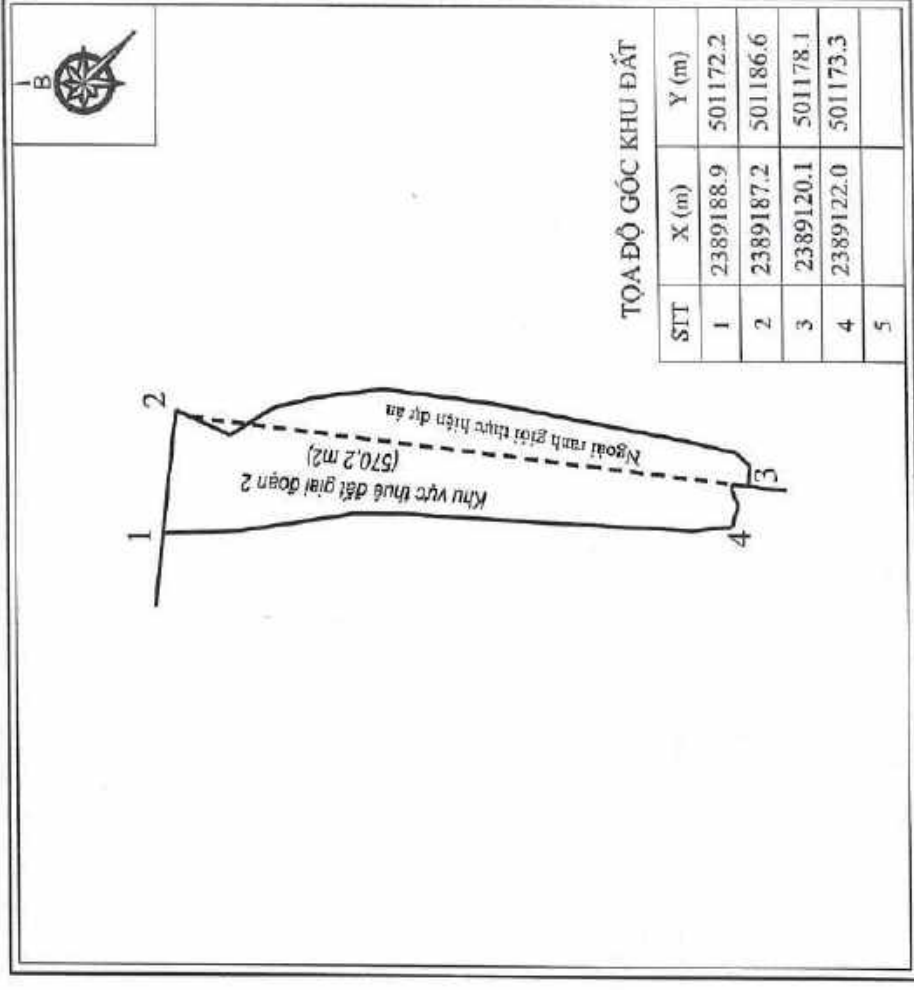
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH DỰ ÁN BỎ SUNG, CẤP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ HUNG KHÁNH, HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Cụm công nghiệp Hưng Khánh
(Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến măng Yamazaki Việt Nam)
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên
- Diện tích bỏ sung kế hoạch: 570,2 m²
- Loại đất hiện trạng: LUC
- Cơ quan chủ đầu tư: Công ty TNHH Yamazaki Việt Nam
- Căn cứ pháp lý:

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3390/QĐ-UBND
ngày 29/12/2020 do UBND tỉnh Yên Bái cấp

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ GIỚI PHIÊN, THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Dự án Đề chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên,
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Hàng mục: Khu tái định cư

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
..... xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

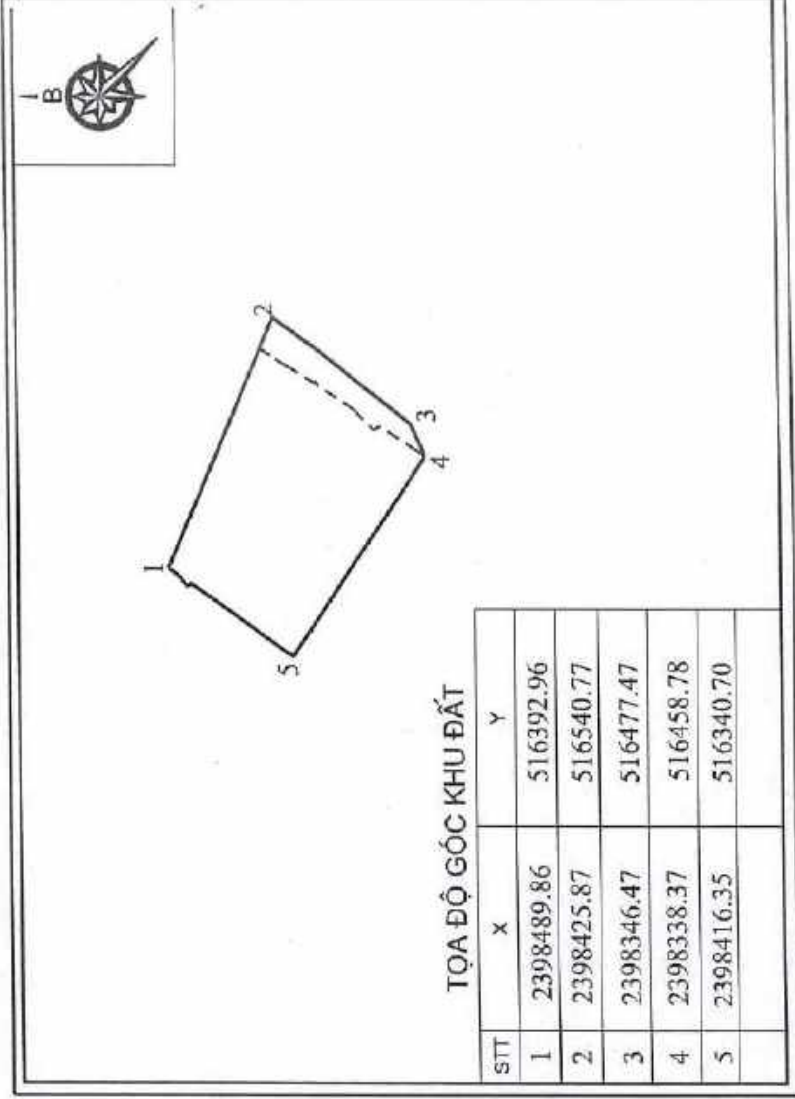
3. Diện tích: 1,69 ha

4. Loại đất hiện trạng: ... LƯC; 1,3 ha; đất khác: 0,39 ha

5. Cơ quan chủ đầu tư ... Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái

6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

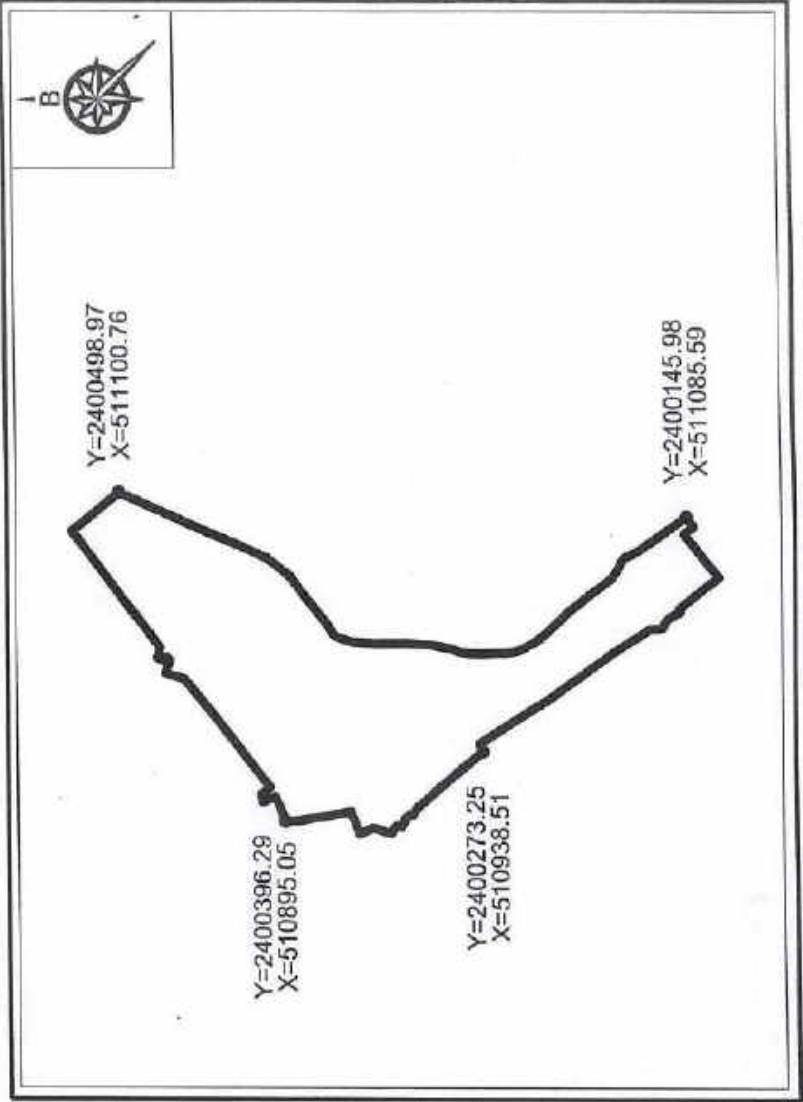


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: PHƯỜNG HỢP MINH, THÀNH PHỐ YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
..... Quý đất dân cư khu vực đổi diện UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
..... phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái
- Diện tích:
..... 3.29 ha
- Loại đất hiện trạng: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp
- Cơ quan chủ đầu tư:
..... Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái
- Căn cứ pháp lý: QĐ số 2040 ngày 09/5/2024 của UBND thành phố Yên Bái
- Về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
..... Quý đất dân cư khu vực đổi diện UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ ẦU LẬU, THÀNH PHỐ YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Chính trang khu dân cư nông thôn (Quy đất dân cư hai bên

đường thôn Hai Luống), xã Ầu Lậu, thành phố Yên Bái.

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:

Thôn Đoàn Kết, xã Ầu Lậu, thành phố Yên Bái.

3. Diện tích: 3.45 ha

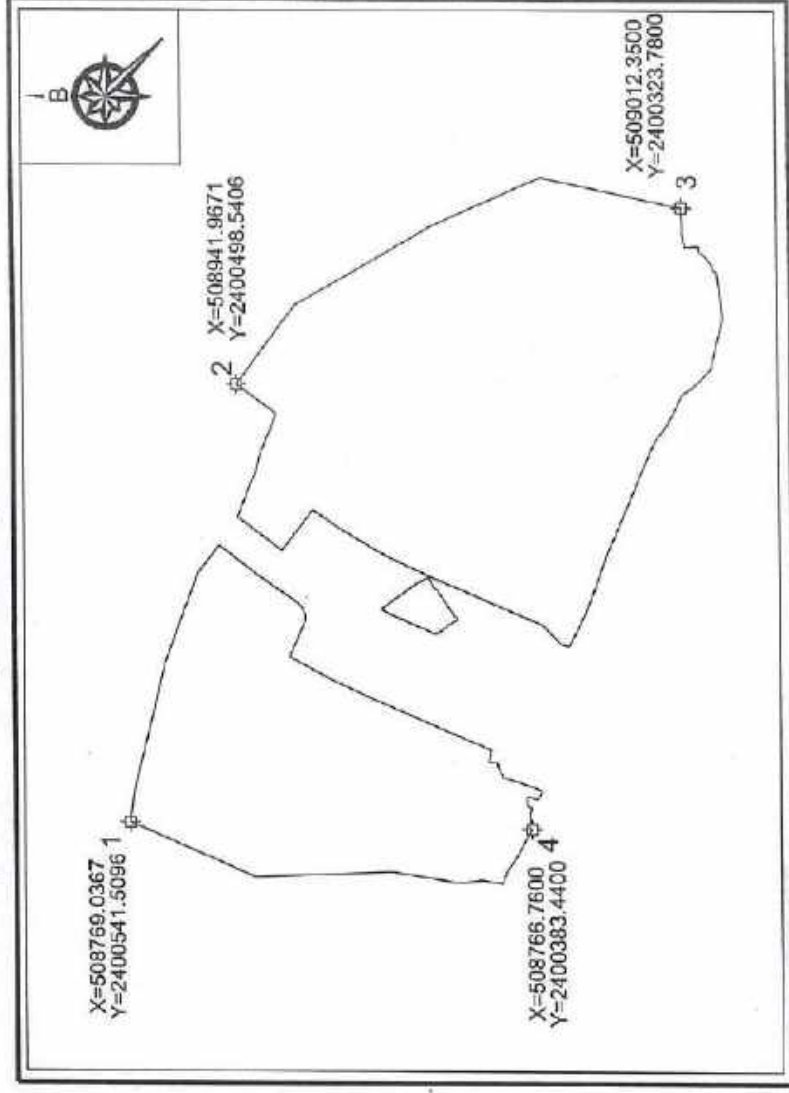
4. Loại đất hiện trạng: Đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp.

5. Cơ quan chủ đầu tư:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái.

6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH BÃI DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

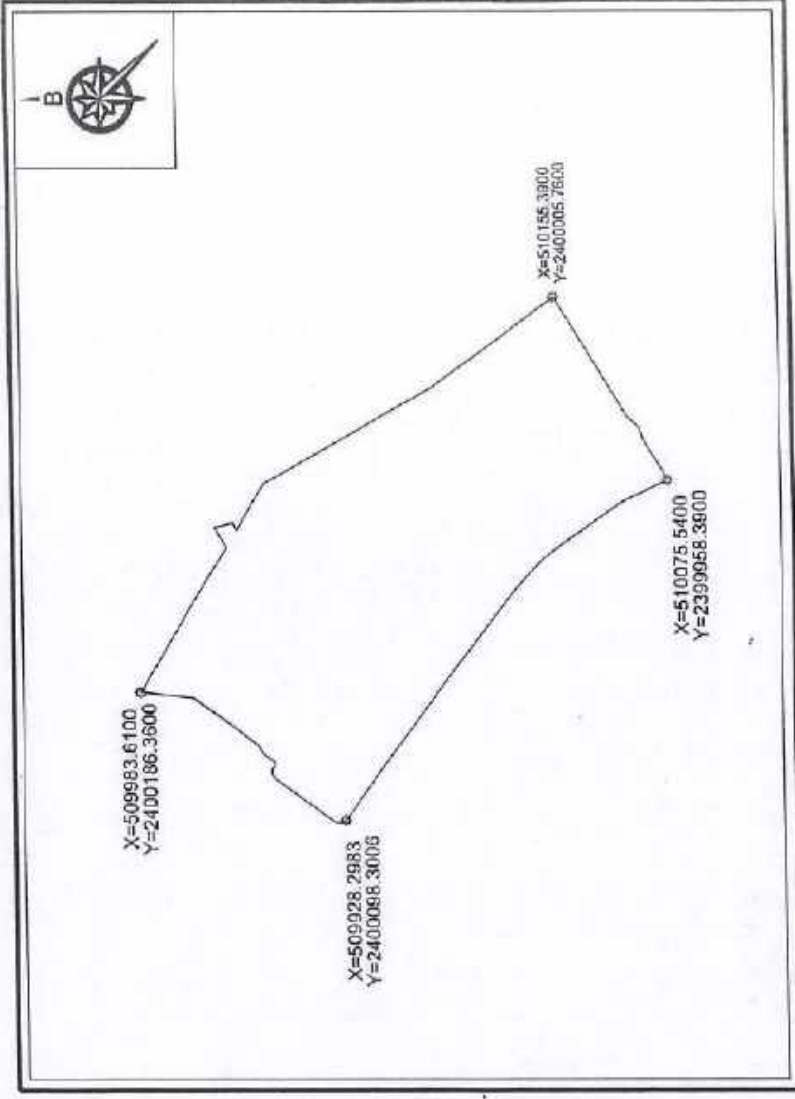
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: X ☐ L, THÀNH PHỐ YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Chính trang khu dân cư nông thôn kết hợp phát triển quỹ đất hai bên đường. Trục L, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái.
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Đồng Đình, thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái.
- Diện tích: 2,27 ha
- Loại đất hiện trạng:
Đất nông nghiệp và Đất phụ nông nghiệp.
- Cơ quan chủ đầu tư:
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái.
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

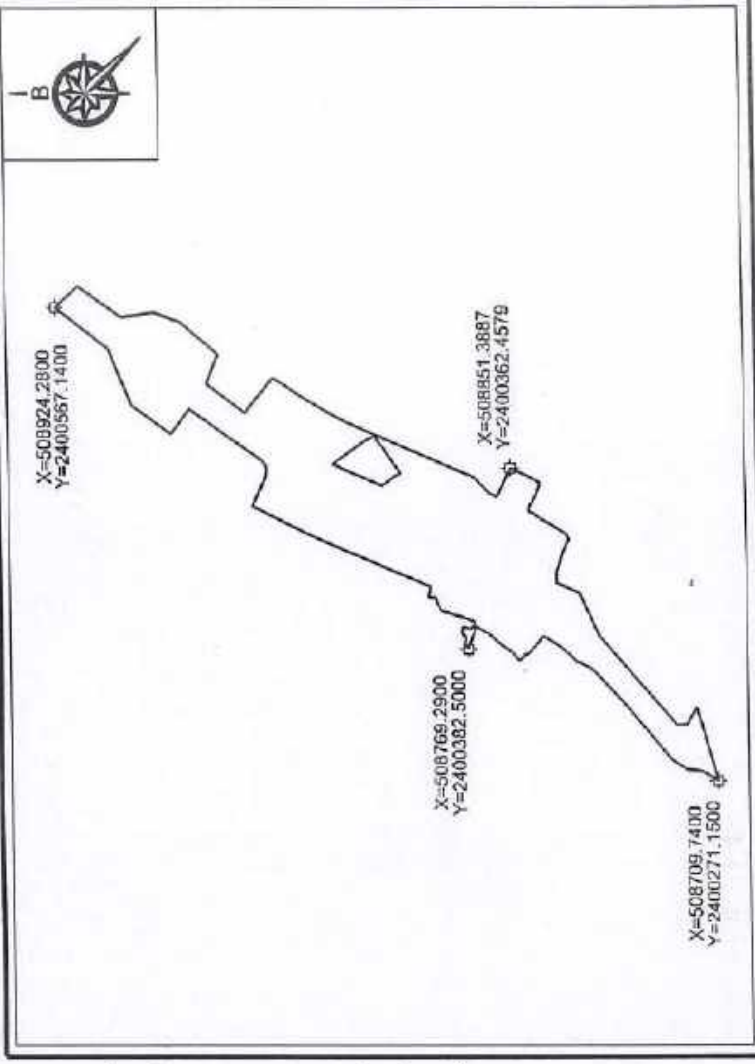
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ ẦU LẬU, THÀNH PHỐ YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Đường từ Quốc lộ 37 đến thôn Hai Luống, xã Ầu Lậu, thành phố Yên Bái
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Đoàn Kết, xã Ầu Lậu, thành phố Yên Bái
- Diện tích: 1,22 ha
- Loại đất hiện trạng: Đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp
- Cơ quan chủ đầu tư:
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái
- Căn cứ pháp lý:
.....
.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



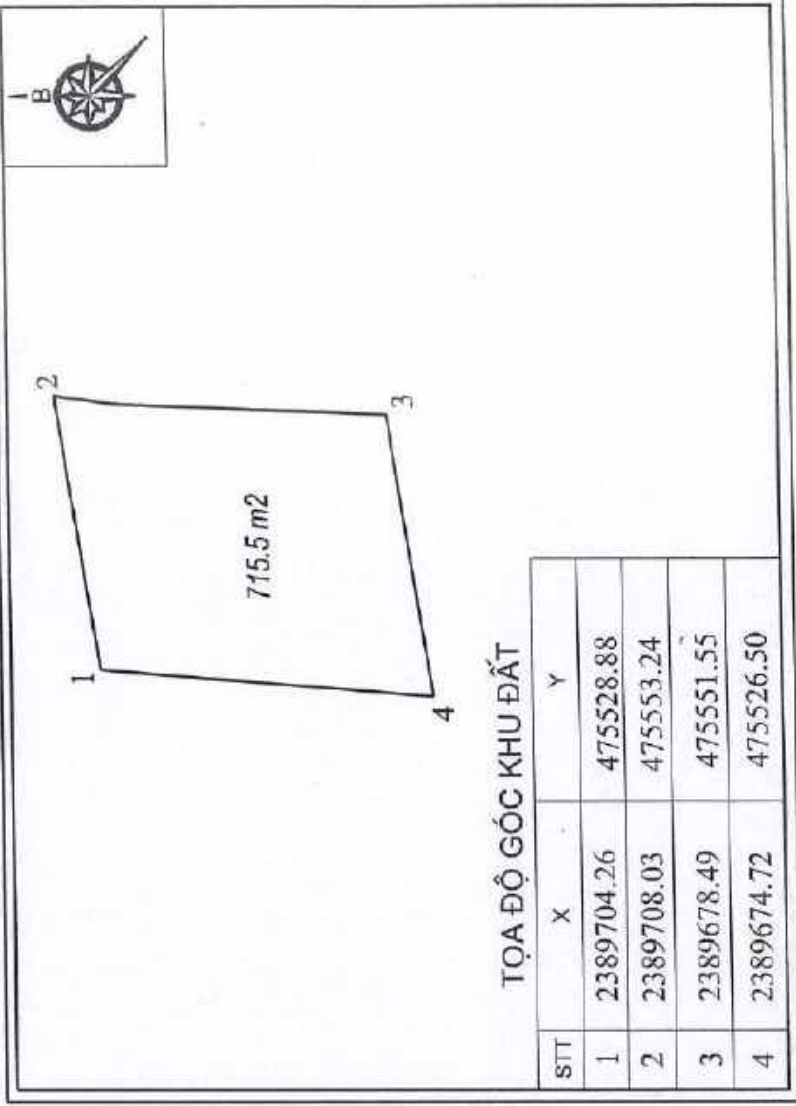
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÁ NGHĨA LỢI, THỊ XÁ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Nghĩa Lợi
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,0715 ha (715,5 m²)
- Loại đất hiện trạng:
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

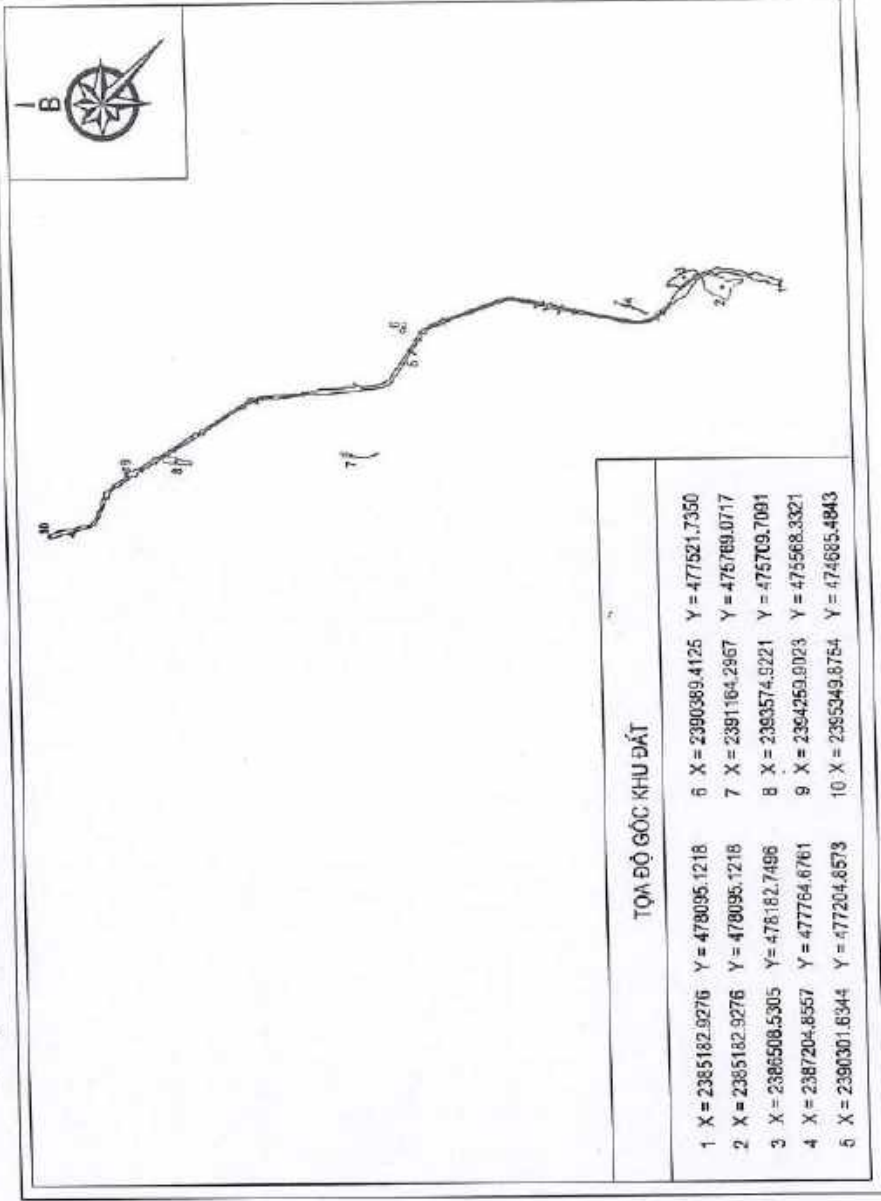


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÙ NHAM, XÃ NGHĨA LỘ, XÃ SƠN A - THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 32 VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LAO CAI (IC14)
- ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN: THỊ XÃ NGHĨA LỘ, HUYỆN VĂN CHẤN
- DIỆN TÍCH: 74HA DGT
- LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG: ĐẤT LỪA 9,92HA - KHÁC 60,08HA;
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH YÊN BÁI
- CĂN CỨ PHÁP LÝ:
- NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-HĐND NGÀY 19/04/2021; NGHỊ QUYẾT SỐ 39/NQ-HĐND NGÀY 19/10/2022 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI.
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 287/QĐ-UBND NGÀY 29/12/2021; QUYẾT ĐỊNH SỐ 1685-UBND NGÀY 29/9/2022
- VĂN BẢN SỐ 2916/UBND-XD NGÀY 31/8/2023 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỘI QUỐC LỘ 32 VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LAO CAI (IC14).
- VĂN BẢN SỐ 369/STNMT-QLĐĐ NGÀY 23/02/2024 CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI VỀ VIỆC LẬP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN, NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỂ NGHỊ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH KỶ HỢP THỨ 15 (KỶ HỢP CHUYỂN ĐỔI) HEND TỈNH KHOA XÍ VÀ CHO PHÉP CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CẤP HUYỆN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

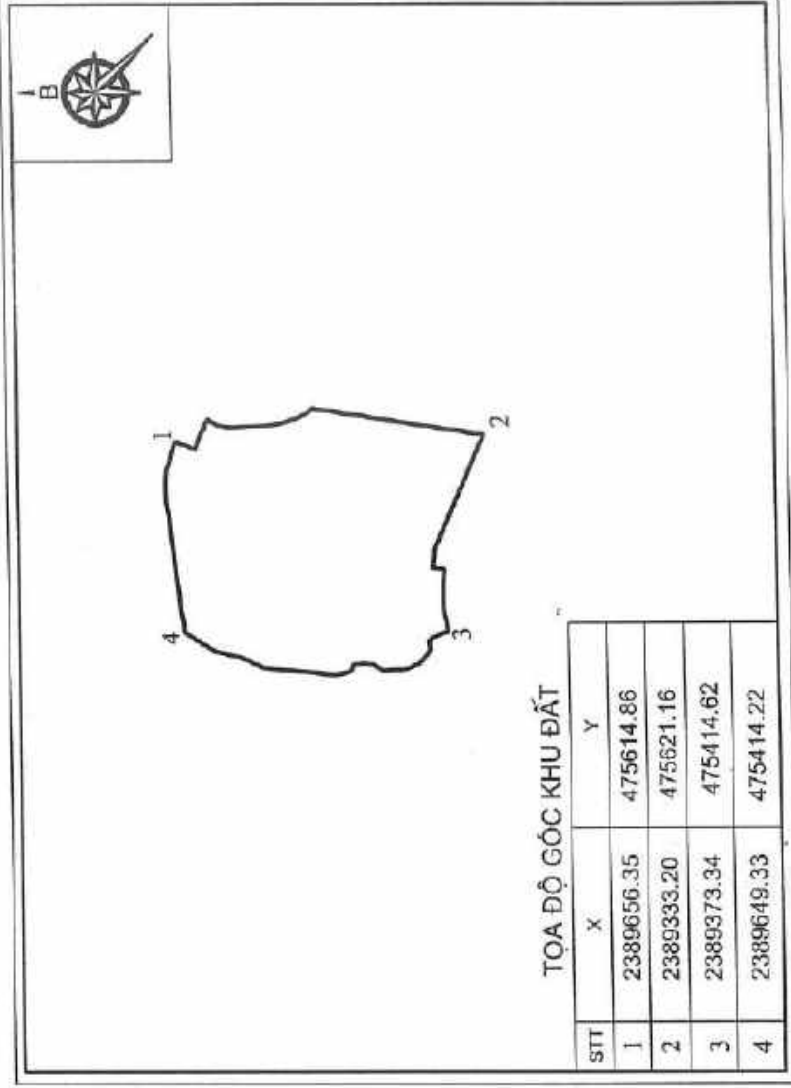
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: PHƯỜNG TRUNG TÂM, THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Chỉnh trang đô thị kết hợp đầu tư phát triển khu dân cư đô thị
thuộc phường. Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
phường. Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích:
7,4 ha.....
- Loại đất hiện trạng: LƯU và các loại đất khác.....
- Cơ quan chủ đầu tư:
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái.....
- Căn cứ pháp lý:
.....
.....
.....
.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



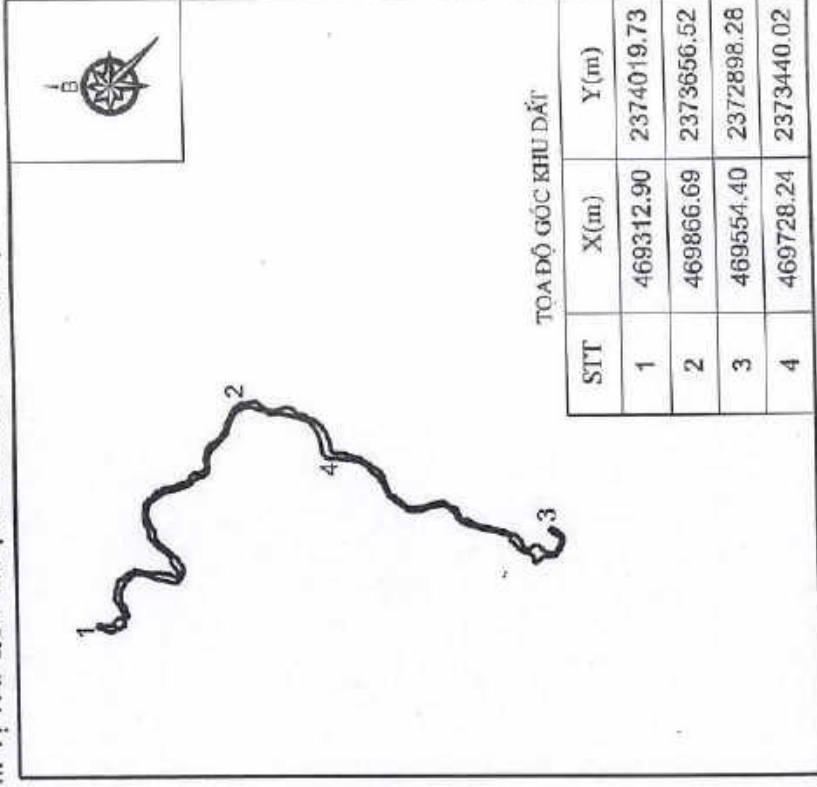
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THÔN HÁNG GÀNG, XÃ PÁ HU, HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Đường thôn Hàng Gàng đi xã Hạnh Sơn, huyện Văn Chấn
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Pá Hu, huyện Trạm Tấu tỉnh Yên Bái
- Diện tích : 20924.9m²
- Loại đất hiện trạng: Đất ở tại nông thôn: 587.96m²; Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác: 261.6m²; Đất có rừng trồng sản xuất: 511.0m²; Đất giao giao thông: 1060.03m²; Đất thủy lợi: 21.17m²; Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: 287.0m²; Đất đồi núi chưa sử dụng: 121.9m²; Đất trồng cây lâu năm: 680.27m²; Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ: 5833.42m²; Đất trồng rừng phòng hộ: 11478.56m²; Đất giao dục: 103.16m².
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: TDP SUỐI KHOÁNG, THỊ TRẤN SƠN THỊNH, HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

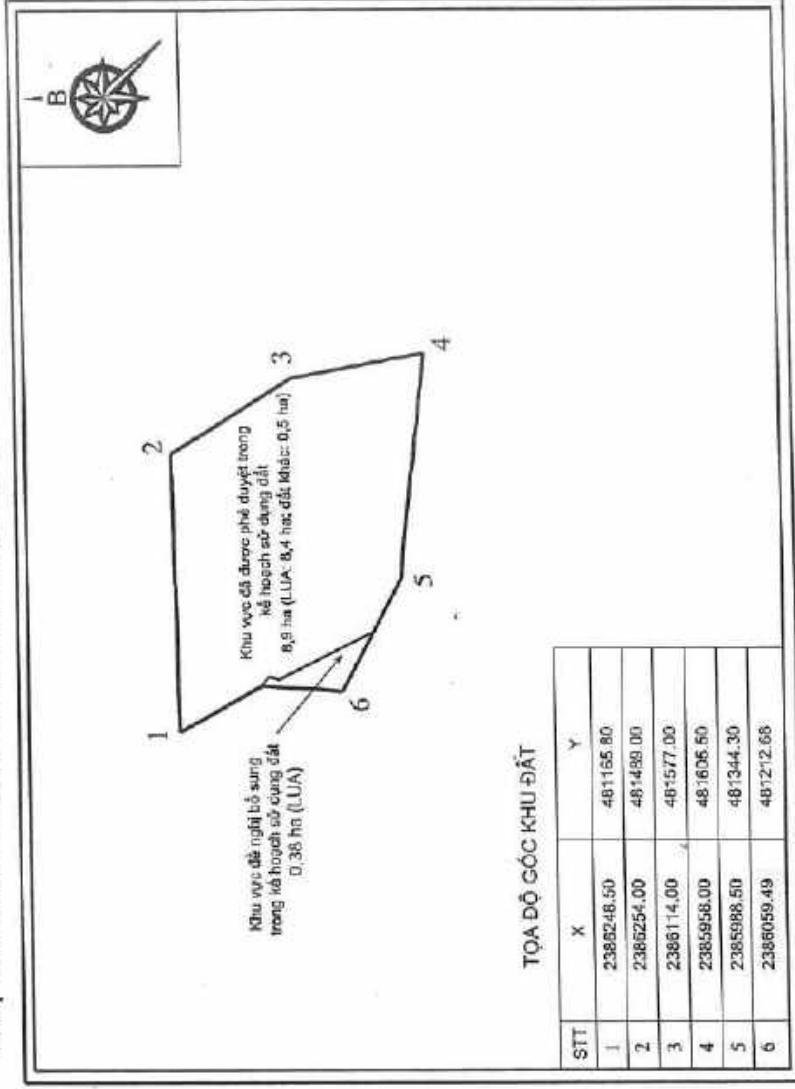
- Tên công trình, dự án: Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bản Hốc
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Tổ dân phố Suối Khoáng
Thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 9,28 ha
- Loại đất hiện trạng: Đất LƯA: 8,78 ha; Đất khác: 0,50 ha
- Cơ quan chủ đầu tư:

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại dịch vụ Văn Chấn

6. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 22/03/2021 của UBND tỉnh Yên Bái
- Quyết định số 345/Q-UBND ngày 11/03/2022 của UBND tỉnh Yên Bái
- Quyết định số 1611/Q-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





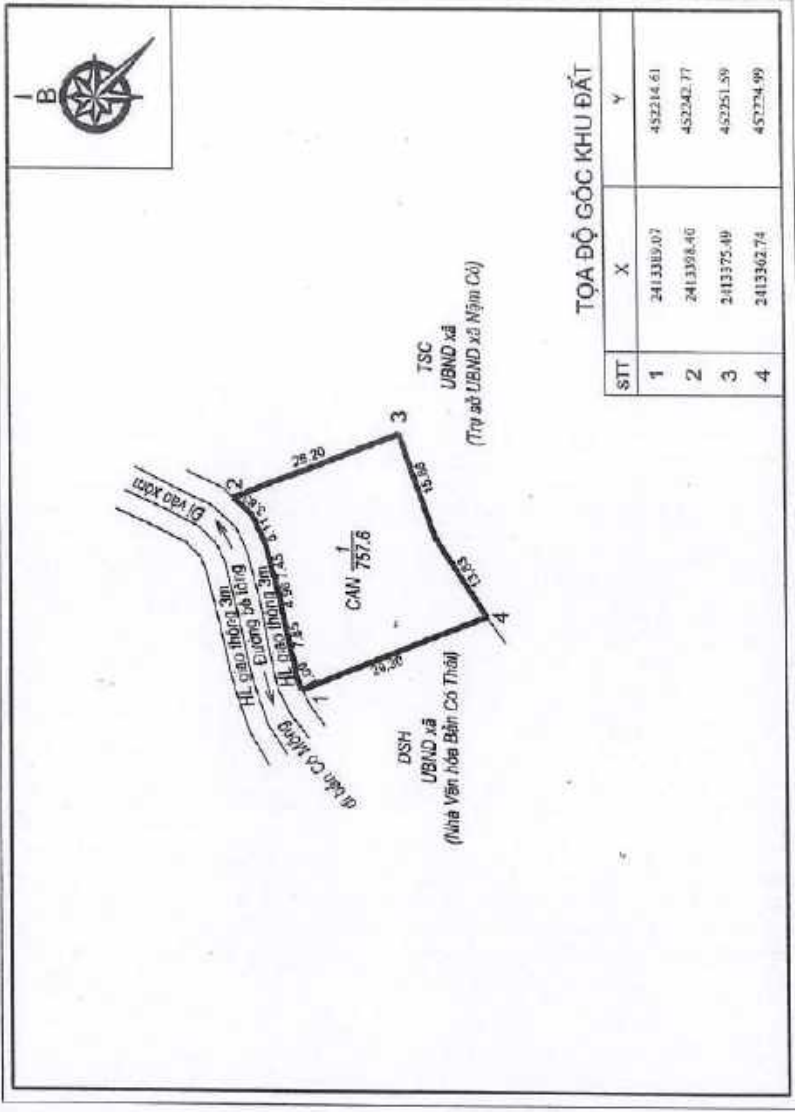
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ NẬM CỎ, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Nậm Cỏ.....
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:.....
Xã Nậm Cỏ, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....
- 3. Diện tích: 0.076ha.....
- 4. Loại đất hiện trạng: Các loại đất khác.....
- 5. Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái.....
- 6. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

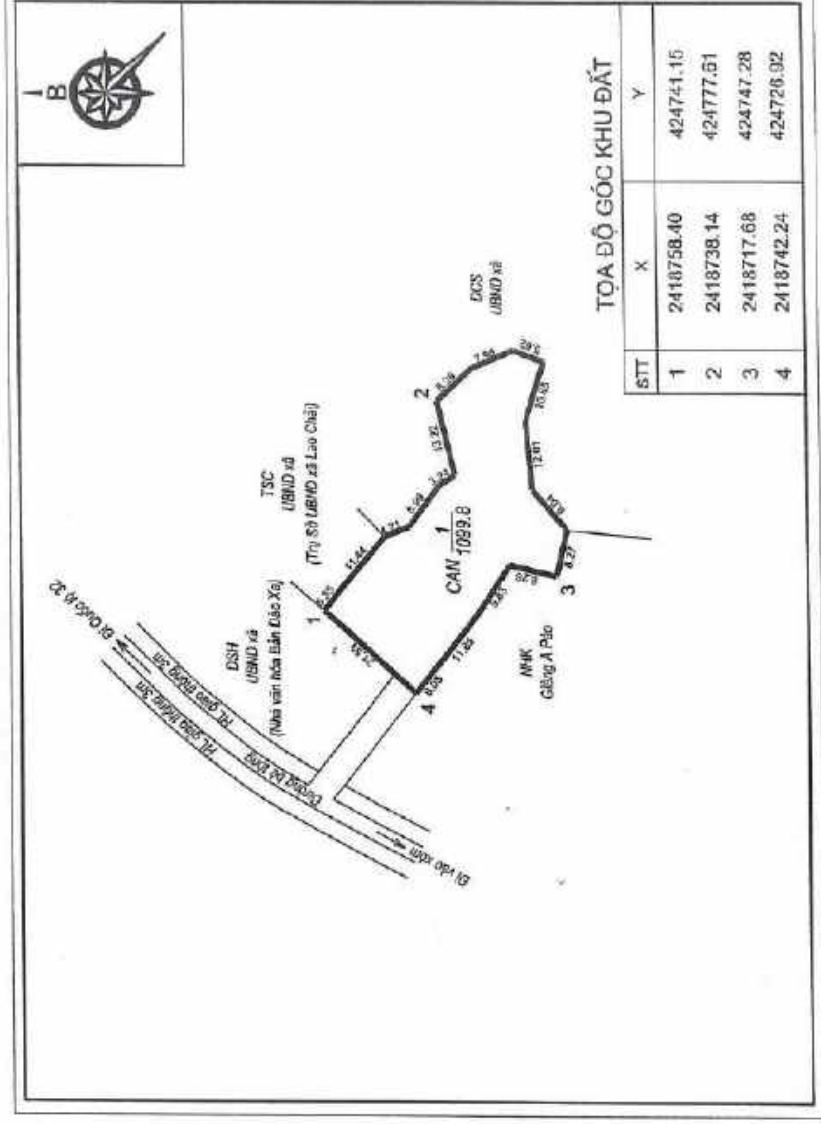
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Lao Chải.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,11ha.....
- Loại đất hiện trạng: Các loại đất khác.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái.....
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1606/QĐ-UBND, ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021.....



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Tru.sở công.an xã La Pán Tán.

Xã La Pán Tẩn, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

4. Loại đất hiện trạng: ... Các loại đất khác:

6. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021



TỌA ĐỘ GỐC KHU ĐẤT		
STT	X	Y
1	2410127.48	439653.04
2	2410091.19	439664.67
3	2410085.78	439652.65
4	2410086.72	439632.76

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

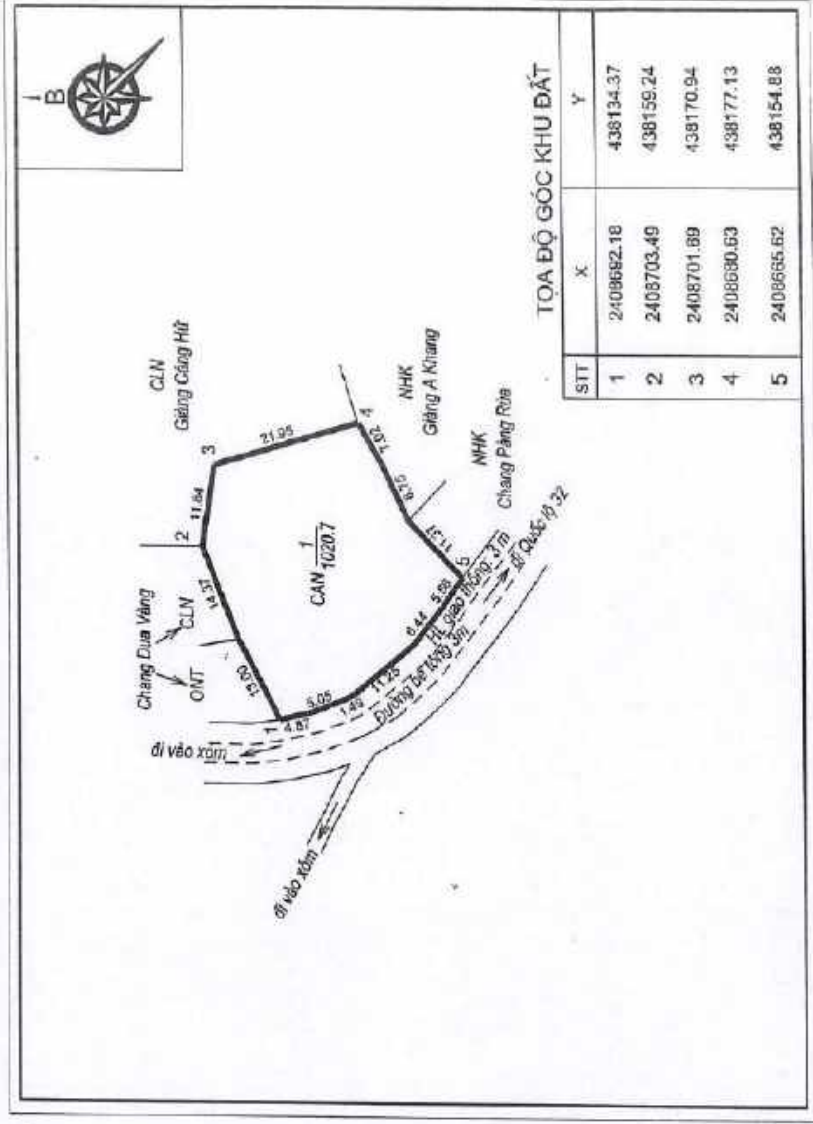


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÁ DẾ XU PHÌNH, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Dế Xu Phình.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Xã Dế Xu Phình, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,102ha.....
- Loại đất hiện trạng: Các loại đất khác.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái.....
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





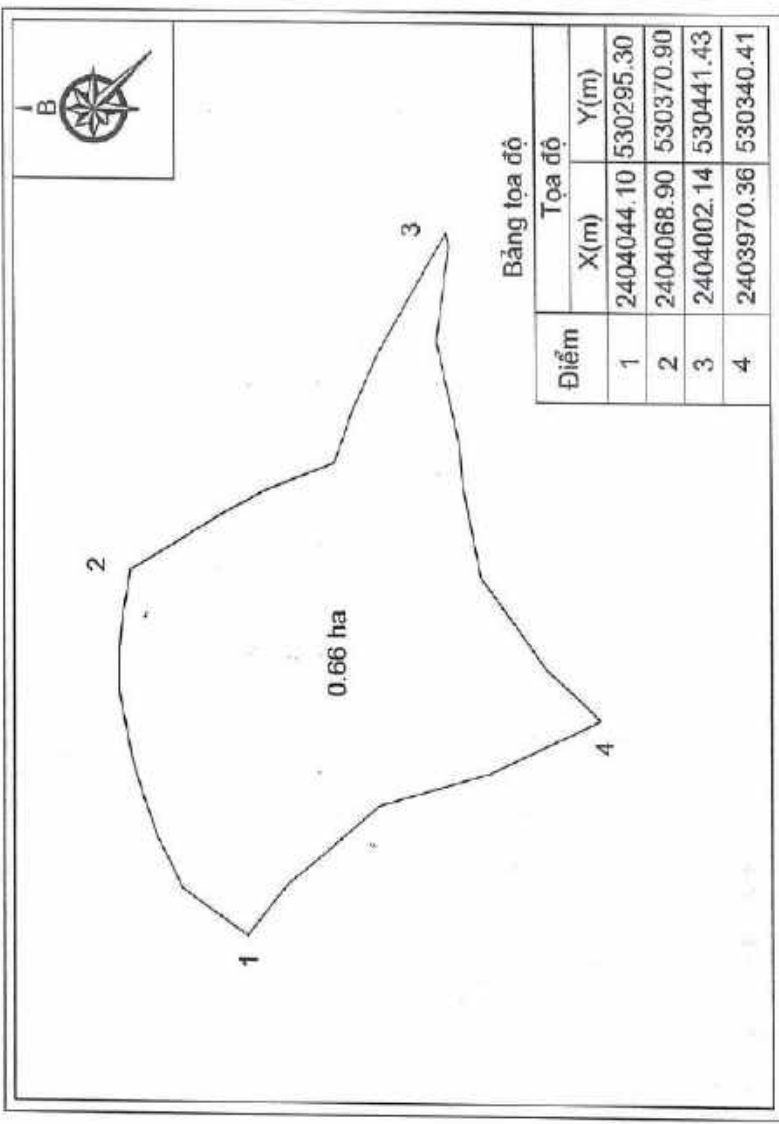
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ HÁN ĐÀ HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. Tên công trình, dự án:
Khai thác mỏ fenspat thôn Hồng Quân, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Hồng Quân, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- 3. Diện tích: 0.66 ha
- 4. Loại đất hiện trạng:
Đất trồng rừng sản xuất.
- 5. Cơ quan chủ đầu tư:
Công ty cổ phần khoáng sản Yên Bái VPG
- 6. Căn cứ pháp lý:
Giấy phép khai thác khoáng sản số 696/GP-UBND ngày 12/4/2016.
Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1369/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023.

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỒ SUNG, CẤP NHẬP VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ HÁN ĐÀ, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

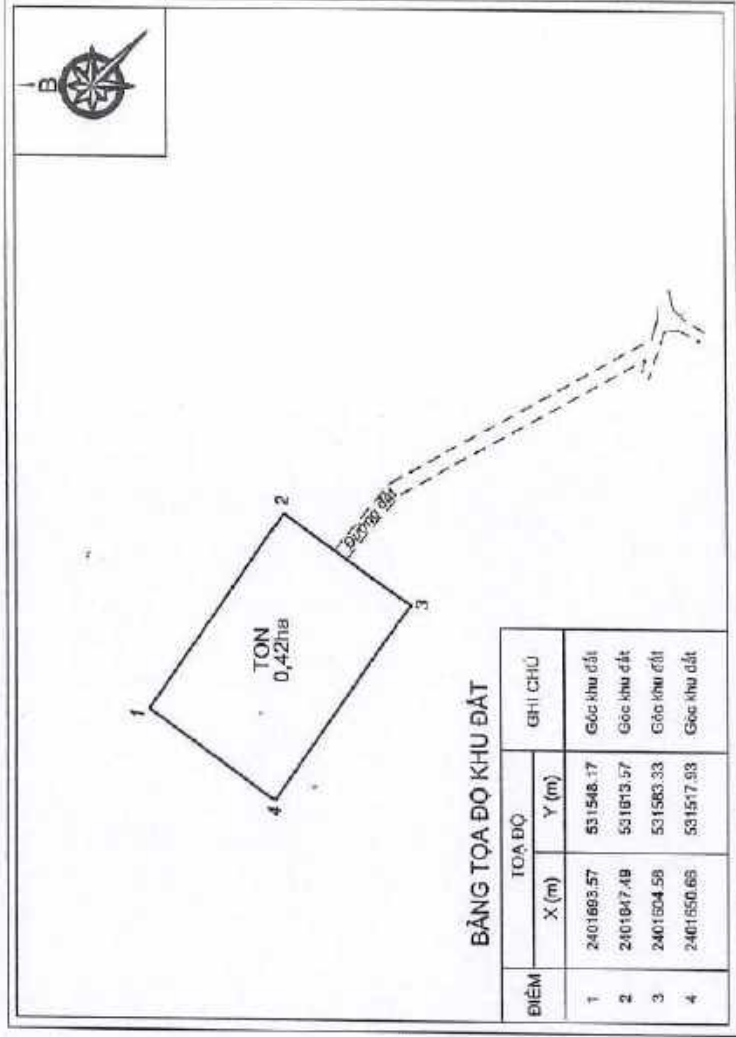
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)



I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
..... Giáo xứ Minh Danh
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
..... Thôn An Lạc, xã Hán Đà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,42ha
.....
- Loại đất hiện trạng: Đất rừng sản xuất: 0,42 ha
.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Giáo xứ Minh Danh - Tòa Giám mục Giáo phận Hưng Hóa
.....
- Căn cứ pháp lý: Văn bản số 1993/UBND-NC ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc chấp thuận thành lập Giáo xứ Minh Danh trực thuộc Tòa Giám mục Giáo phận Hưng Hóa và Văn bản số 2380/UBND-TCQ ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về việc giải quyết khiếu nại của Giáo xứ Minh Danh
.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

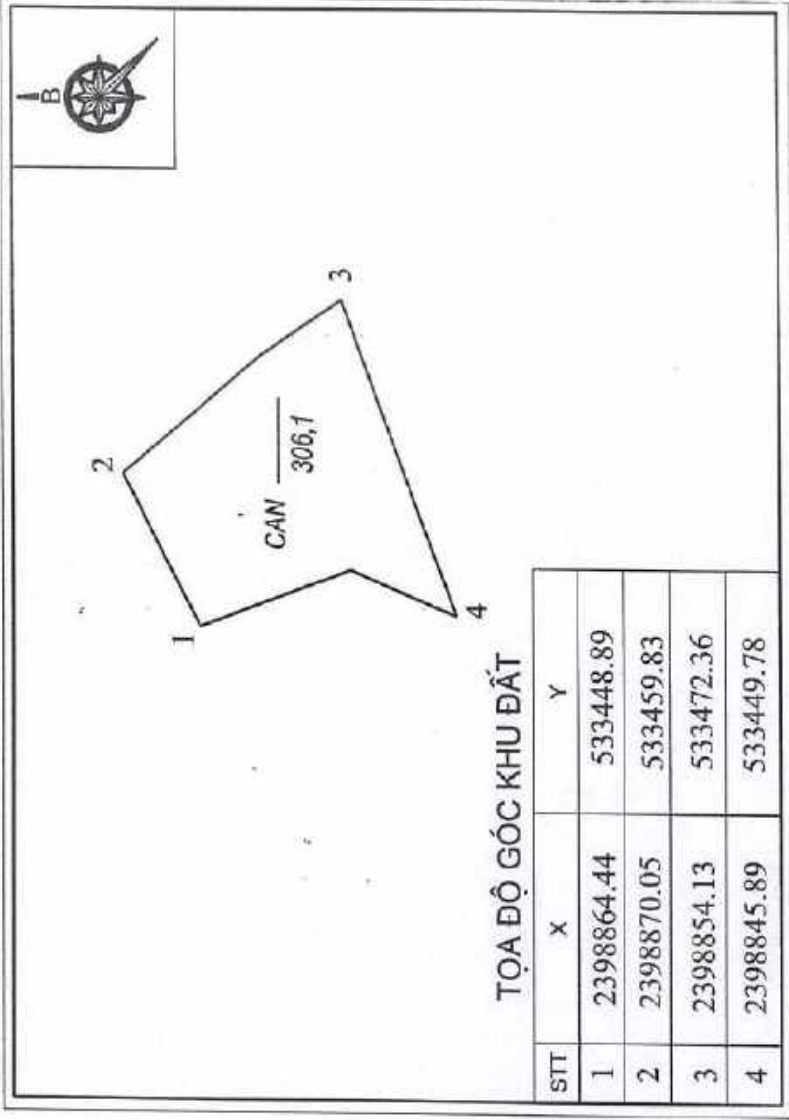
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ ĐẠI MINH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Đại Minh
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0.0306 ha (306,1 m²)
- Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0.0306 ha
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

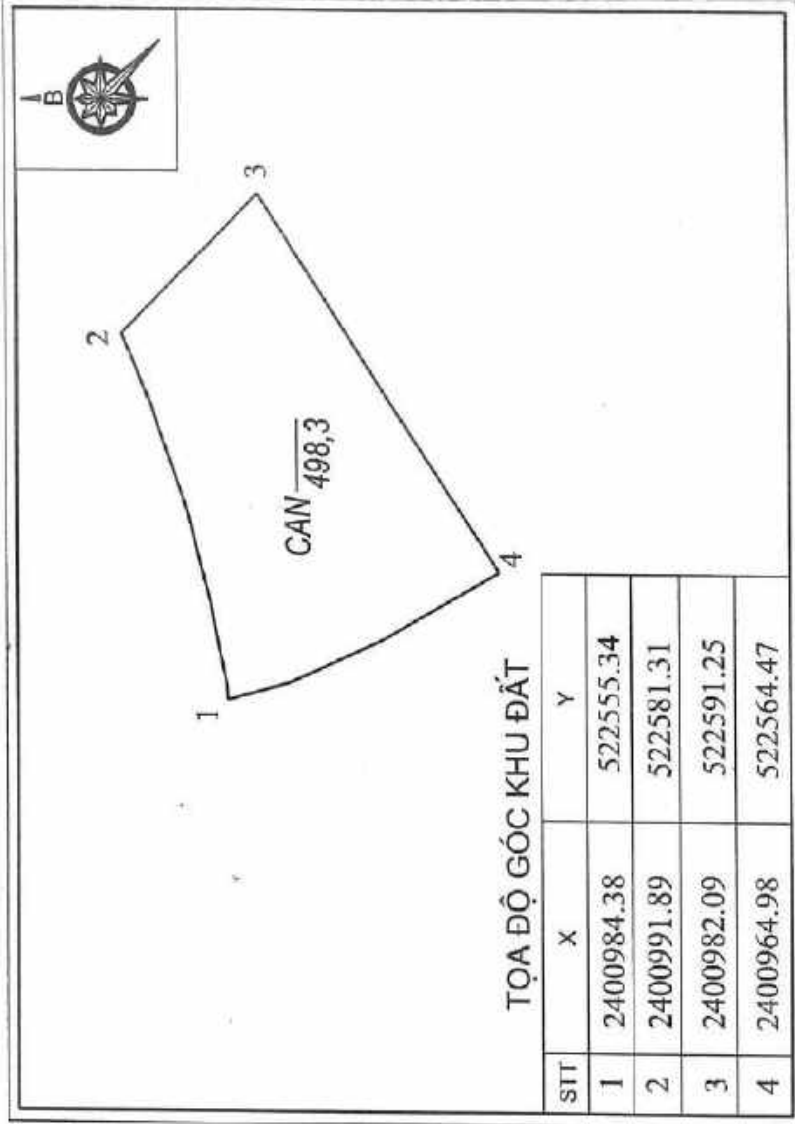
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Phú Thịnh
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,0498 ha (498,3 m²)
4. Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0,0498 ha
5. Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái
6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



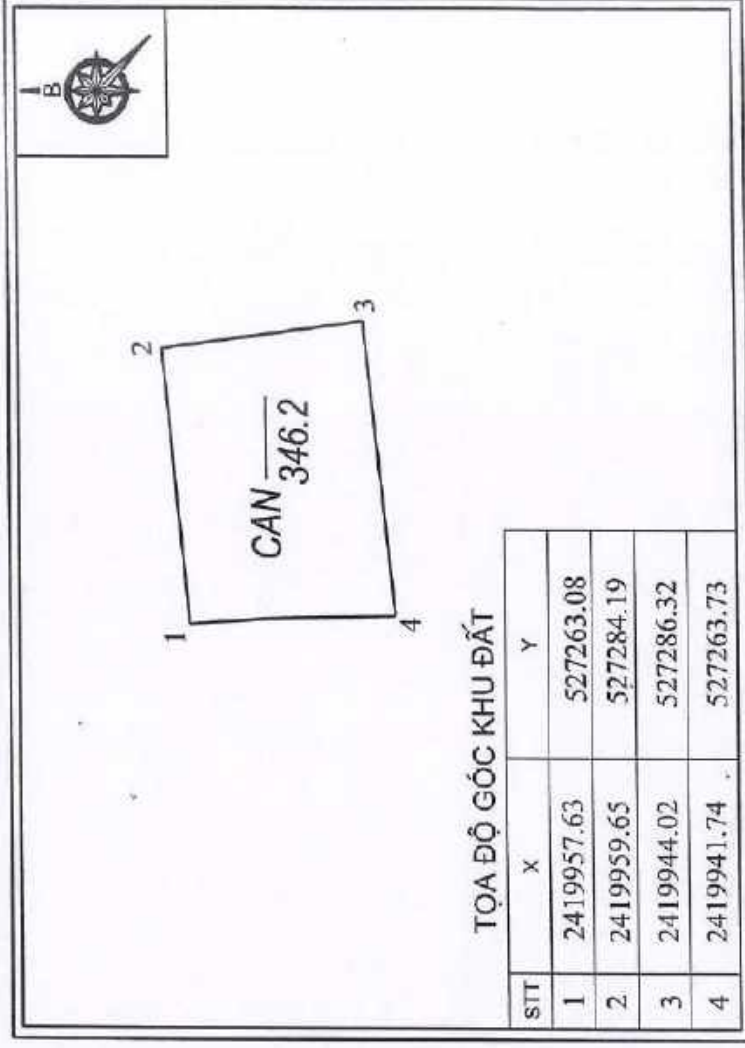
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ YÊN THÀNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Yên Thành
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Yên Thành, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,0346 ha (346,2 m²)
4. Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0,0346 ha
5. Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái
6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

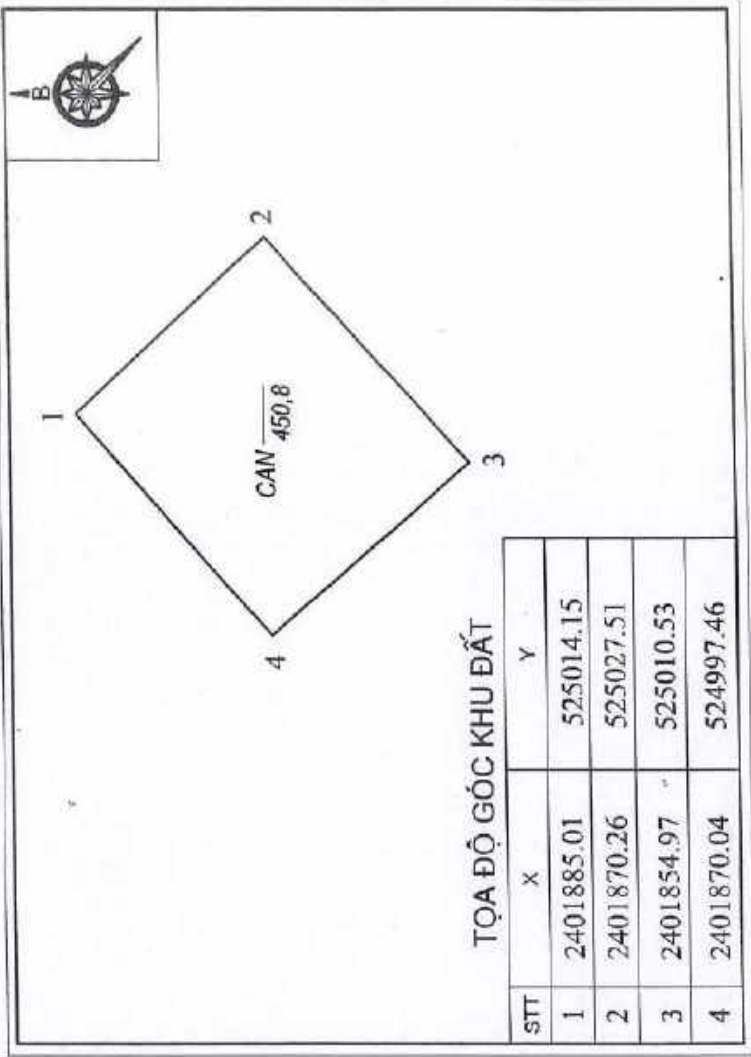
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ THỊNH HUNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Trụ sở công an xã Thịnh Hưng
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,0450 ha (450,8 m²)
4. Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0,0450 ha
5. Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái
6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

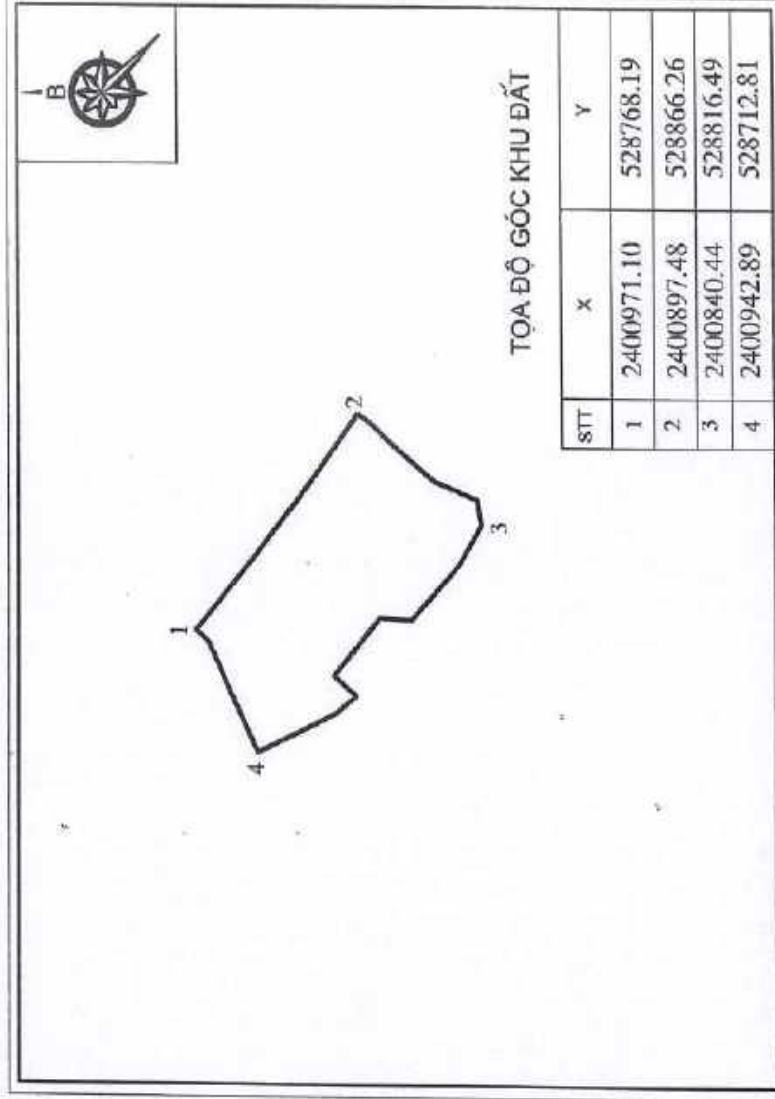
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ HÁN ĐÀ, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới
..... (Quỹ đất đường Hoàng Thi)
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Hán Đà, huyện Yên Bình
.....
3. Diện tích: 0,94ha
4. Loại đất hiện trạng: RSX và các loại đất khác
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình
.....
6. Căn cứ pháp lý:
..... Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Yên Bình về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất đường Hoàng Thi)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

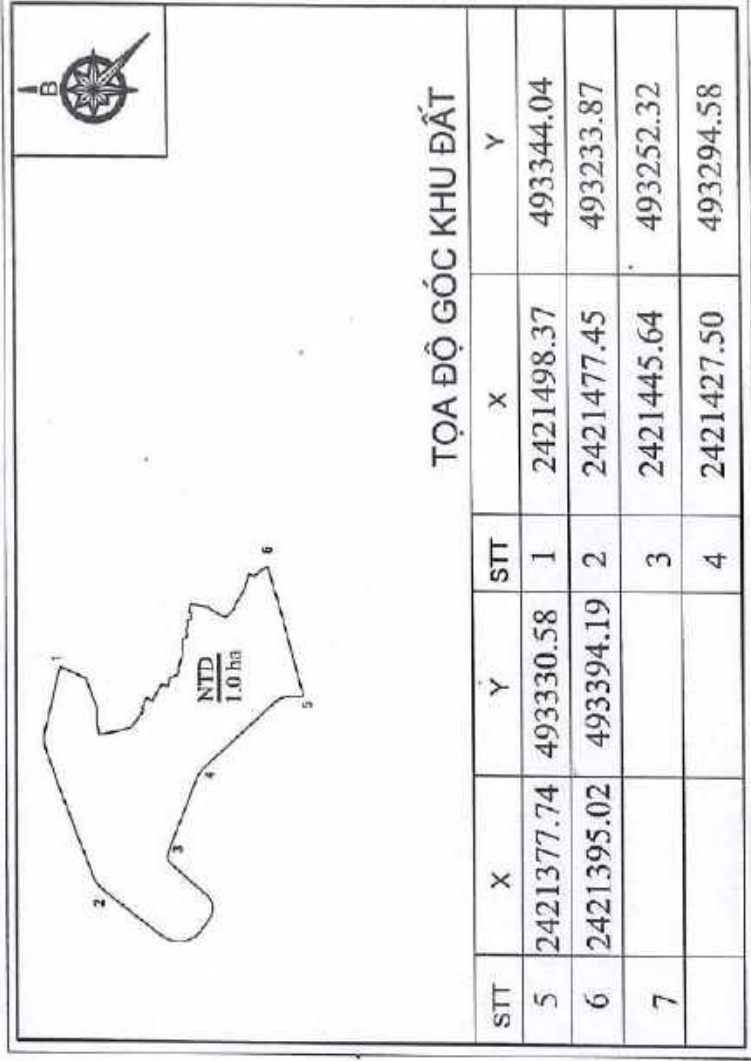
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: TT MẬU A, XÃ MẬU ĐÔNG, HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Mở rộng nghĩa trang H44, thị trấn Mậu A
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 1,0 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC: 0,9 ha; Đất khác: 0,1 ha
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Yên,
- Căn cứ pháp lý:
Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND huyện Văn Yên

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ CHẾ CU NHA, XÃ NẠM CỎ, XÃ MỎ ĐỀ - HUYỆN MŨ CANG CHẢI - TỈNH YÊN BẮI

Kèm theo Quyết định số: 1574/QĐ-UBND ngày 31/17/2024 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐƯỜNG KẾT NỐI MƯỜNG LA (SƠN LA), THÂN UYÊN, TÂN UYÊN (LAI CHÂU), MŨ CANG CHẢI, VẠN CHÁNH, VÂN YÊN (YÊN BẮI) VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BẮI - LÃO CẠI (IC15)
- ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN: HUYỆN MŨ CANG CHẢI, HUYỆN VÂN YÊN
- DIỆN TÍCH: 222.41 HA ĐGT. TRONG ĐÓ ĐGT: 222.41 HA; ONT: 0 HA
- LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG: ĐẤT KHÁC; ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ; ĐẤT LỬA
- CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH YÊN BẮI
- CĂN CỨ PHÁP LÝ:
- NGHỊ QUYẾT SỐ 15NQ-HNND NGÀY 12/4/2023 CỦA HĐND TỈNH YÊN BẮI
- QUYẾT ĐỊNH SỐ 1721/QĐ-UBND NGÀY 13/8/2021 CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BẮI VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG KẾT NỐI MƯỜNG LA (SƠN LA), THÂN UYÊN, TÂN UYÊN (LAI CHÂU), MŨ CANG CHẢI, VẠN CHÁNH, VÂN YÊN (YÊN BẮI) VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BẮI - LÃO CẠI (IC15)

- GHỊ CHÚ: DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT: 222.41 HA
+ TRONG ĐÓ ĐẤT LỬA: 9.90 HA

ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ: 70.00 HA
CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC: 142.51 HA



TỌA ĐỘ GỐC KHU ĐẤT

STT	Tọa độ Y	Tọa độ X
N1	434245.95	2414653.82
N2	433875.07	2414815.05
N3	434238.50	2414837.32
N4	434481.85	2414857.65
N5	434840.63	2414953.66
N6	435405.07	2414989.92
N7	435738.72	2415343.87
N8	436129.93	2415617.01
N9	436056.66	2415801.65
N10	435983.58	2416122.86
N11	436032.76	2416283.19
N12	436687.18	2417560.19
N13	436829.06	2417286.66

STT	Tọa độ Y	Tọa độ X
N14	437059.11	2417123.50
N15	437179.23	2416809.74
N16	437104.89	2416340.32
N17	438043.12	2416791.79
N18	438434.05	2417342.77
N19	439488.26	2417923.70
N20	439870.02	2418056.64
N21	440620.43	2418403.82
N22	440720.87	2418734.04
N23	441101.59	2418853.18
N24	441804.49	2419059.61
N25	441960.14	2419422.58
N26	441981.27	2419827.15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ CHẾ CU NHA, XÃ NẬM CỎ, XÃ MỎ ĐỀ - HUYỆN MÙ CANG CHẢI - TỈNH YÊN BÁI



Kèm theo Quyết định số: 1574/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

TOA ĐỘ GÓC KHU ĐẤT

STT	Tọa độ Y	Tọa độ X
N27	442402.30	2420025.79
N28	442786.57	2420006.91
N29	442908.39	2419992.98
N30	443104.92	2419992.36
N31	443609.90	2420103.63
N32	444166.80	2419873.60
N33	444325.21	2419918.90
N34	444499.98	2419895.77
N35	444773.00	2419835.66
N36	445031.50	2419543.14
N37	445261.41	2418845.31
N38	445353.17	2418557.17
N39	445703.99	2418227.38
N40	446429.68	2418251.18
N41	447392.79	2417349.07
N42	447404.94	2417563.66
N43	447238.41	2417735.01
N44	447772.01	2417195.80
N45	447777.93	2417496.20
N46	448028.95	2417552.95
N47	448153.93	2417454.28
N48	448501.14	2417285.64
N49	448690.53	2417149.62
N50	448979.81	2416861.89
N51	448997.34	2417149.87
N52	448293.04	2417151.61
N53	448928.67	2417293.08
N54	449941.07	2416879.66
N55	450093.54	2416845.74
N56	450473.19	2416644.21

STT	Tọa độ Y	Tọa độ X
N57	451041.60	2416774.76
N58	451065.86	2417145.18
N59	451330.91	2416777.91
N60	451447.93	2416830.17
N61	451764.81	2416834.29
N62	452259.37	2417019.47
N63	452196.71	2417618.75
N64	452833.25	2417279.85
N65	453138.93	2416835.69
N66	452758.66	2417278.68
N67	453671.48	2417720.96
N68	453840.65	2417578.00
N69	454231.20	2417434.08
N70	454443.86	2417299.80
N71	454853.76	2417369.82
N72	455285.91	2417271.26
N73	456629.46	2417196.35
N74	457165.17	2416562.19
N75	457201.92	2416521.72
N76	457610.94	2416423.68

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



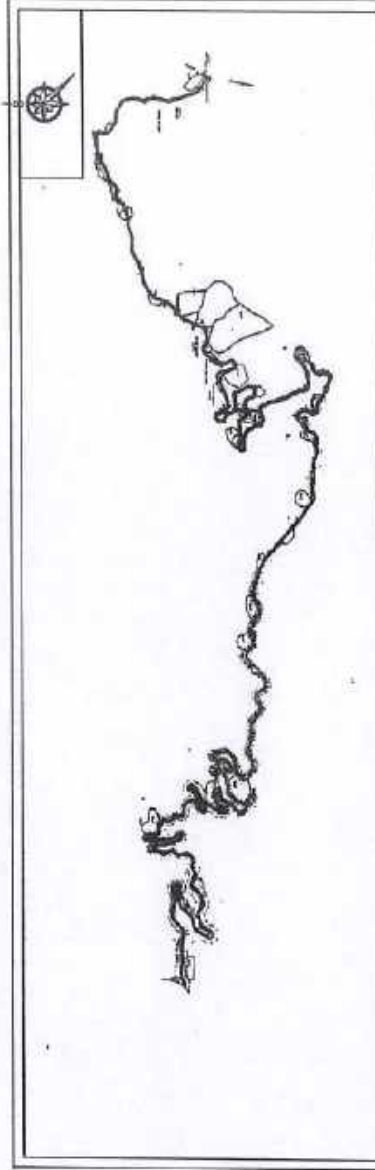
BẢN VẼ VỊ TRÍ RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHONG DỤ THƯỢNG - HUYỆN VĂN YÊN - TỈNH YÊN BÁI

(KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 157/100-UBND NGÀY 15/10/2024, CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐƯỜNG KẾT NỐI MƯỜNG LA (SƠN LA), THÂN UYÊN, TÂN UYÊN (LAI CHÂU), MŨ CANG CHÁI, VĂN CHÁI, VĂN YÊN (YÊN BÁI) VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÃO CẠI (IC15)
- ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN: HUYỆN MŨ CANG CHÁI, HUYỆN VĂN YÊN
- DIỆN TÍCH: 124,90 HA DGT. TRONG ĐÓ ĐGT: 124,90HA; ONT: 0 HA
- LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG: ĐẤT LỪA 4.90HA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ 45HA, ĐẤT KHÁC 74,59HA
- BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH YÊN BÁI
- CĂN CỨ PHÁP LÝ:
 - NGHỊ QUYẾT SỐ 15/NO-HĐND NGÀY 12/4/2023 CỦA HỘI ĐỒNG TỈNH YÊN BÁI
 - QUYẾT ĐỊNH SỐ 172/QĐ-UBND NGÀY 13/8/2021 CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG KẾT NỐI MƯỜNG LA (SƠN LA), THÂN UYÊN, TÂN UYÊN (LAI CHÂU), MŨ CANG CHÁI, VĂN CHÁI, VĂN YÊN (YÊN BÁI) VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÃO CẠI (IC15)
 - GHỊ CHÚ: DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT: 124,43HA
 - + TRONG ĐÓ: ĐẤT LỪA: 4.90 HA
 - ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ: 45 HA
 - CÁC LOẠI ĐẤT KHÁC: 74,59 HA



TỌA ĐỘ GÓC KHU ĐẤT

STT	Tọa độ Y	Tọa độ X
N77	458004.00	2416166.06
N78	459632.83	2416587.56
N79	458659.84	2416190.34
N80	458791.18	2416264.67
N81	459968.30	2415962.73
N82	460046.68	2415632.13
N83	461713.10	2415535.93
N84	462077.87	2415447.80
N85	462654.82	2415347.19
N86	463346.89	2414861.07
N87	464073.86	2414798.19
N88	464486.79	2414706.09
N89	464283.91	2415437.77
N90	464095.89	2415864.34
N91	464345.67	2415584.21
N92	464763.16	2415586.05
N93	465419.54	2415542.51
N94	465680.35	2415081.53
N95	465610.89	2416612.68
N96	466604.12	2416796.62
N97	466591.35	2416593.64
N98	466837.08	2417035.35
N99	467105.18	2417199.24
N100	468148.91	2416122.27



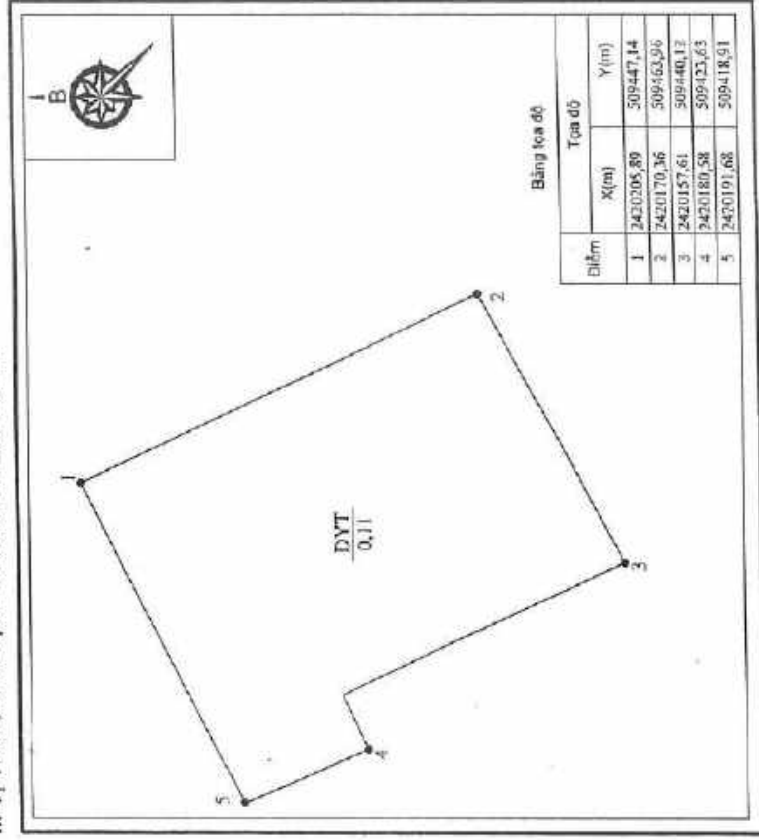
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ BẢO ÁI, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: ... Trạm y tế xã Bảo Ái ...
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: ...
Thôn Ngòi Khang, xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ...
3. Diện tích: 0,11 ha
4. Loại đất hiện trạng: ... DYT ...
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



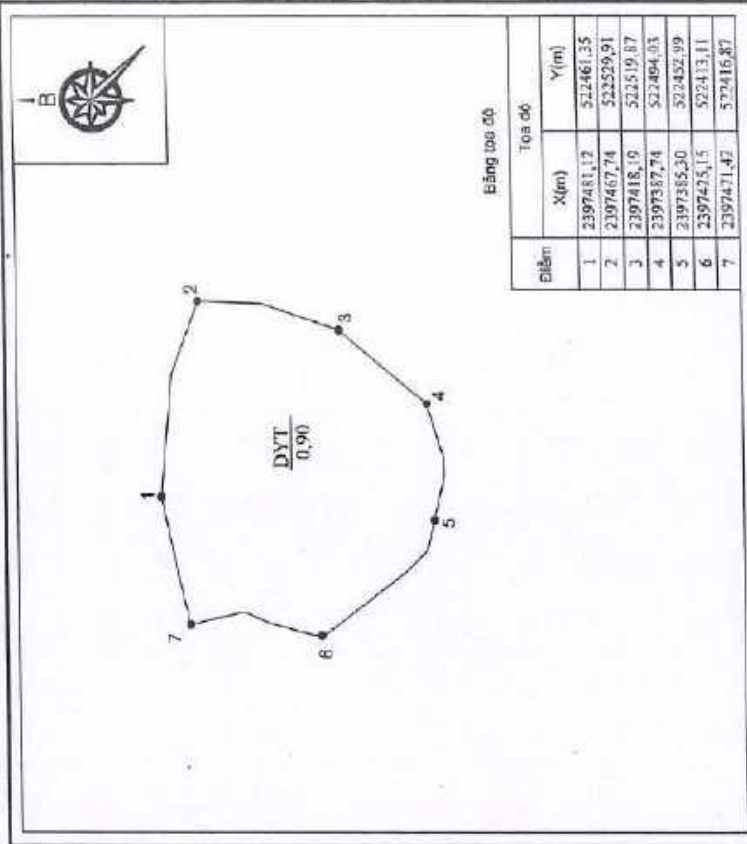
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỎ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
1. Tên công trình, dự án: Trạm y tế xã Phú Thịnh
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 4, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,90 ha
4. Loại đất hiện trạng: DYT
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái





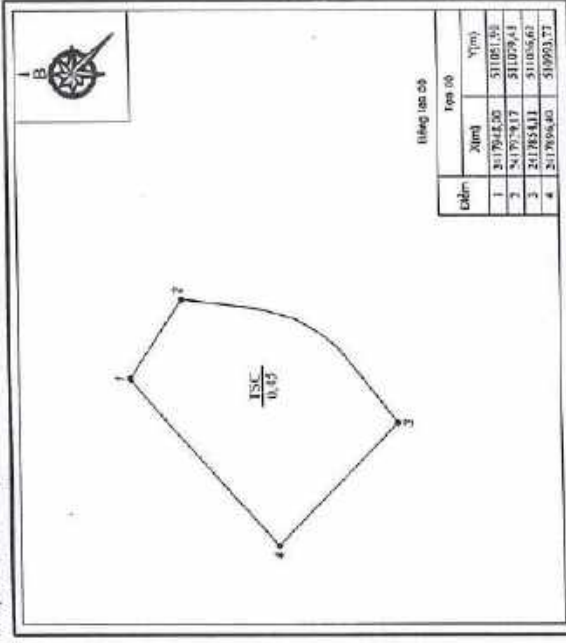
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẤT BỎ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ CẨM AN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Tại xã Cẩm An
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thị trấn Phố Mới, xã Cẩm An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,45 ha
- Loại đất hiện trạng: TSC
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Cẩm An
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình và việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án do đặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ở xã Cẩm An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

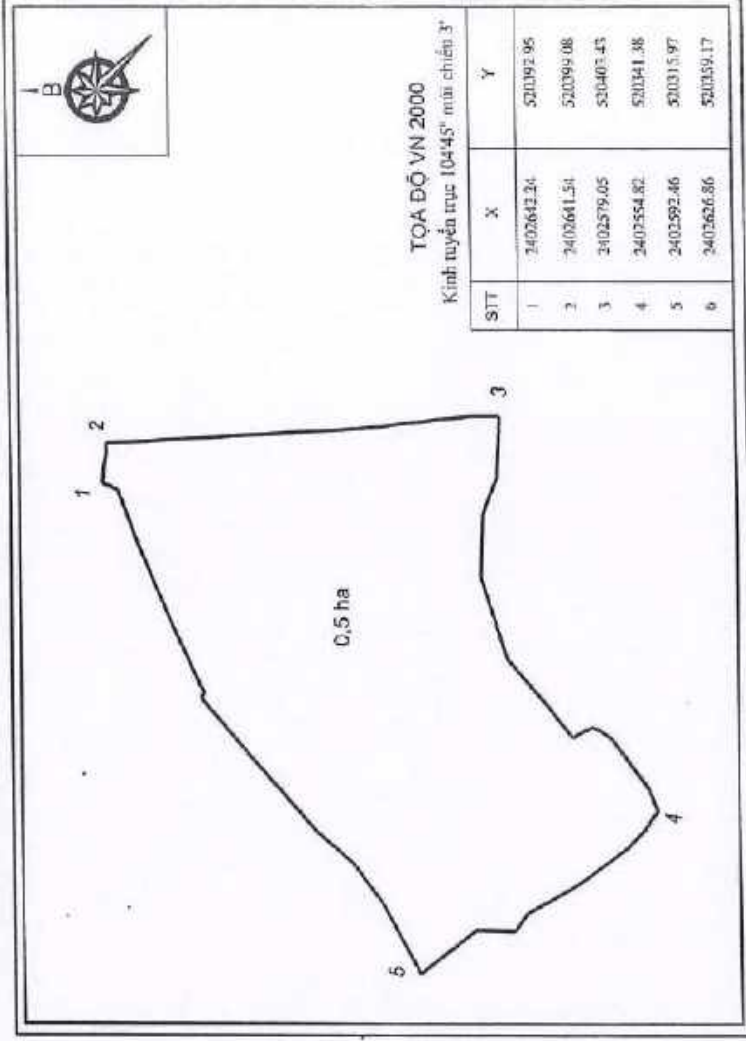
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẤP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Đến Lương Nham
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Thanh Bình
..... xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,5 ha
- Loại đất hiện trạng: CLN
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý di tích xã Phú Thịnh
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ (THỊ TRẤN) ĐẠI ĐỒNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

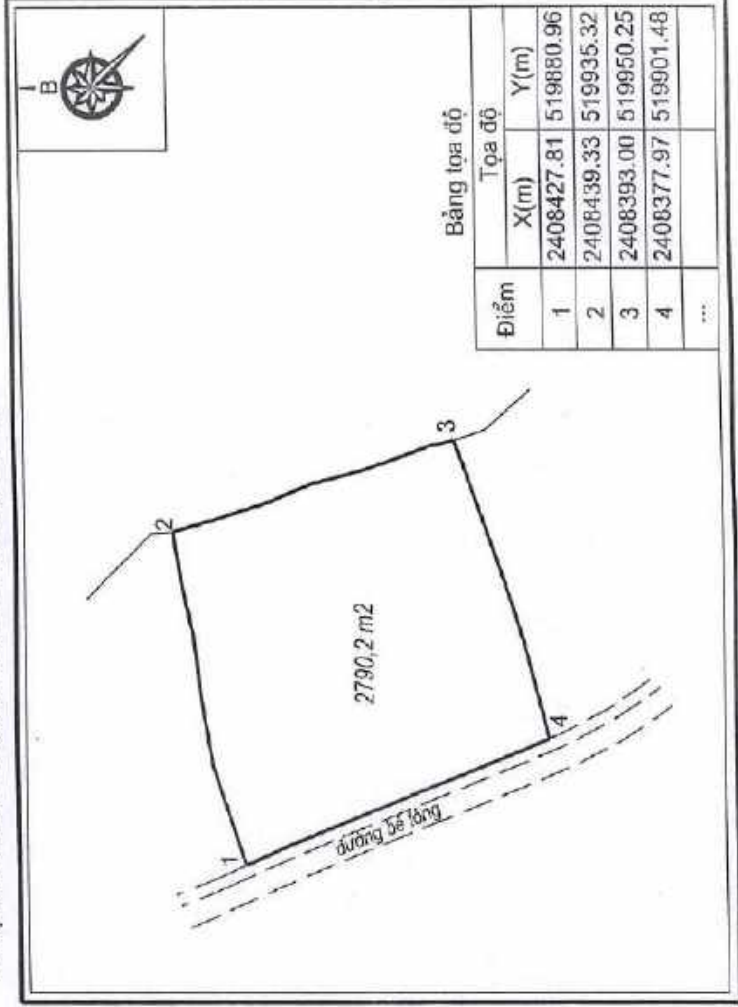
I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Chùa Đồng Lý
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Hồng Bàng, xã Đại Đồng
3. Diện tích: 2790.2 m²
4. Loại đất hiện trạng: RSX
5. Cơ quan chủ đầu tư: UBND xã Đại Đồng
6. Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái

Về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh.

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

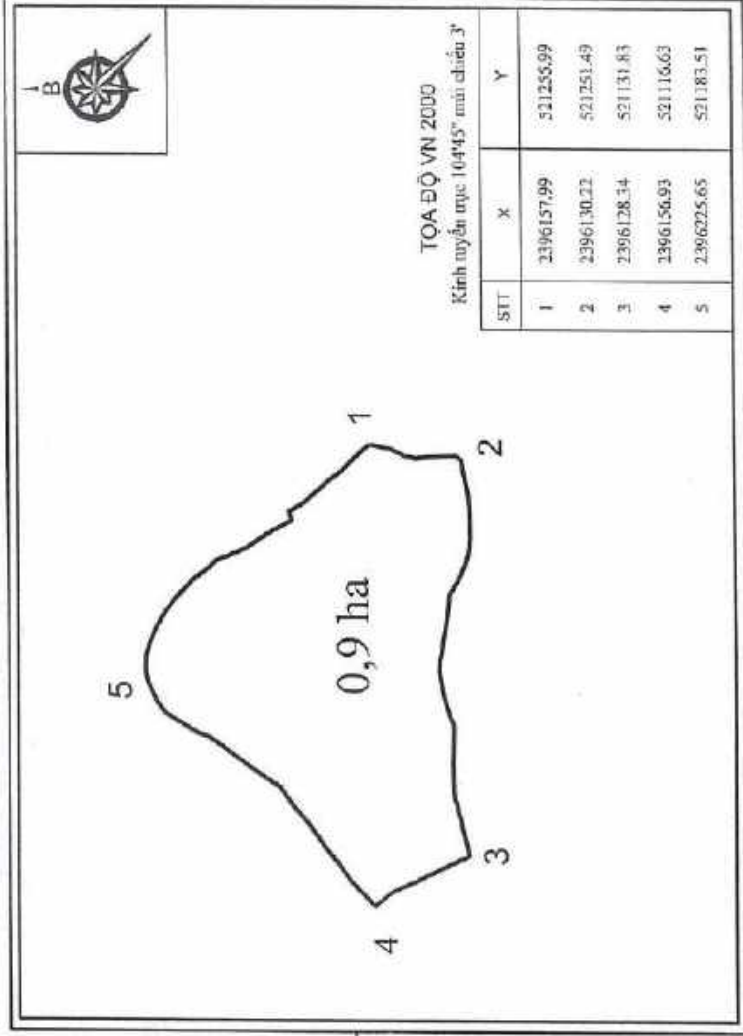
I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: CHÙA VĂN LĂNG (CHÙA NGÃ HAI)
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 4
xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,9 Ha
4. Loại đất hiện trạng: ONT;CLN;LUC;RSX;NTS;BHK
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý di tích xã Phú Thịnh

6. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND

tỉnh Yên Bái về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hoá thôn Đông Ké

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:

Thôn Đông Ké, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

3. Diện tích: 0,07 ha

4. Loại đất hiện trạng: DSH

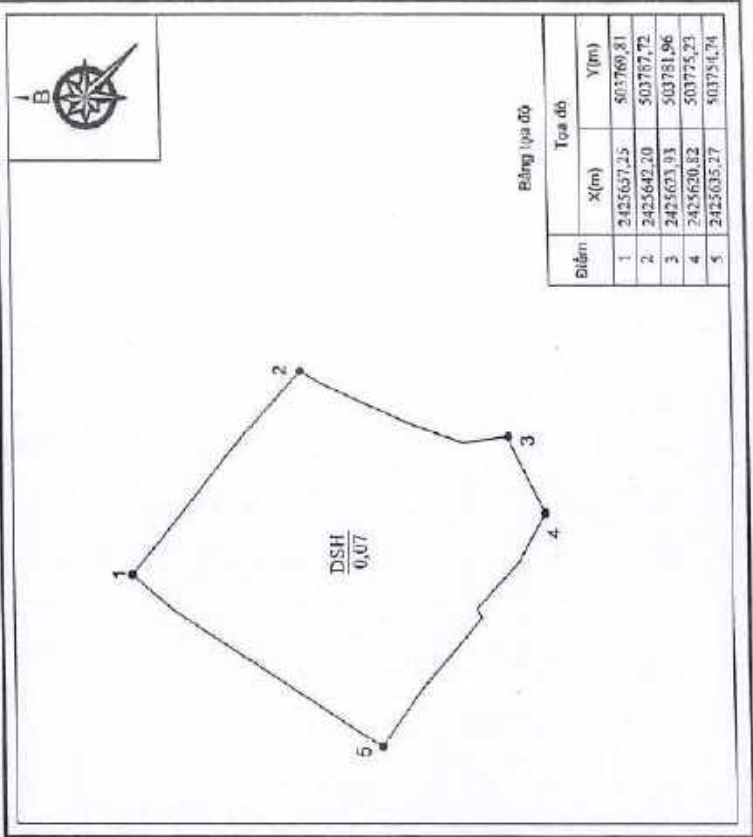
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên

6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện

Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận

nguyên sử dụng đất cho các lô thửa 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

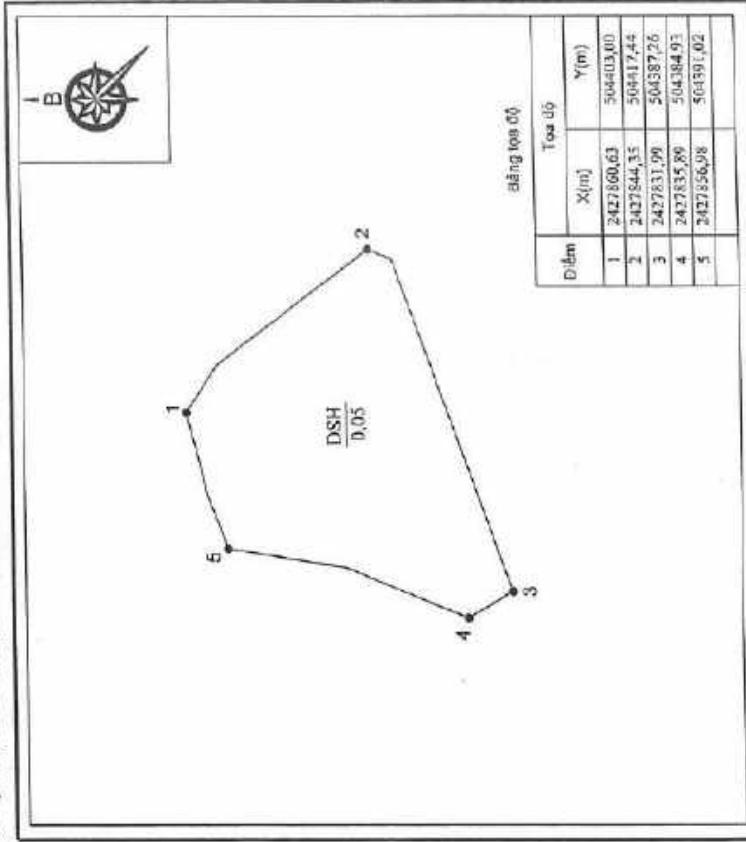
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẤT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Khe Cọ
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Khe Cọ, xã Tân Nguyên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,05 ha
4. Loại đất hiện trạng: DSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

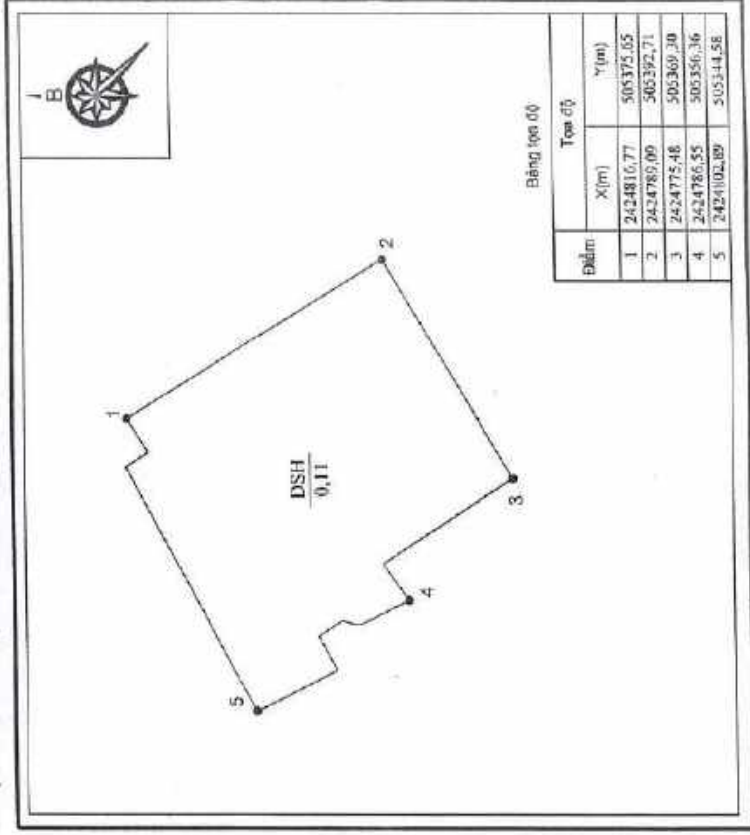
XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hoá thôn Khe Nhuận
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Khe Nhuận, xã Tân Nguyên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,11 ha
- Loại đất hiện trạng: DSH
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

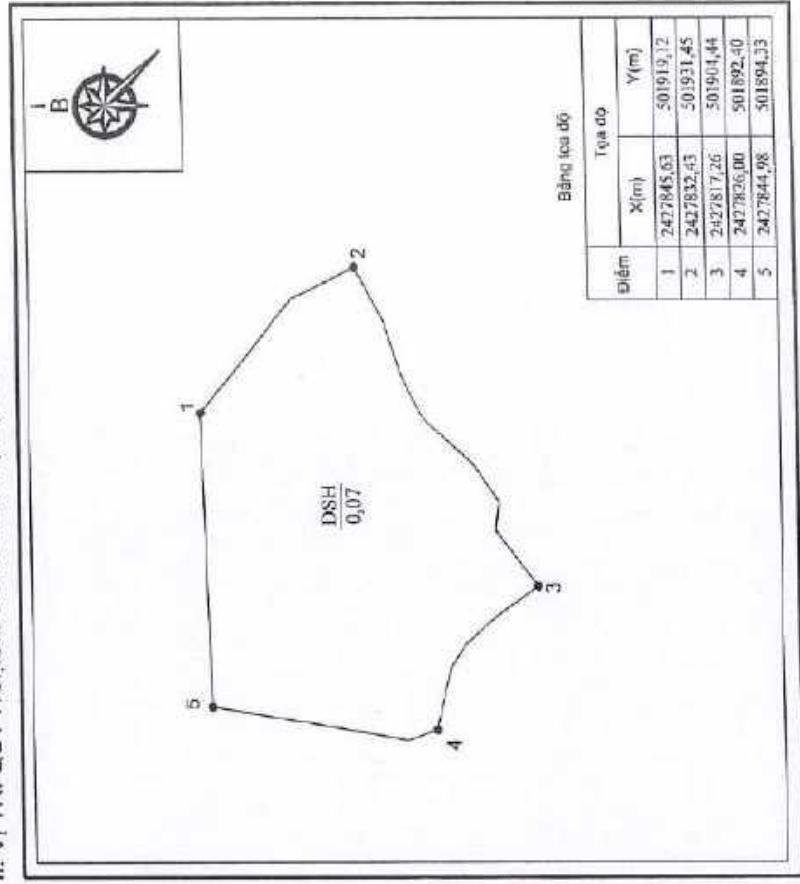
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Tân Phong.....
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Tân Phong, xã Tân Nguyên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
3. Diện tích: 0,07 ha.....
4. Loại đất hiện trạng: DSH.....
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên.....
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....





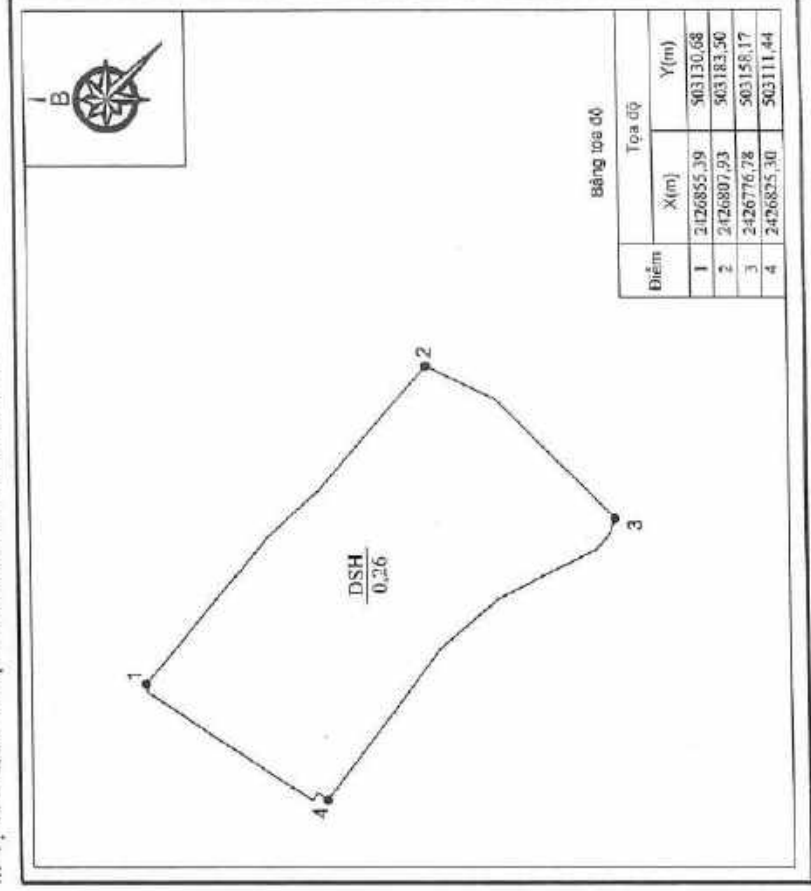
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Trại Phụng.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Trại Phụng, xã Tân Nguyên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,26 ha.....
- Loại đất hiện trạng: DSH.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên.....
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bộ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

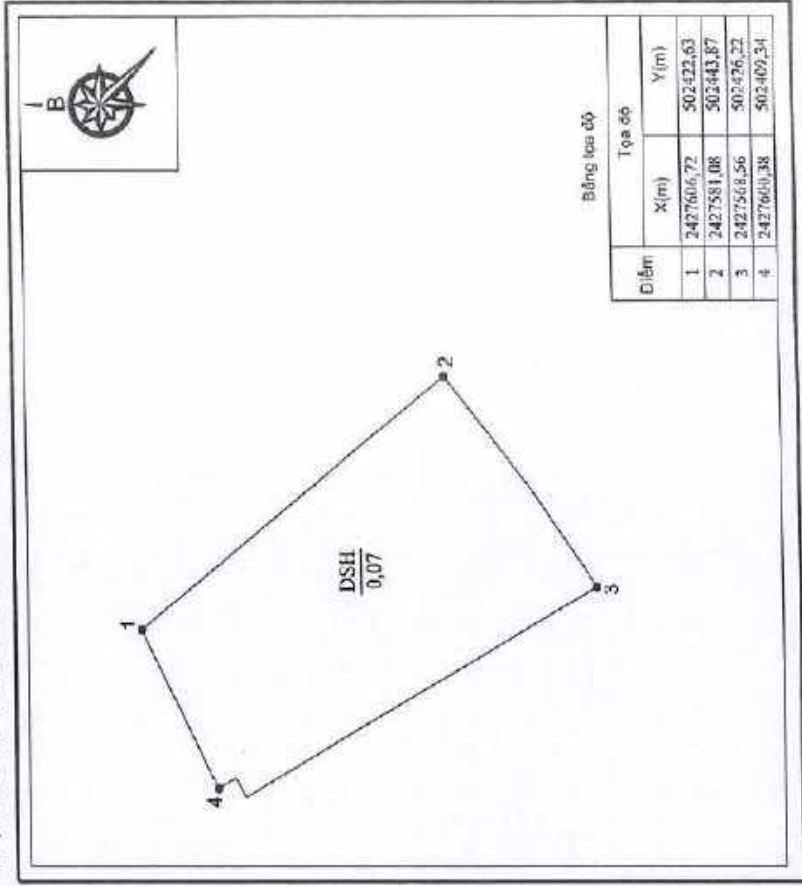
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỎ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ TÂN NGUYÊN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Tiến Minh
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Tiến Minh, xã Tân Nguyên, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,07 ha
4. Loại đất hiện trạng: ĐSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Nguyên
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỎ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ ĐẠI ĐỒNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Đá Chông.

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:

Thôn Đá Chông, xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

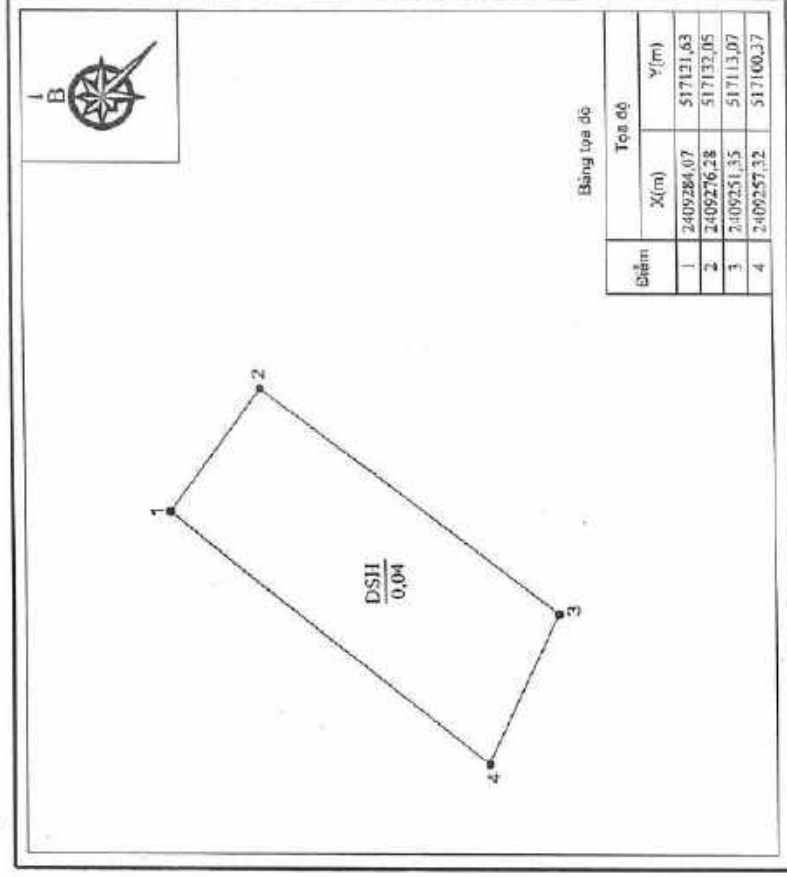
3. Diện tích: 0,04 ha.

4. Loại đất hiện trạng: DSH.

5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng.

6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





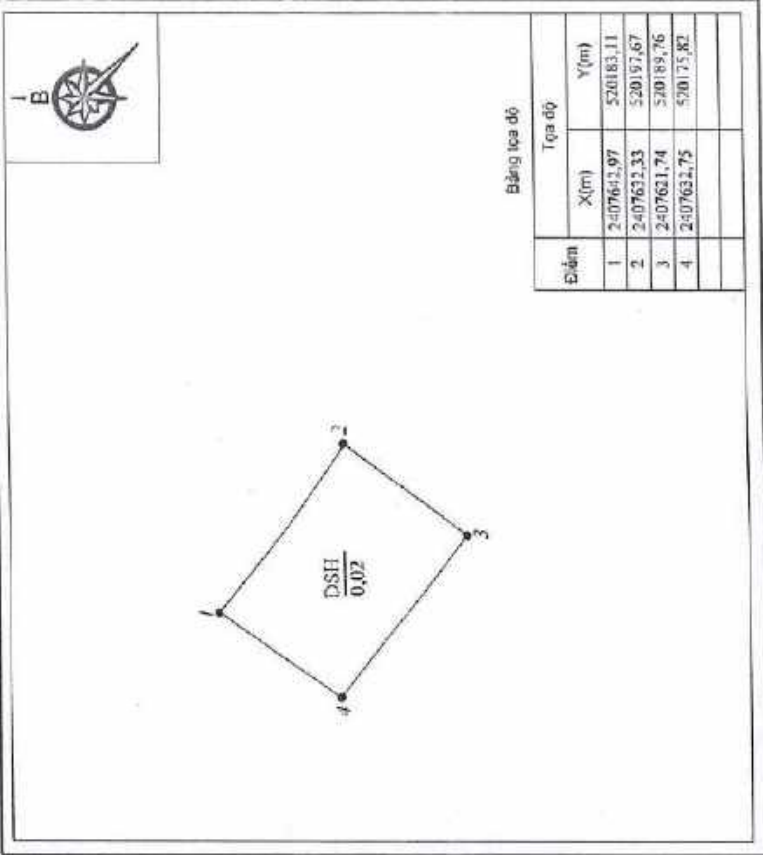
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ ĐẠI ĐỒNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Hồng Bàng
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Hồng Bàng, xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,02 ha
- Loại đất hiện trạng: DSH
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bộ tài liệu thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



Bảng tọa độ

Điểm	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
1	2407642,97	520183,11
2	2407632,33	520197,67
3	2407631,74	520189,76
4	2407632,75	520175,82



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

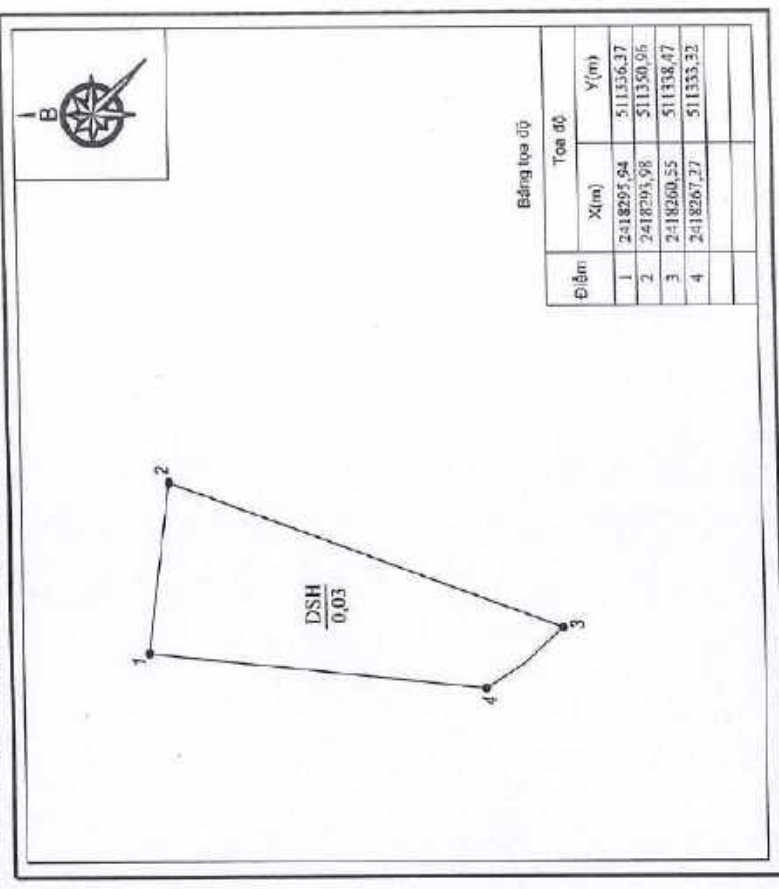
BẢN VẼ M. TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ CẨM AN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Tân Lương
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Tân Lương, xã Cẩm An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,03 ha
- Loại đất hiện trạng: DSH
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Cẩm An
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bộ trị vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





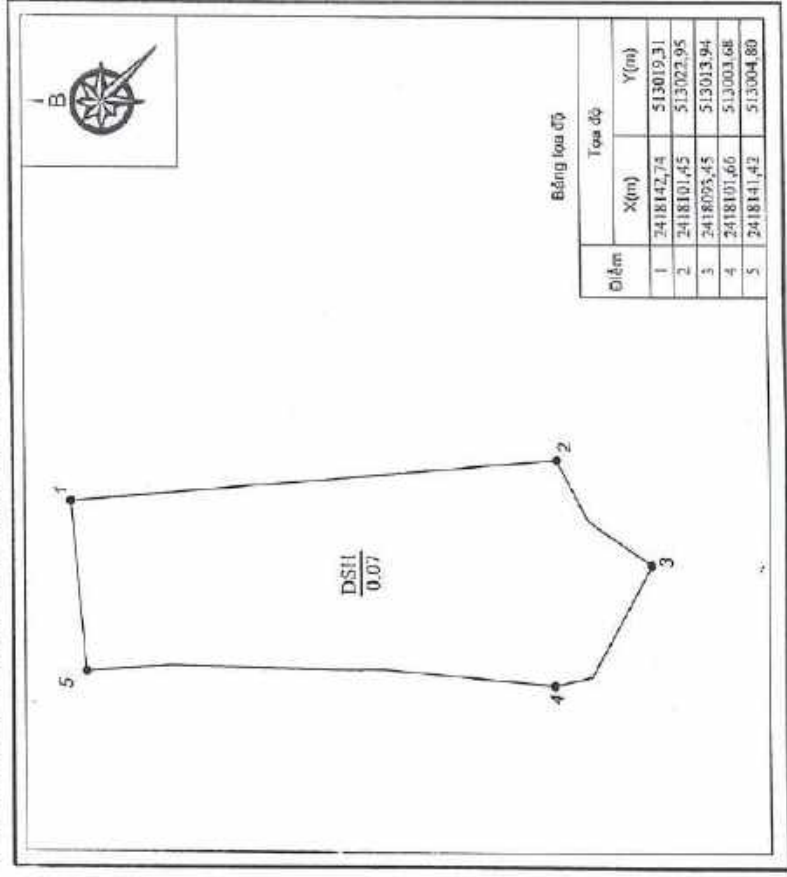
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ TÂN HƯƠNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Dồi Hối
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Dồi Hối, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- 3. Diện tích: 0,07 ha
- 4. Loại đất hiện trạng: DSH
- 5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Hương
- 6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình Tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VỀ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

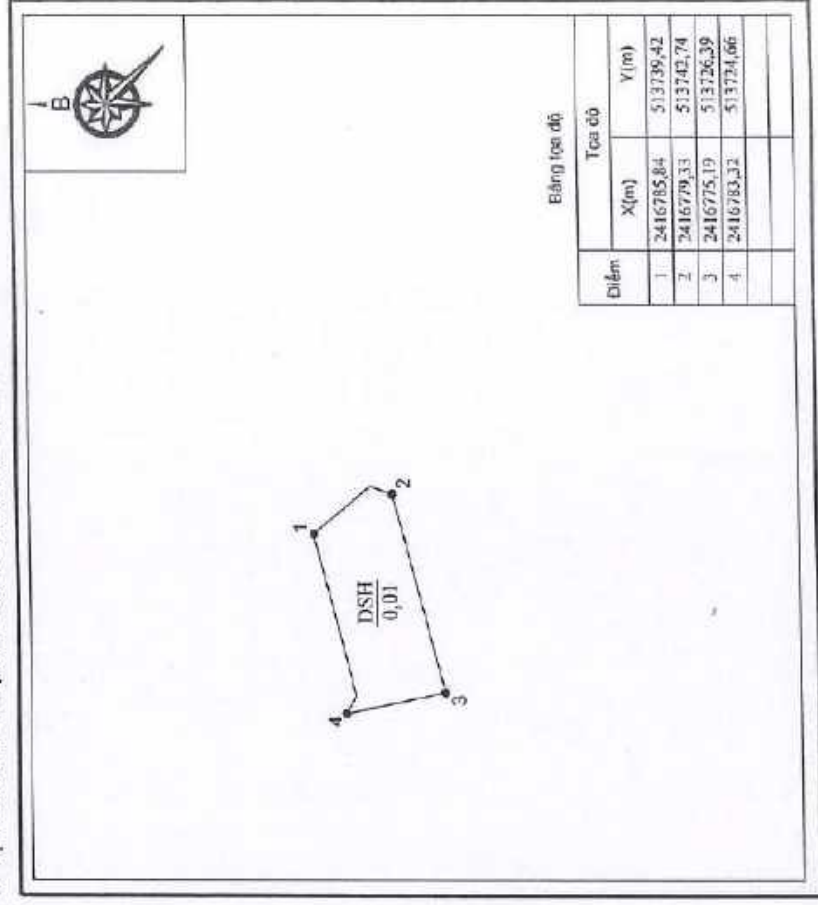
XÃ TÂN HƯƠNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Khe Mạ.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Khe Mạ, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,01 ha.....
- Loại đất hiện trạng: DSH.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Hương.....
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ TÂN HƯƠNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

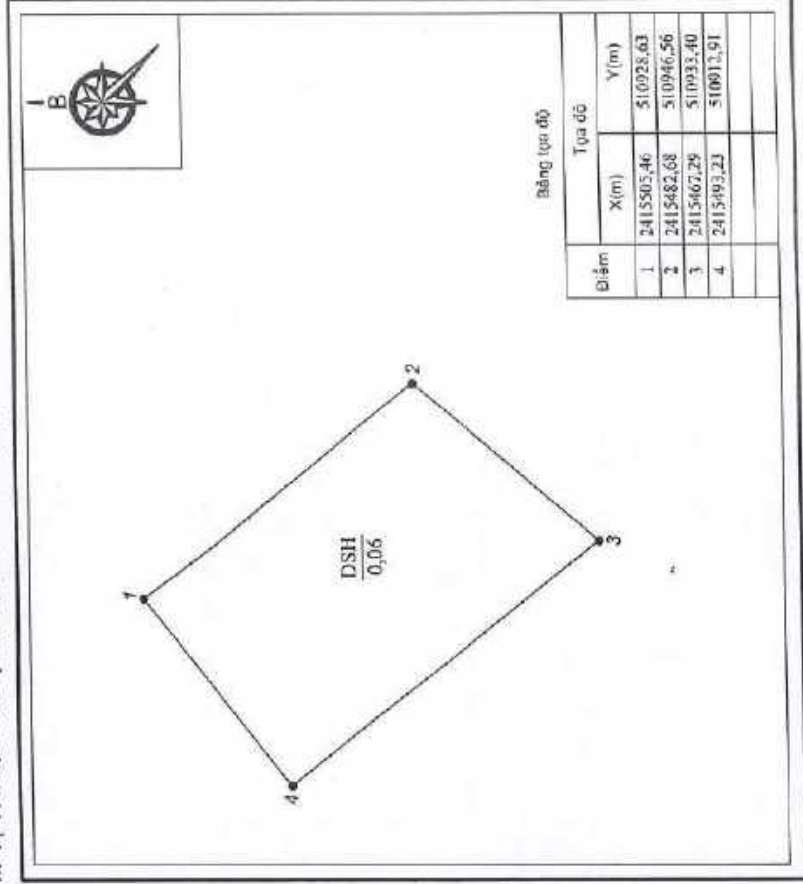
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Tân Bình.....
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Tân Bình, xã Tân Hương, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
3. Diện tích: 0,06 ha.....
4. Loại đất hiện trạng: DSH.....
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Tân Hương.....

6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





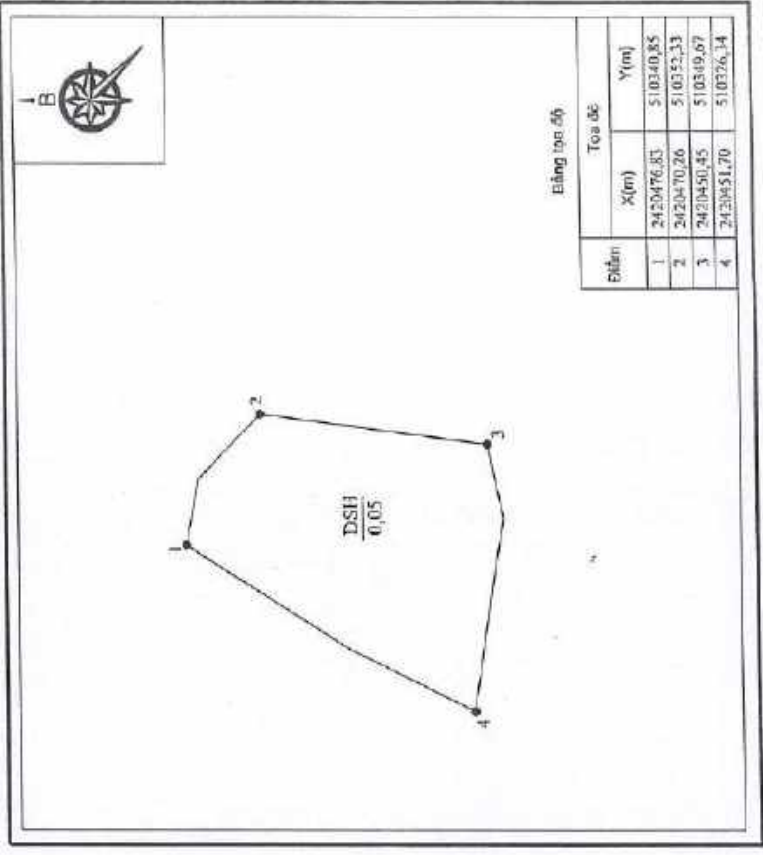
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ BẢO ÁI, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Ngòi Ngừ.....
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Ngòi Ngừ, xã Bảo ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
- 3. Diện tích: 0,05 ha.....
- 4. Loại đất hiện trạng: DSH.....
- 5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái.....
- 6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình Tỉnh Yên Bái.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



M.2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



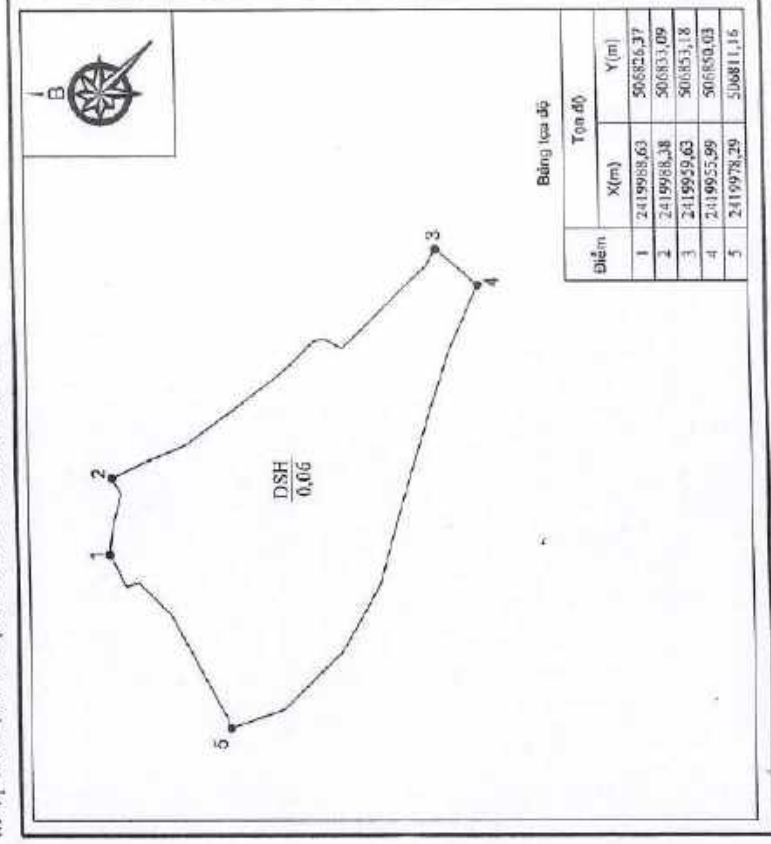
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬT BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ BẢO AI, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Ngòi Nhau
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Ngòi Nhau, xã Bảo Ai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,06 ha
- Loại đất hiện trạng: DSH
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bảo Ai
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao, nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình Tỉnh Yên Bái



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

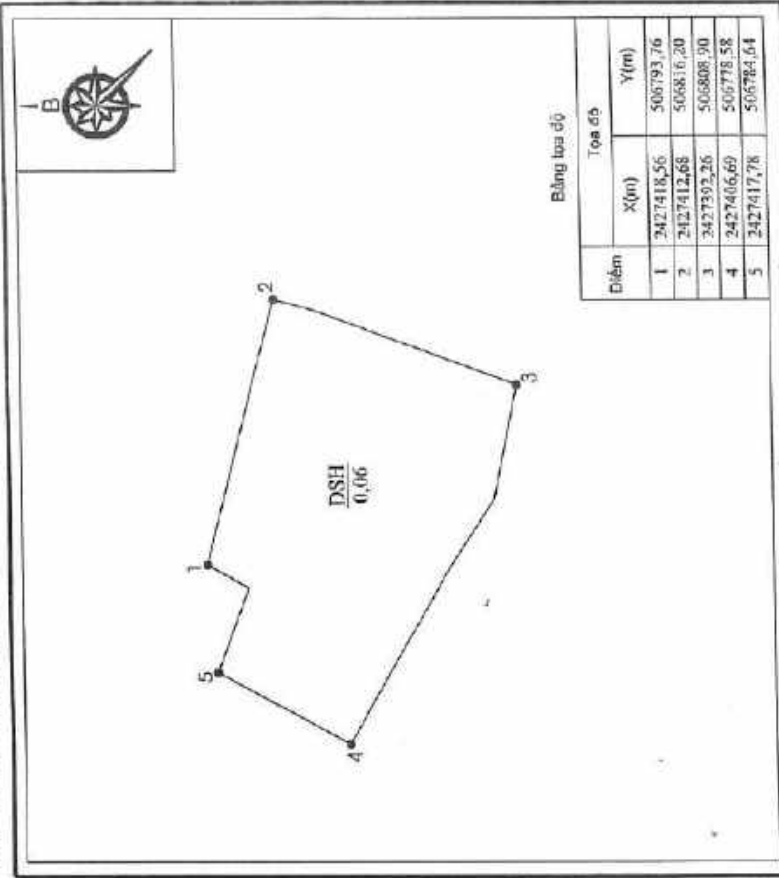
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ BẢO ÁI, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Vinh An
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Vinh An, xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,06 ha
4. Loại đất hiện trạng: DSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bảo Ái
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/1/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bố trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.



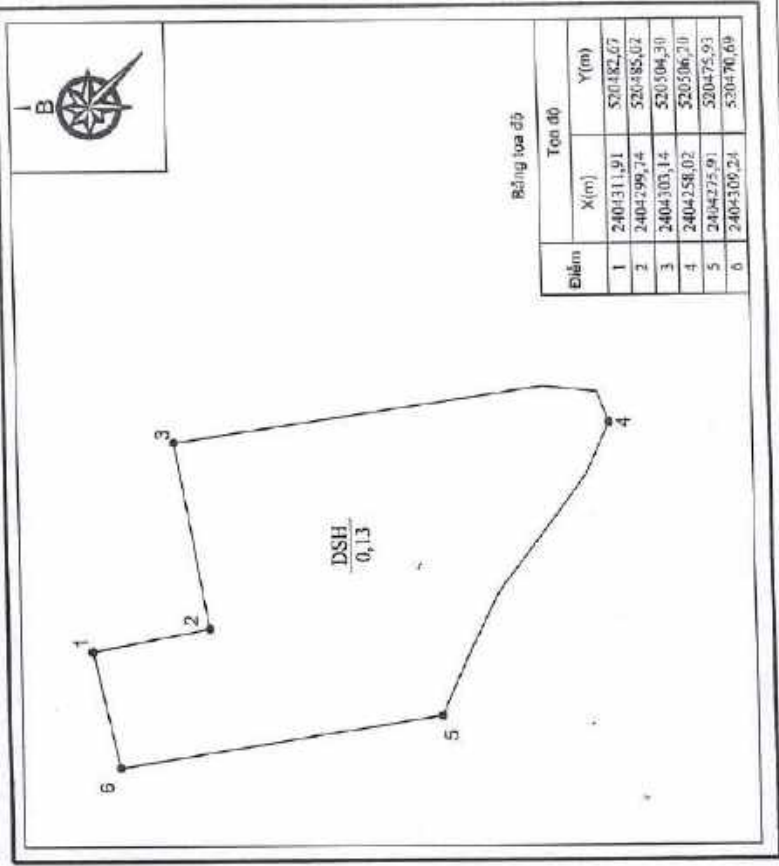


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
THỊ TRẤN YÊN BÌNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
 - 1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa tổ dân phố số 4.....
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Tổ nhận dân số 4, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
- 3. Diện tích: 0,13 ha.....
- 4. Loại đất hiện trạng: DSH.....
- 5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Bình.....
- 6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....



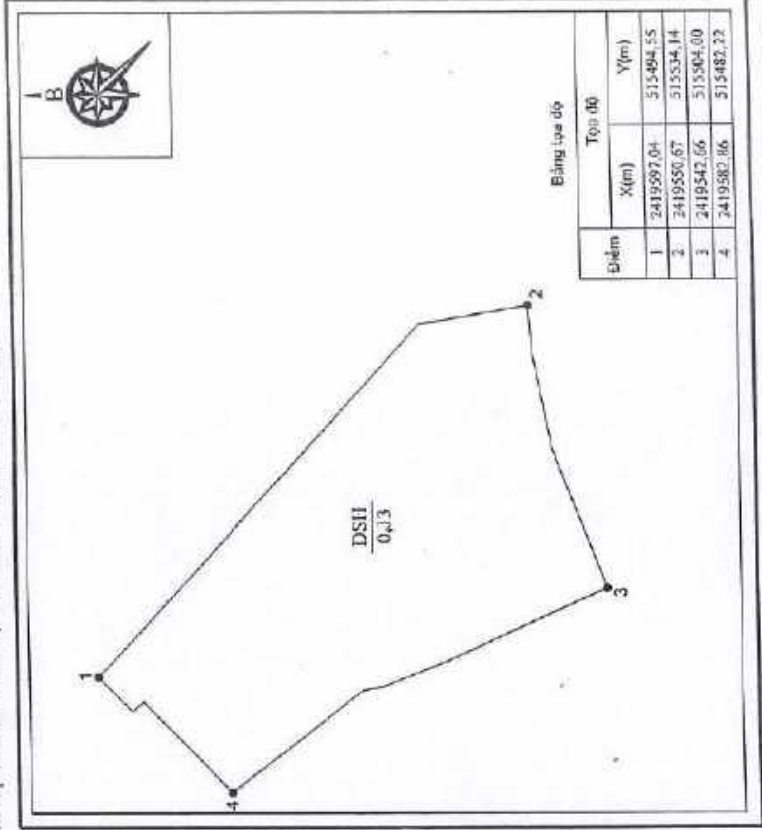


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬT BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ MÔNG SƠN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
1. Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Làng Món
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Làng Món, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,13 ha
4. Loại đất hiện trạng: DSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Mông Sơn
6. Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bổ trí vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẬP NHẬP BỐ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

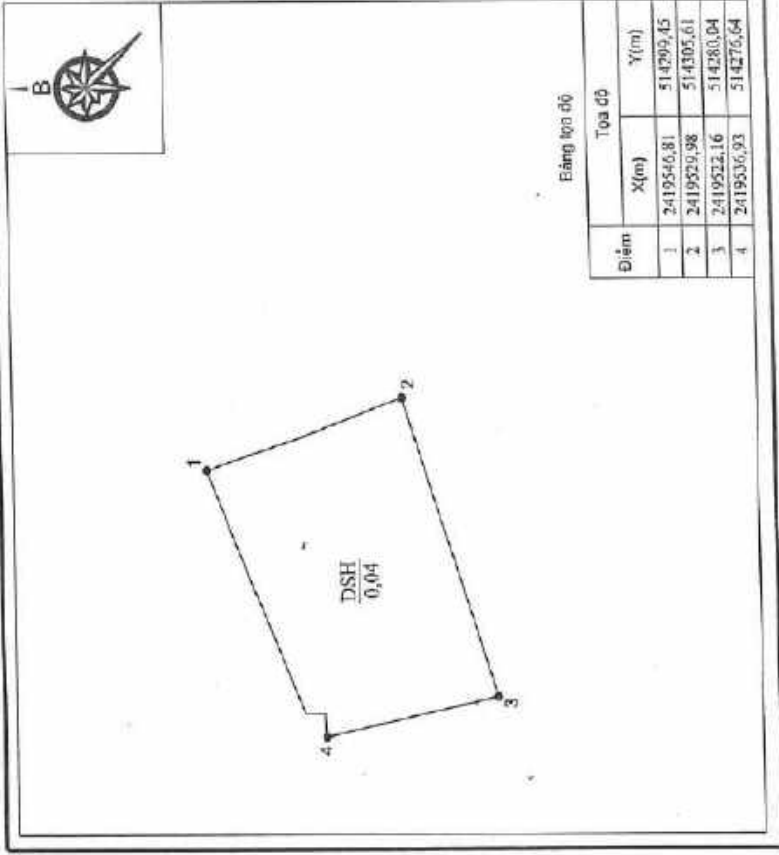
XÃ MÔNG SƠN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Nhà văn hóa thôn Trung Tâm.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Trung Tâm, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,04 ha.....
- Loại đất hiện trạng: DSH.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Mông Sơn.....
- Căn cứ pháp lý: Theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện Yên Bình về việc giao nhiệm vụ và bộ trị vốn thực hiện dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức 2024, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....



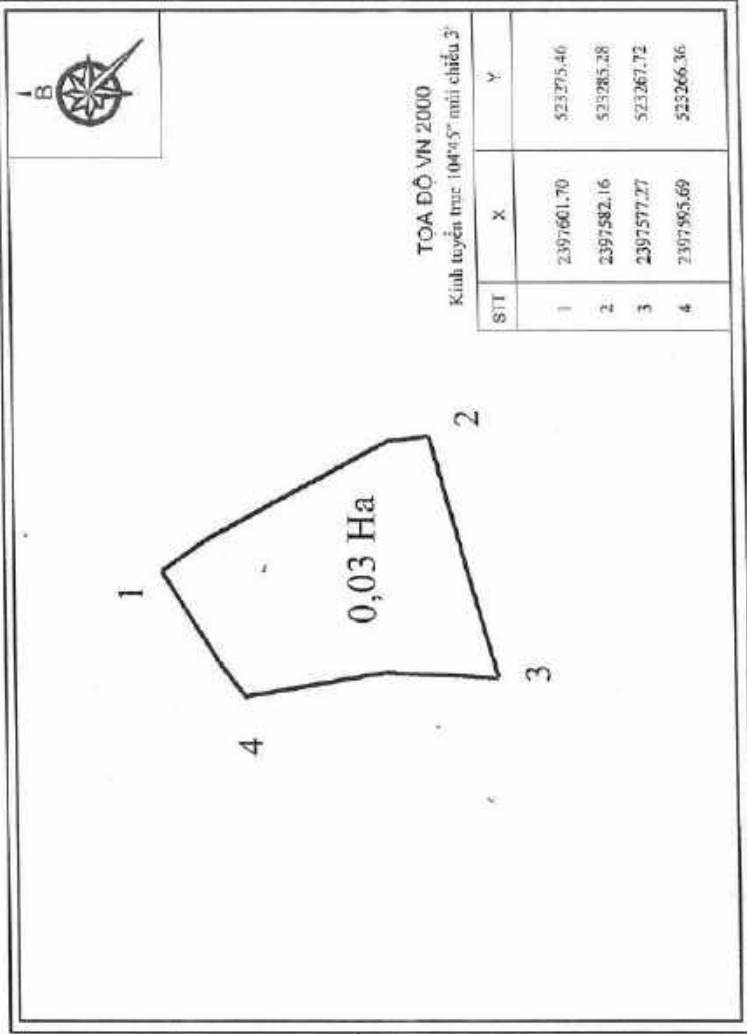
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: NHÀ VĂN HÓA THÔN 1
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 1
xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0.03 Ha
4. Loại đất hiện trạng: ĐSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh
6. Căn cứ pháp lý:



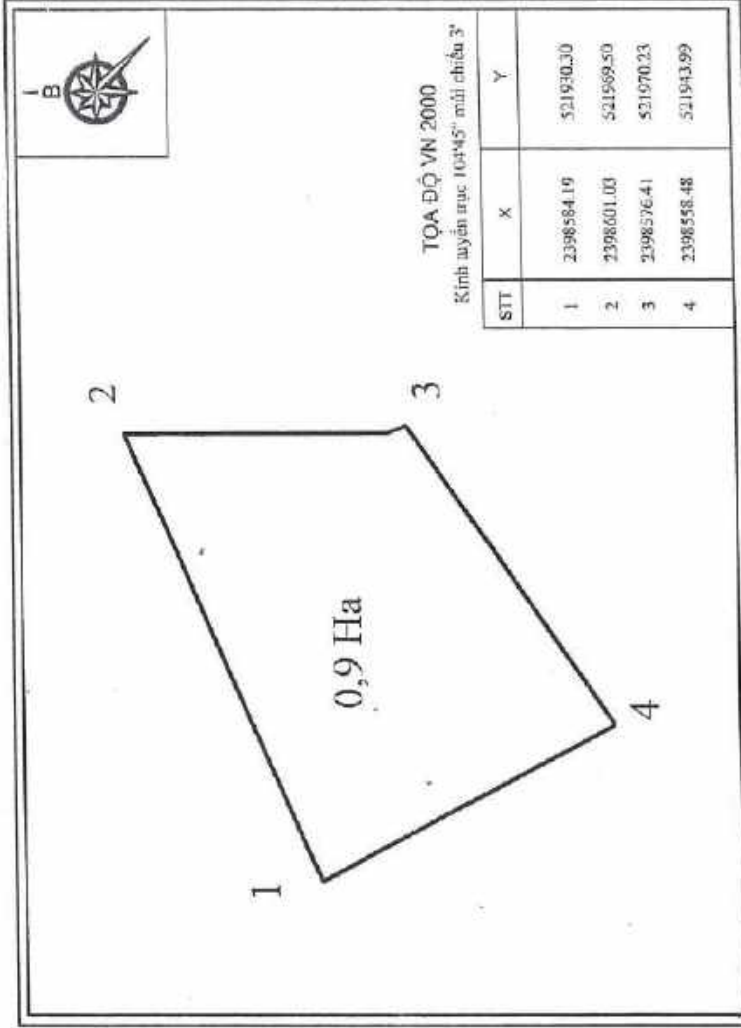
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẤP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: NHÀ VĂN HÓA THÔN 3
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 3
..... xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,9 Ha
4. Loại đất hiện trạng: RSX
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh
6. Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: NHÀ VĂN HÓA THÔN 4

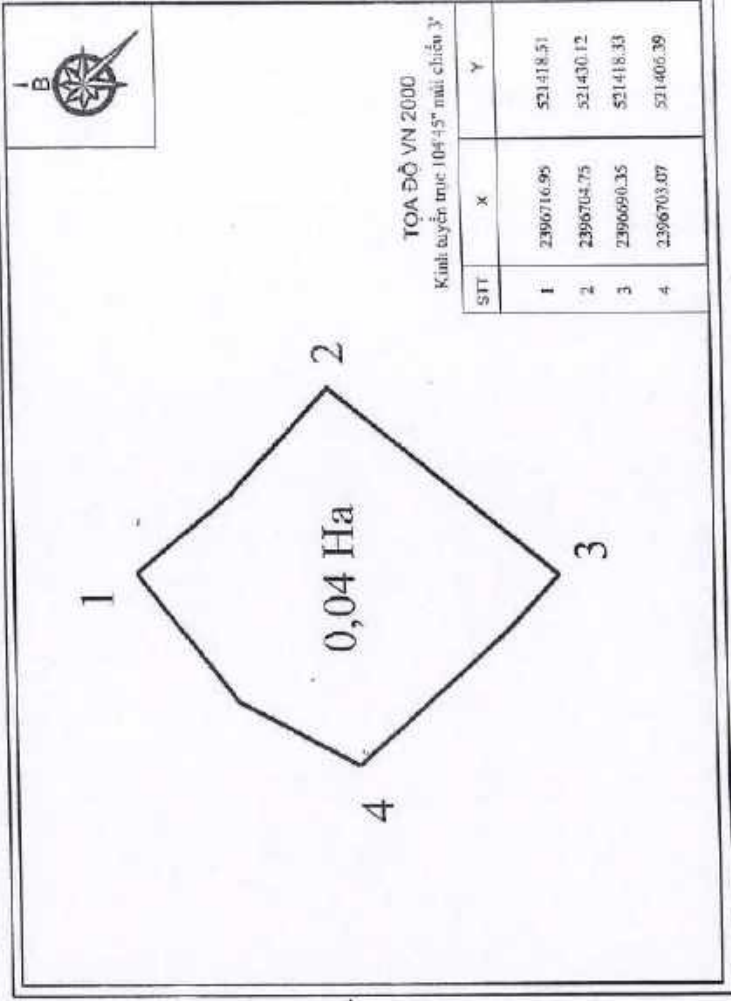
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 4
xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

3. Diện tích: 0,04 Ha

4. Loại đất hiện trạng: ĐSH

5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh

6. Căn cứ pháp lý:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

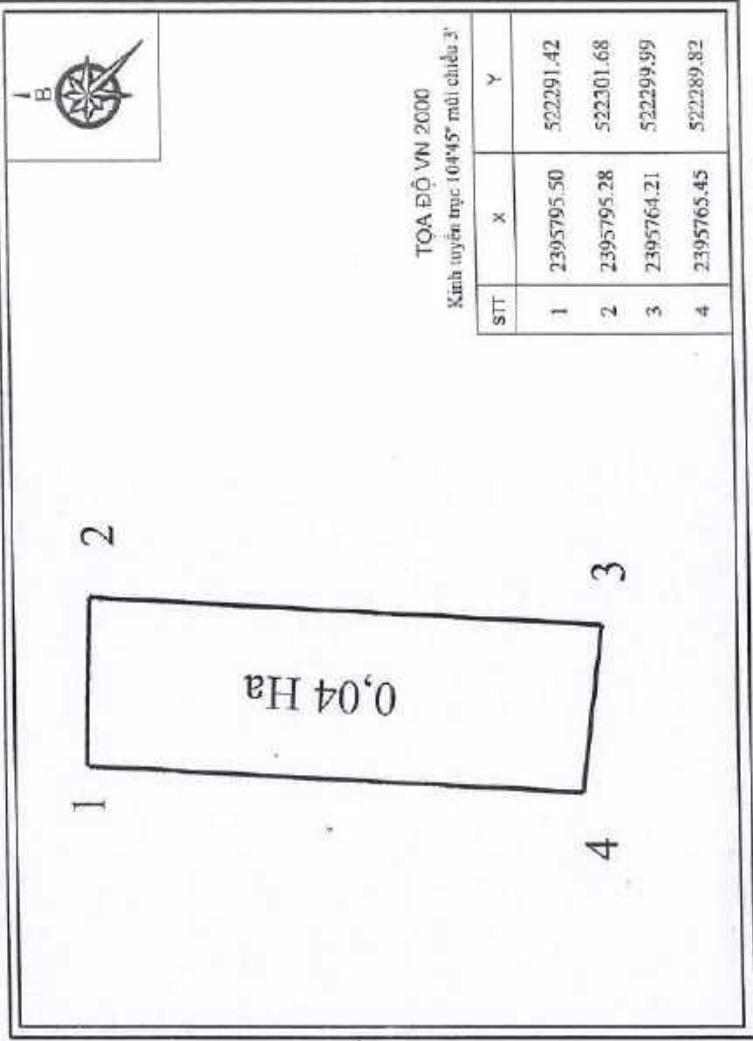


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẤP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: NHÀ VĂN HÓA THÔN 6
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn 6
xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,04 Ha
4. Loại đất hiện trạng: DSH
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh
6. Căn cứ pháp lý:



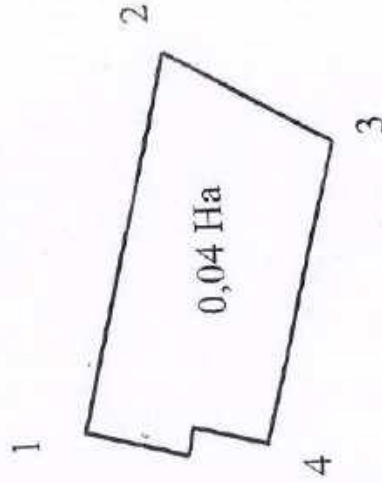
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: NHÀ VĂN HÓA THÔN ĐỒNG TÂM
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Đồng Tâm
xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3. Diện tích: 0,04 Ha DSH
4. Loại đất hiện trạng: Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh
5. Cơ quan chủ đầu tư:
6. Căn cứ pháp lý:



TOA ĐỘ VN 2000

Kinh tuyến ước 104°45' mỗi chiều 3'

STT	X	Y
1	2401087.84	522162.04
2	2401081.13	522189.07
3	2401069.36	522182.30
4	2401074.86	522160.88

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

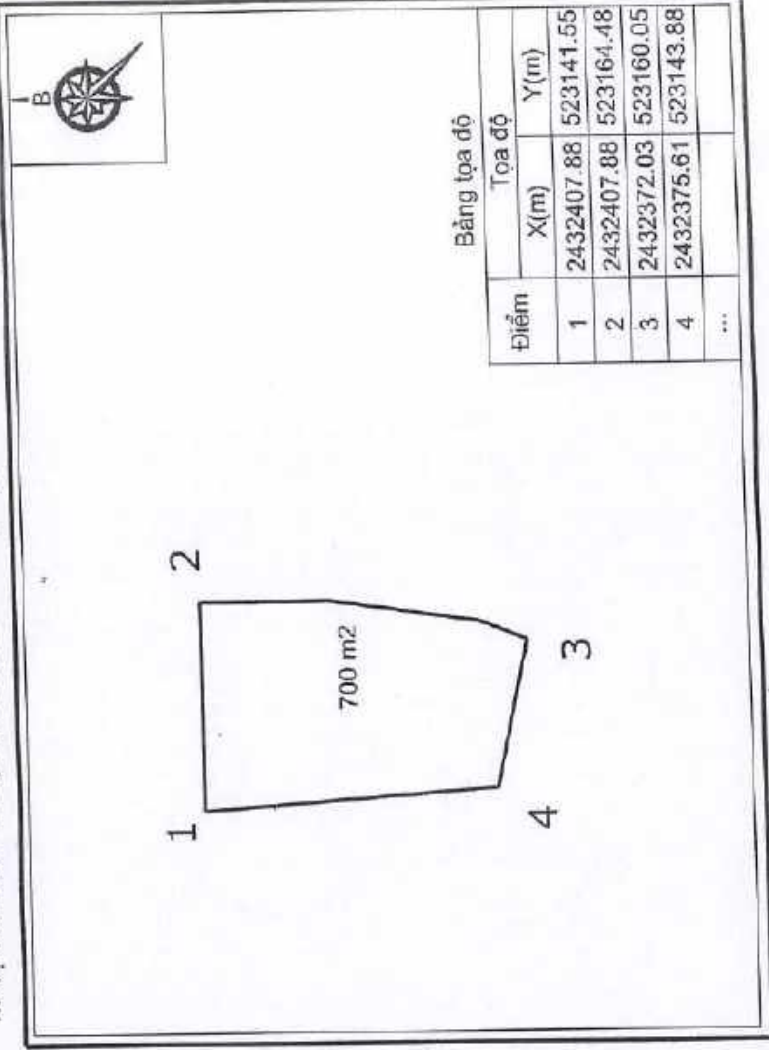


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ CẨM NHÂN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Giáo xứ Bạch Hà
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Tích Chung, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 700.0 m² CLN
- Loại đất hiện trạng: CLN
- Cơ quan chủ đầu tư: Giáo xứ Bạch Hà
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP NHẬP BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

XÃ (THỊ TRẤN) BẢO ÁI HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

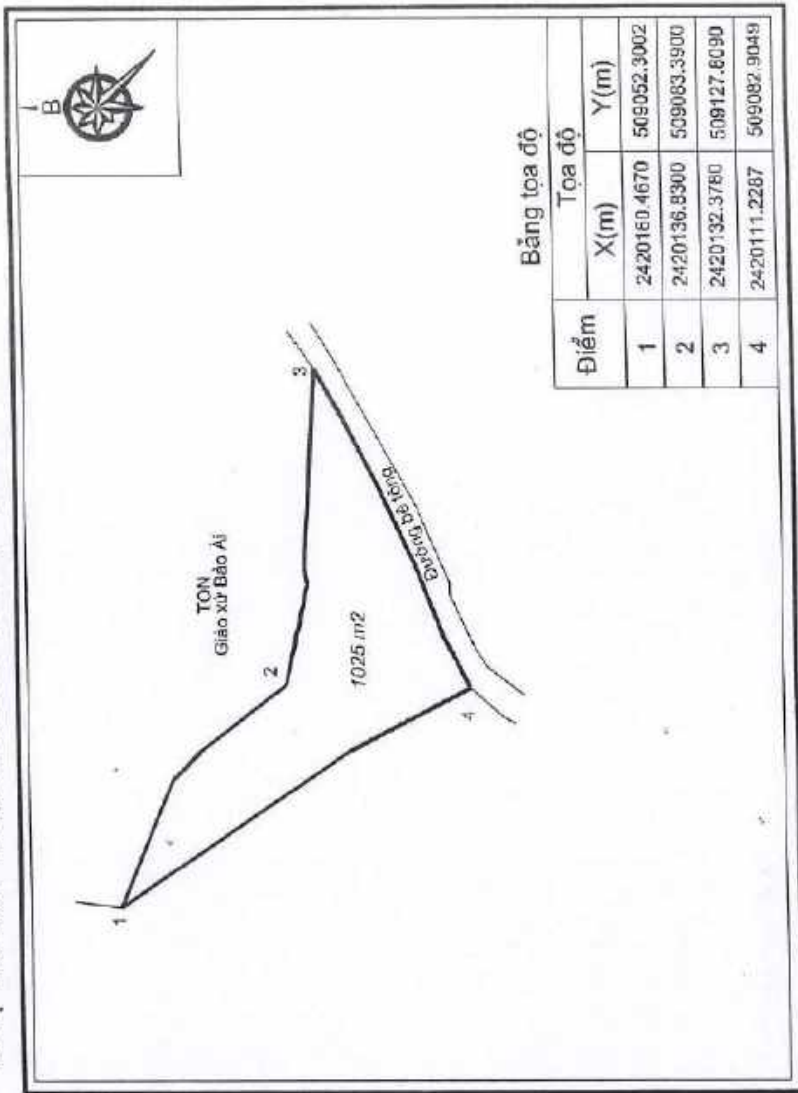
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Mở rộng Giáo xứ Bảo Ái
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thôn Ngòi Khạng, xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 1025 m² NTD; CLN
- Loại đất hiện trạng:
.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Giáo xứ Bảo Ái
- Căn cứ pháp lý:
Quyết định số 2483/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Yên Bái

Về việc chấp thuận tách tổ chức tôn giáo cơ sở

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

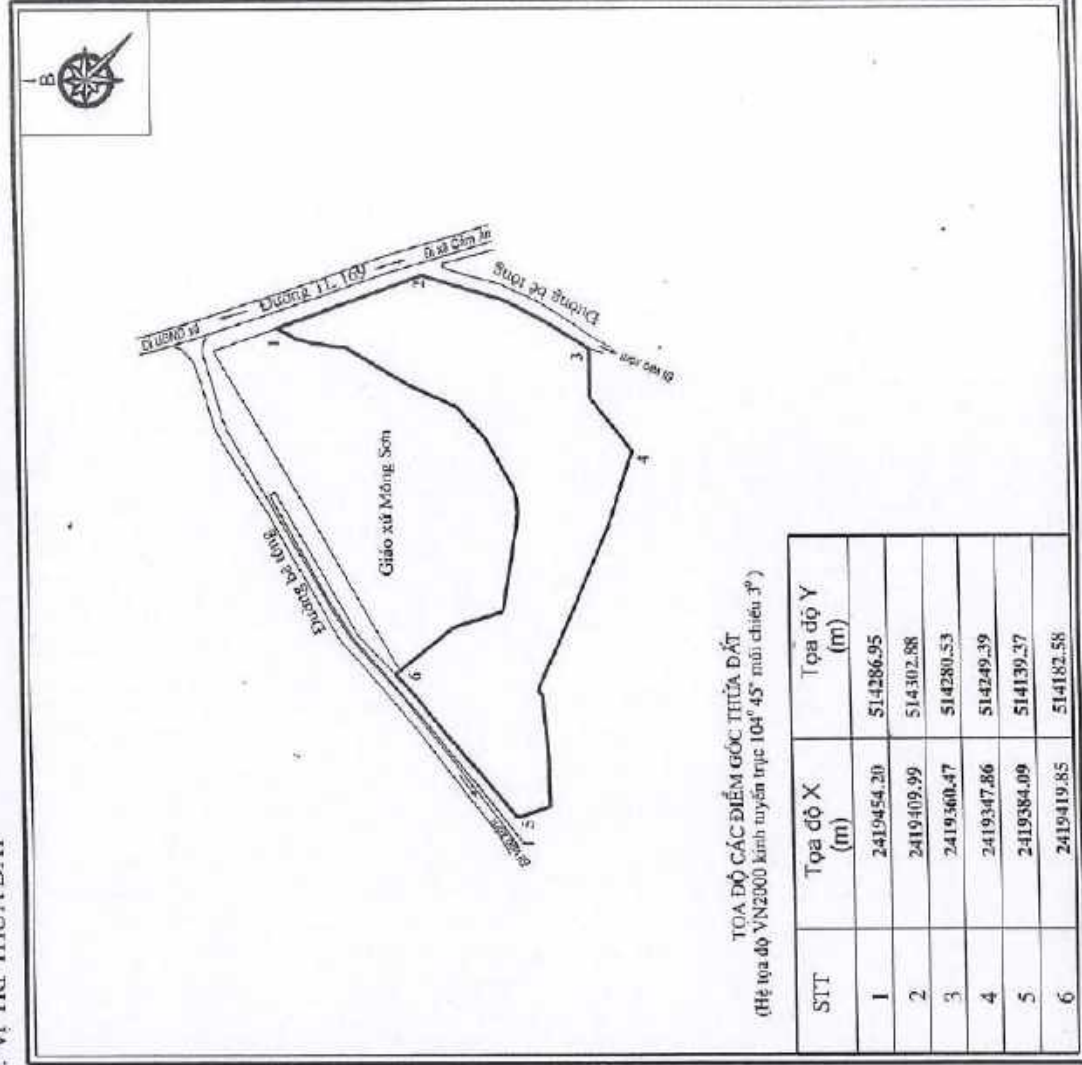


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỎ SUNG, CẤP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SDD NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THÔN TRUNG TÂM, XÃ MÔNG SƠN, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ THỪA ĐẤT

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Mở rộng Giáo xứ Mông Sơn
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Trung Tâm, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,60 ha
- Loại đất hiện trạng: Đất LUC: 0,45 ha ; Đất NTS: 0,08 ha
Đất khác: 0,07 ha
- Chủ đầu tư: Giáo xứ Mông Sơn
- Căn cứ pháp lý:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

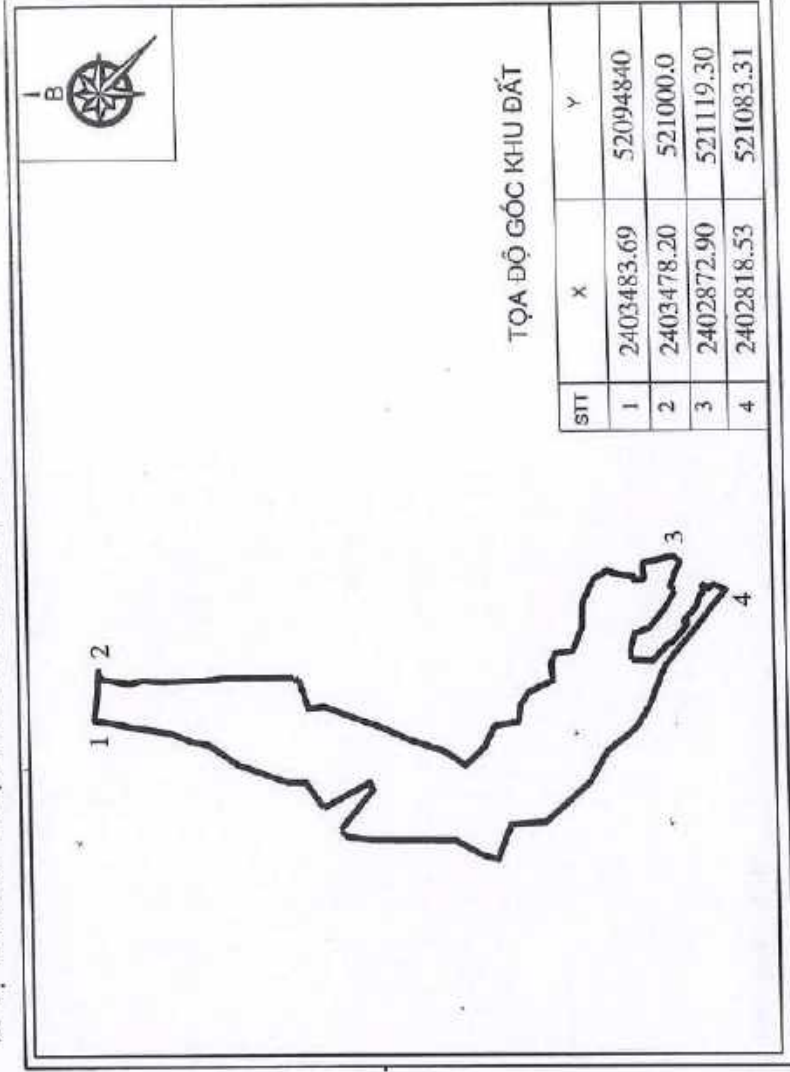
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THỊ TRẤN YÊN BÌNH, XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án:
Chính trang đồ thị
(Quy đất từ đường Nguyễn Tất Thành đi xã Phú Thịnh)
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thị trấn Yên Bình, xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình
3. Diện tích:
6,45 ha
4. Loại đất hiện trạng: ONT, CLN, BHK, RSX, DGT
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình
6. Căn cứ pháp lý:
Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 20/2/2024 của UBND huyện Yên Bình
về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án phát triển quỹ đất
trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2024

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ PHÚ THỊNH, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Dự án phát triển quỹ đất dân cư nông thôn và tái định cư các hộ gia đình bị thu hồi đất khi thực hiện các dự án cụm công nghiệp Phú Thịnh 1,

Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình

3. Diện tích: 7,8 ha

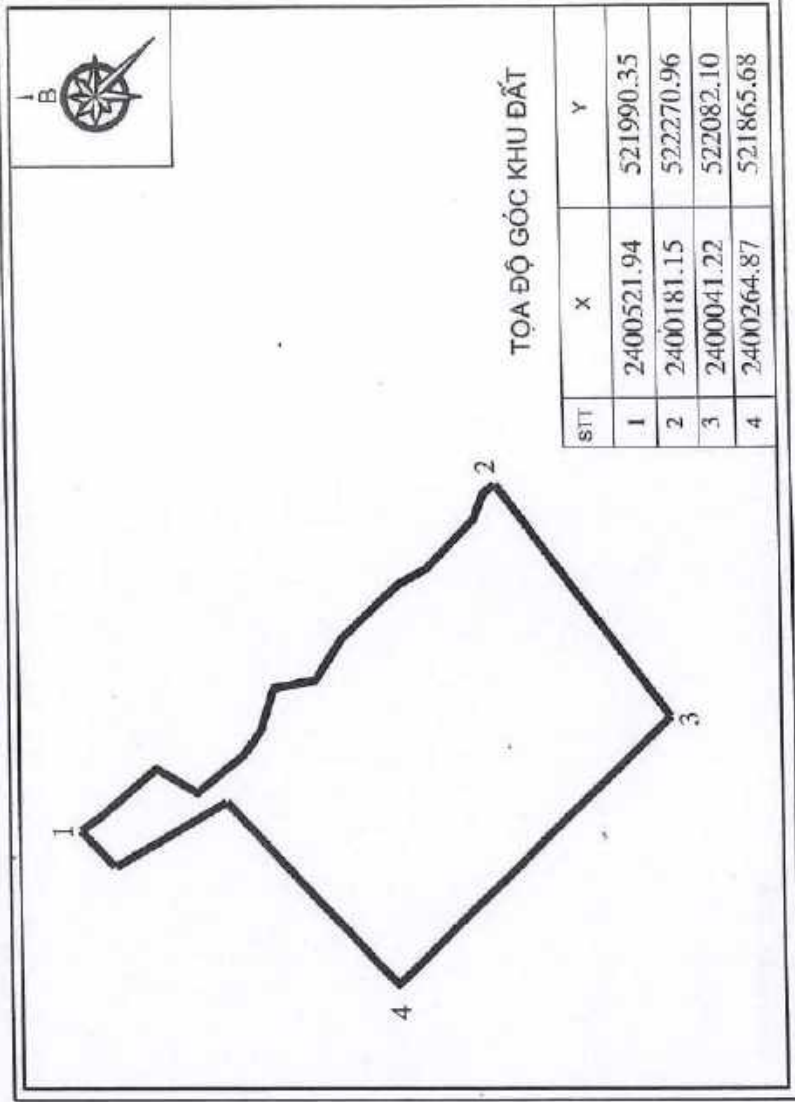
4. Loại đất hiện trạng: LUC, ONT, DGT, NTS, BHK, RSX

5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình

6. Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Bái về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện Yên Bình năm 2024-2025 (Đợt 2)...

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

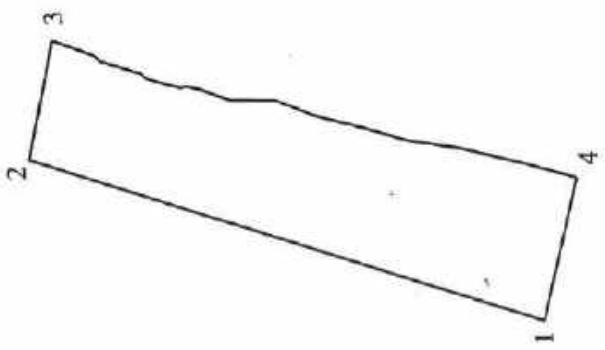
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ MỸ GIA, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Mỹ Gia, huyện Yên Bình
3. Diện tích: 0,8 ha
4. Loại đất hiện trạng: BHK, CLN và các loại đất khác
5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Bình
6. Căn cứ pháp lý:



TỌA ĐỘ GÓC KHU ĐẤT

STT	X	Y
1	2425589.36	520671.25
2	2425762.73	520725.50
3	2425754.34	520766.22
4	2425577.21	520719.47



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

BẢN VẼ:

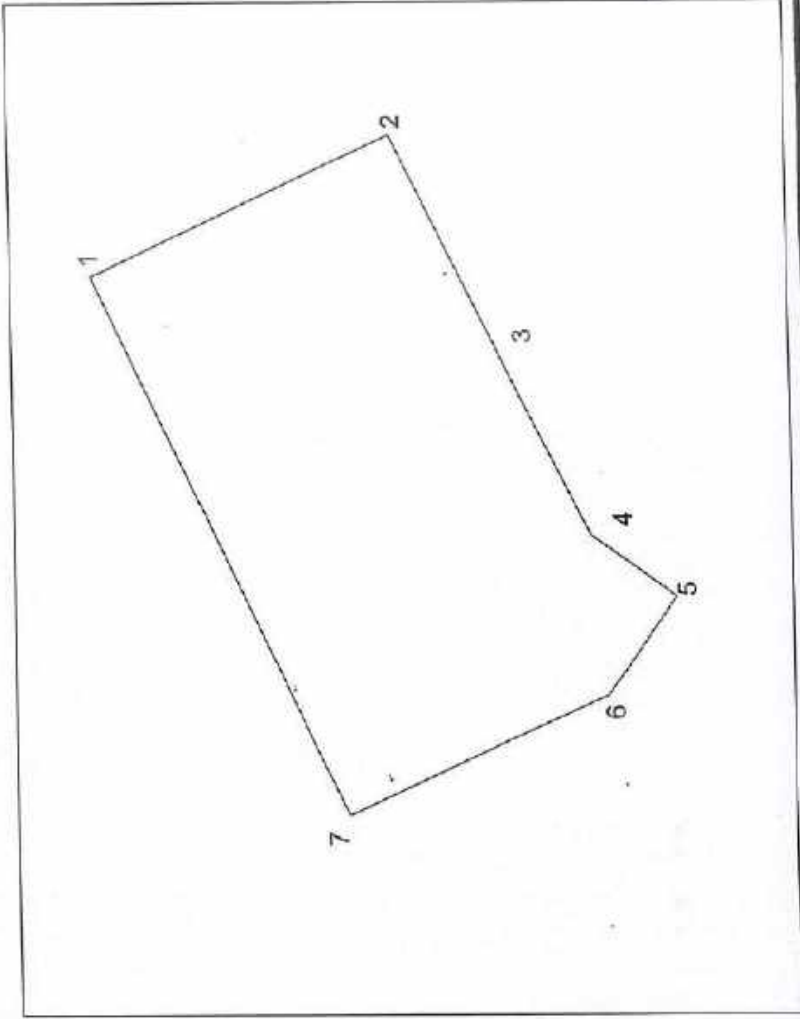
HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên công trình, dự án: khu công nghiệp Phía Nam
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình
- Diện tích: 10,4 ha (đất lúa: 0,79 ha, đất khác: 9,61 ha)
- Loại đất theo hiện trạng khi lập KH SD đất: ONT, LUC, BHK,...
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 20/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng chi tiết Khu công nghiệp Phía Nam, tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



ĐIỂM	TOA ĐỘ VN2000		GHI CHÚ
	X(M)	Y(M)	
1	2398162.95	521168.50	
2	2397948.39	521269.07	
3	2397872.67	521114.29	
4	2397808.38	520982.87	
5	2397747.94	520938.51	
6	2397797.84	520868.50	
7	2397984.18	520784.13	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

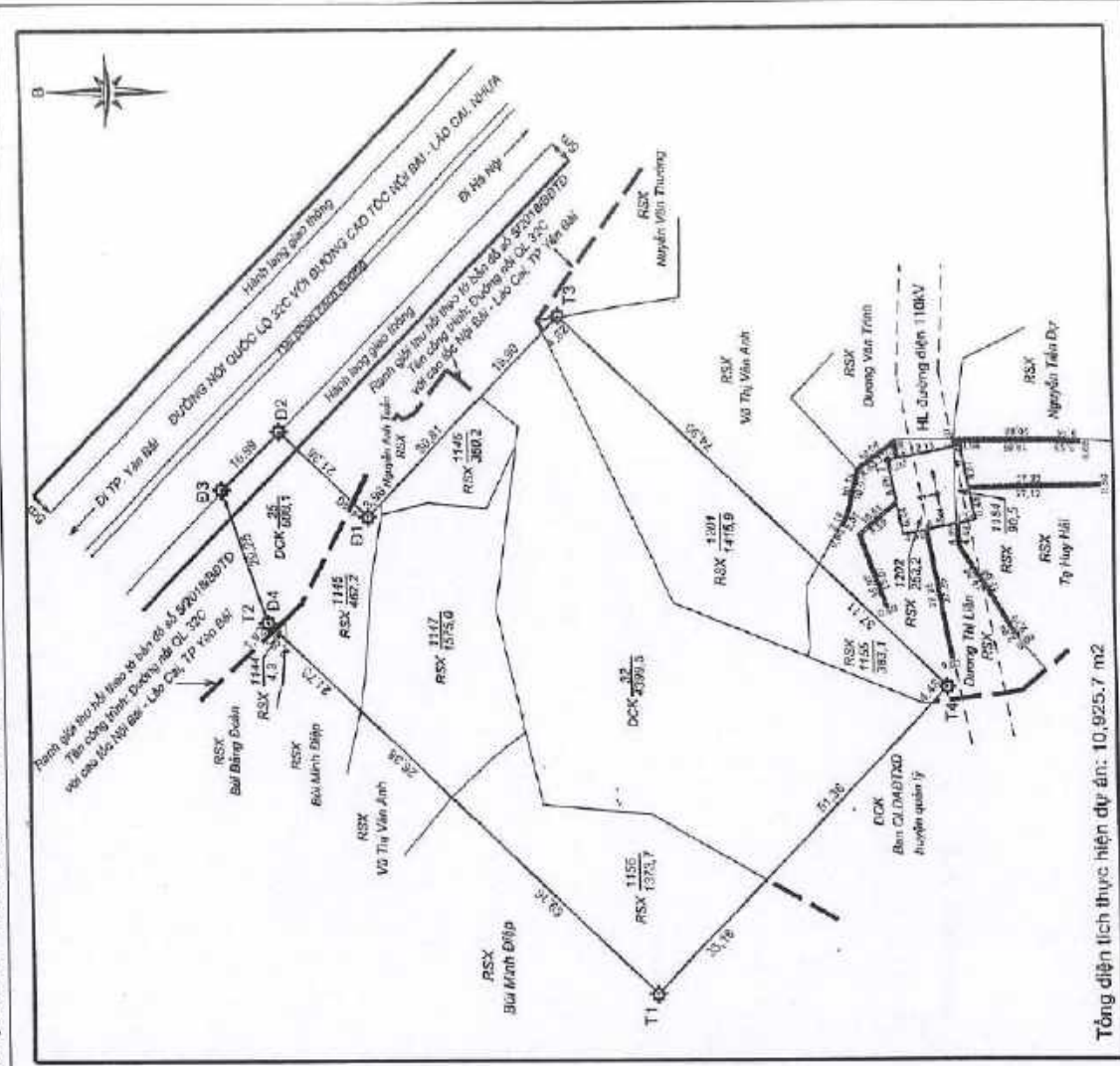
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ: RÀNH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỒ SUNG, CẤP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THÔN TRỰC THANH, XÃ BẢO HƯNG, HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



Tổng diện tích thực hiện dự án: 10.925.7 m²

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Đường dây và TBA 110KV Bảo Hưng
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Thôn Trực Thanh, xã Bảo Hưng, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 10.925.7m²
- Loại đất hiện trạng: Đất rừng sản xuất, Đất công trình công cộng khác (RSX, DOK)
- Cơ quan chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực miền Bắc
- Căn cứ pháp lý:
 - Văn bản số 1972/UBND-CN ngày 28/05/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc thảo thuận hướng tuyến đường dây và vị trí đặt TBA 110KV Bảo Hưng.
 - Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư Đường dây và TBA 110KV Bảo Hưng.

BẢNG TỌA ĐỘ THEO HỆ TỌA ĐỘ VN 2000
KINH TUYẾN TRỰC 104°45' MŨI CHIỀU 3°

ĐIỂM	TỌA ĐỘ		DIỂM	GHI CHÚ	TỌA ĐỘ		GHI CHÚ
	X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)	
T1	2395759.87	516857.01	Dọc GPMB				
T2	2395850.32	516904.92	Dọc GPMB				
T3	2395788.46	516858.91	Dọc GPMB				
T4	2395708.00	516860.99	Dọc GPMB				
T5	2395828.97	516927.00	Dọc GPMB				
T6	2395947.50	516944.90	Dọc GPMB				
T7	2395859.37	516952.74	Dọc GPMB				
T8	2395850.32	516904.92	Dọc GPMB				
Cột 61A	2395708.50	516931.12	Tên Cột XDM				

Bản vẽ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

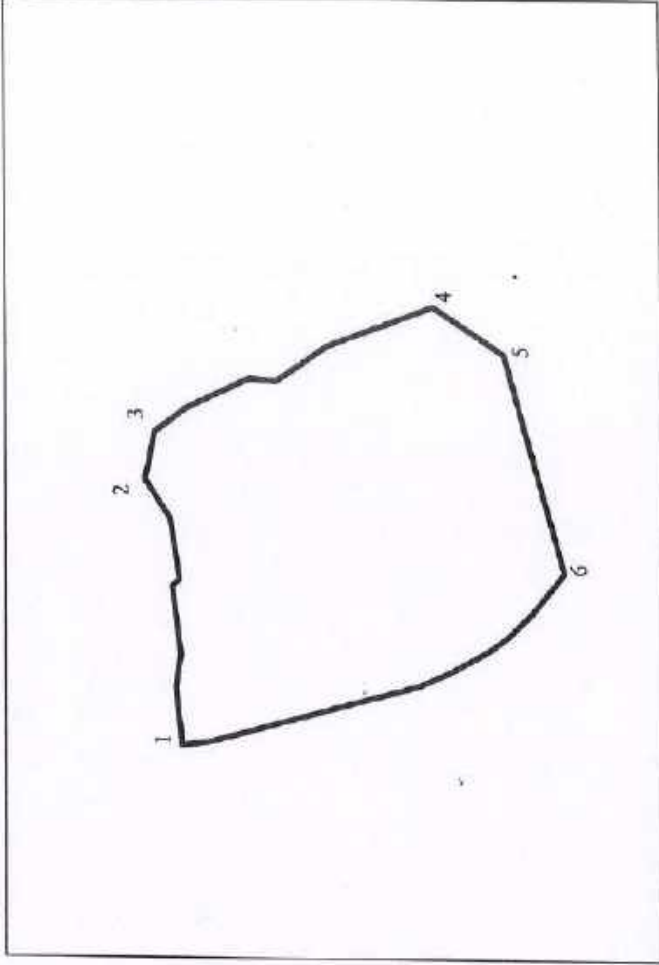
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)



I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên công trình, dự án: Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 4
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: xã Đào Thịnh, xã Việt Thành, huyện Trấn Yên
- Diện tích: 1.61 ha
- Loại đất theo hiện trạng sử dụng đất: LUC NTS, BHK, DGT, ONT, RSX, CLN
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên
- Căn cứ pháp lý:

II. VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM				BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM			
(TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRƯỚC 104°45' MŨI CHIỀU 3)				(TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRƯỚC 104°45' MŨI CHIỀU 3)			
STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)	STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	1	2410384.125	505304.089				
2	2	2410387.181	505398.271				
3	3	2410393.745	505415.189				
4	4	2410283.507	505459.948				
5	5	2410287.971	505442.838				
6	6	2410246.660	505365.633				

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHẤN - TỈNH YÊN BÁI

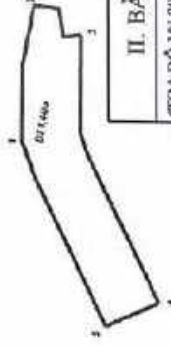
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)



I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nam Vai
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Vai, xã Gia Hội, Huyện Văn Chấn
- Diện tích: 1,44 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC 1,2 ha; DGT 0,1 ha; BHK 0,14
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Văn Chấn
- Căn cứ pháp lý:

III. VỊ TRÍ THỬA ĐẤT :



II. BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

(TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TỬN TRỰC 104°43' MŨI CHIỀU 3)

STT	Tên Điểm	Tọa độ Y	Tọa độ X
1	1	5480085,04	464202,90
2	2	5480085,14	464104,78
3	3	5480085,08	464128,80
4	4	5480085,12	464104,95
5	5	5480085,00	464103,07

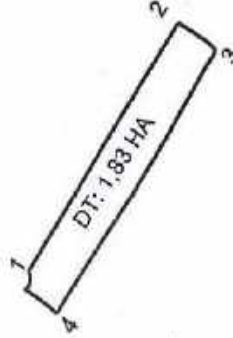
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ CẬP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHÂN - TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

III. VỊ TRÍ THỪA ĐẤT:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phào (khu số 1)
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Phào, xã Nghĩa Tâm, Huyện Văn Chấn
- Diện tích: 1,83 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC 1,7 ha; DGT 0,1 ha; BCS 0,03 ha
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn
- Căn cứ pháp lý:



II. BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

(TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TỬẾN TRỤC 104°45' MŨI CHIẾU 3°)

SITT	Tọa Đếm	Tọa độ Y	Tọa độ X
1	1	2387439.28	510551.00
2	2	2387270.25	516820.67
3	3	2387228.90	510790.92
4	4	2387407.31	510505.17

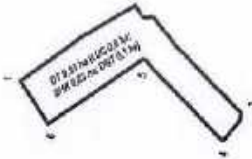
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHẤN - TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ba Khe
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh, Huyện Văn Chấn
- Diện tích: 0,93 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC; BHK; DGT
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Văn Chấn

6. Căn cứ pháp lý:

III. VỊ TRÍ THỪA ĐẤT**II. BẢNG TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM**

(TOA ĐỘ VN 2000) KINH TUYẾN TRỤC 10°45' MŨI CHIỀU 3°)

STT	Tên Điểm	Tọa độ Y	Tọa độ X
1	1	2379733.56	494324.35
2	2	2379633.23	494304.87
3	3	2379628.18	494297.28
4	4	2379645.22	494277.18
5	5	2379618.95	494340.49
6	6	2379703.10	494303.91



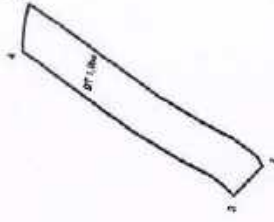
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHẤN - TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số 157A/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 1)
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê, Huyện Văn Chấn
- Diện tích: 1,0 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC 0,95 ha; DGT 0,02 ha; BHK 0,03
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Văn Chấn
- Căn cứ pháp lý:

III. VỊ TRÍ THỪA ĐẤT:



II. BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

(TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRỰC 104°45' MŨI CHIỀU 3°)

STT	Tên Điểm	Tọa độ Y	Tọa độ X
1	1	2333882,08	4874075,51
2	2	2333768,30	4874301,11
3	3	2333702,71	4874002,78
4	4	2333882,36	4874331,80

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHẤN - TỈNH YÊN BÁI**

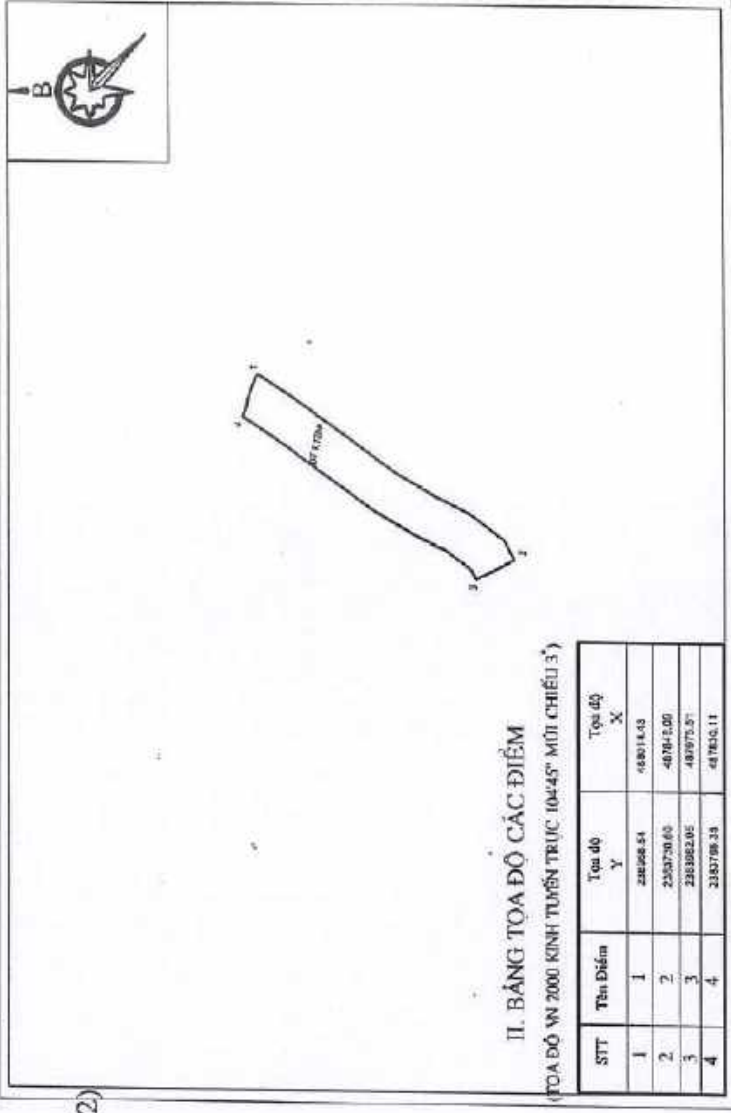
(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31/11/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Gốc Báng (khu số 2)
- Địa chỉ thửa đất: Thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê, Huyện Văn Chấn
- Diện tích: 1,12 ha
- Loại đất hiện trạng: LUC 1,0 ha; DGT 0,1 ha; BHK 0,02 ha
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Văn Chấn

6. Căn cứ pháp lý:

III. VỊ TRÍ THỪA ĐẤT :



BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THỊ TRẤN TRẠM TẤU, HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án:

Chỉnh trang đô thị (Quy hoạch dân cư Đường Trạm Tấu - Bắc Yên (giai đoạn 1))

2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:

Thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu

3. Diện tích: 0,5 ha

4. Loại đất hiện trạng:

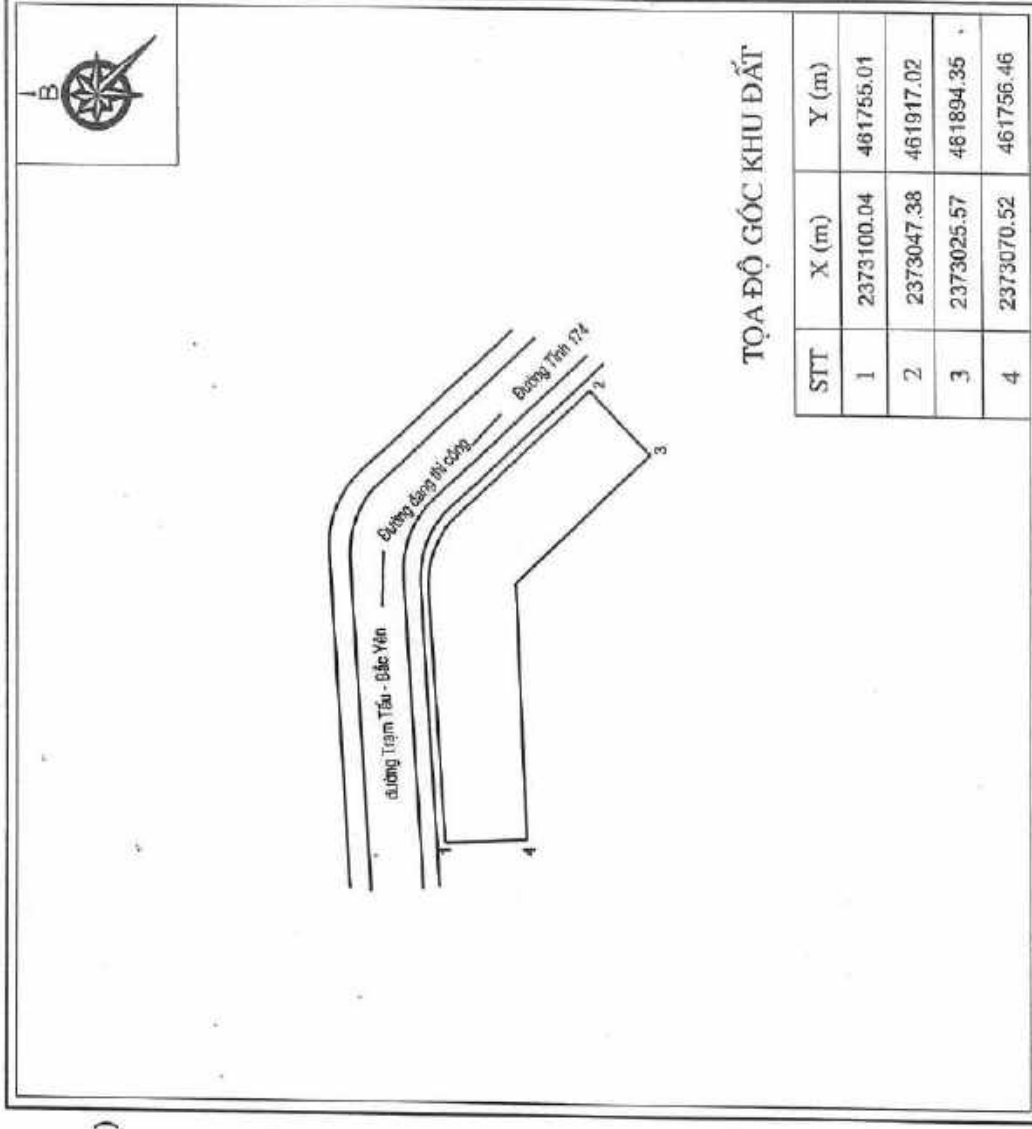
Đất lúa, đất khác

5. Cơ quan chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trạm Tấu

6. Căn cứ pháp lý:

Kết luận số 358-KL/HU ngày 05/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

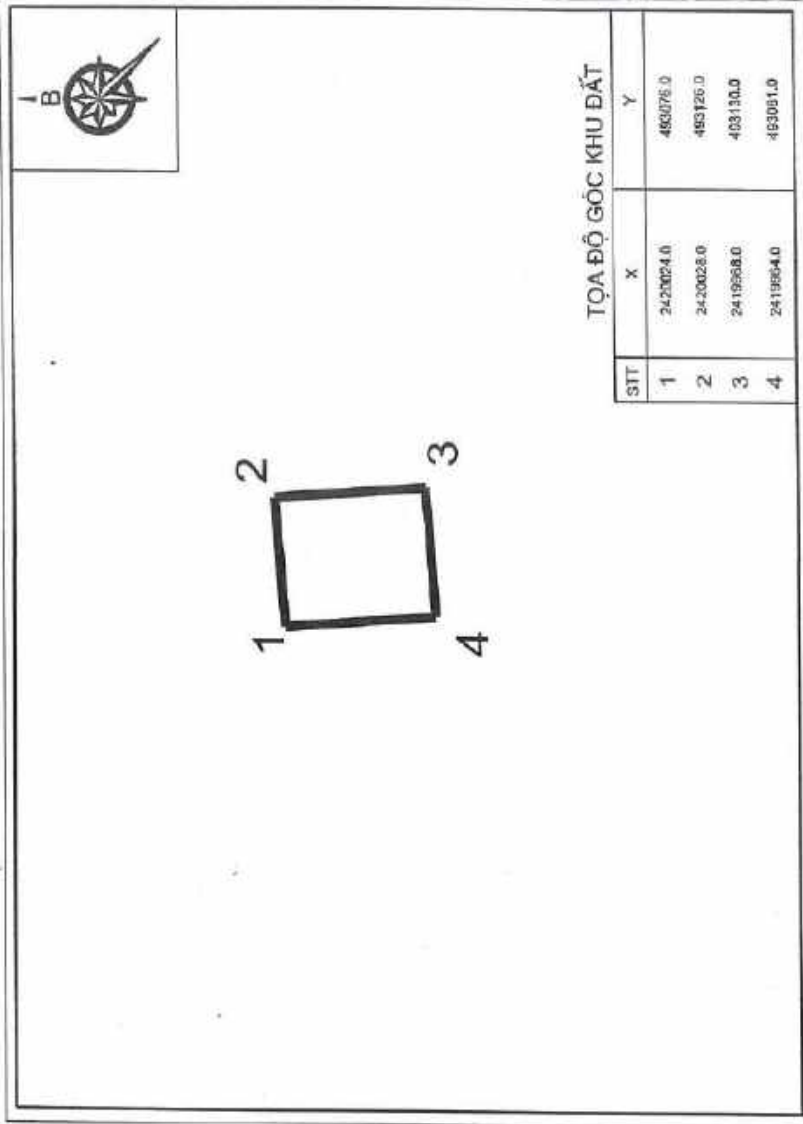


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0,3 ha.....
- Loại đất hiện trạng: Đất trồng lúa.....
- Cơ quan chủ đầu tư:
.....
.....
- Căn cứ pháp lý:
.....
.....
.....
.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

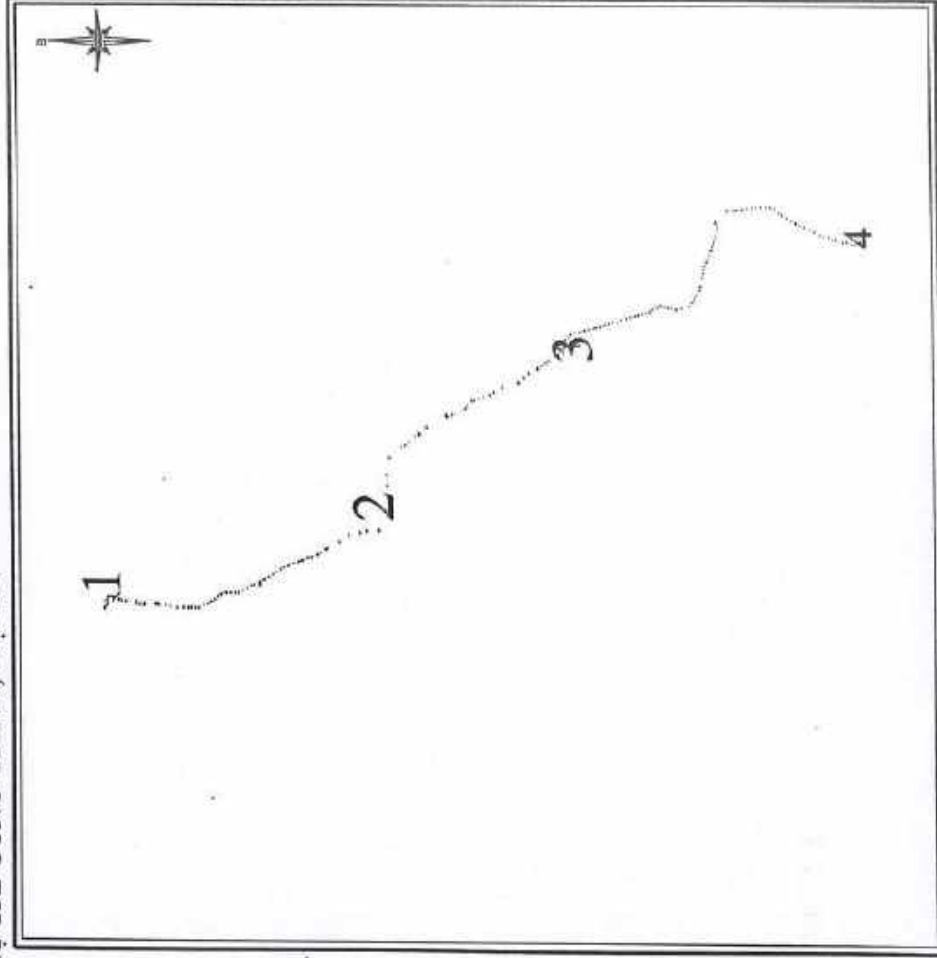
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VĂN CHẤN VÀ THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên công trình, dự án: Đường dây 35KV đấu nối thủy điện ngòi Hút 1 - Trạm 110KV Nghĩa Lộ
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
 - Thị xã Nghĩa Lộ: xã Sơn A, xã Nghĩa Phúc, xã Nghĩa Lợi, xã Phú Nham, xã Thanh Lương, xã Nghĩa Lộ
 - Huyện Văn Chấn: Thị trấn Nông trường Liên Sơn, xã Sơn Lương, xã Nậm Lành, xã Gia Hội
- Diện tích: 0,195 ha
- Loại đất hiện trạng khi lập bổ xung KHSD đất:
 - Diện tích đất thuộc huyện Văn Chấn: 0,129ha (Trong đó: đất LUA: 0,005 ha; đất RPH: 0,009 ha; đất khác: 0,115 ha).
 - Diện tích đất thuộc huyện Văn Chấn: 0,066 ha (Trong đó: đất LUA: 0,001 ha; đất khác: 0,005 ha).
- Cơ quan chủ đầu tư: Công ty cổ phần Năng lượng Sông Hồng
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 1/2/2028 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

TỌA ĐỘ VN 2000 KINH TUYẾN TRỰC 104°45' MŨI CHÉU 37			
STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	1	2406778.98	467225.42
2	2	2399215.36	469460.37
3	3	2394389.21	474121.37
4	4	2386358.21	476872.10

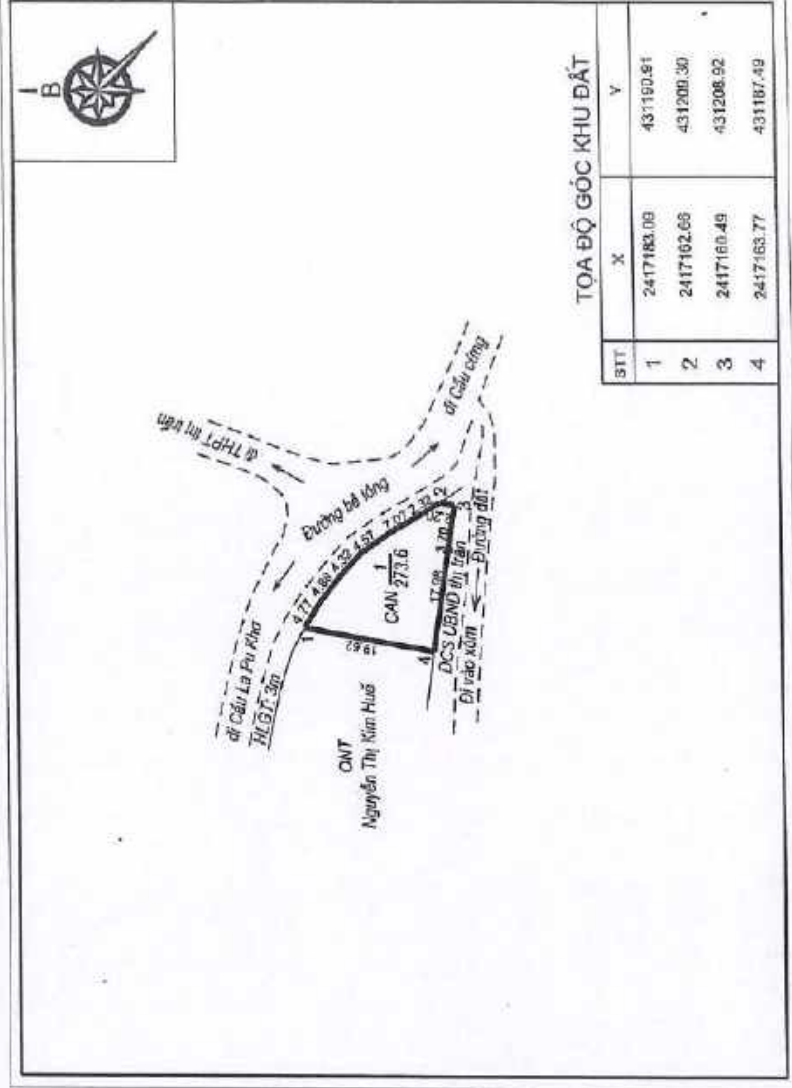
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: TỔ 5, THỊ TRẤN MÙ CANG CHẢI, HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an thị trấn Mù Cang Chải.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Tổ 5, Thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0.0274ha.....
- Loại đất hiện trạng: Các loại đất khác.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái.....
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

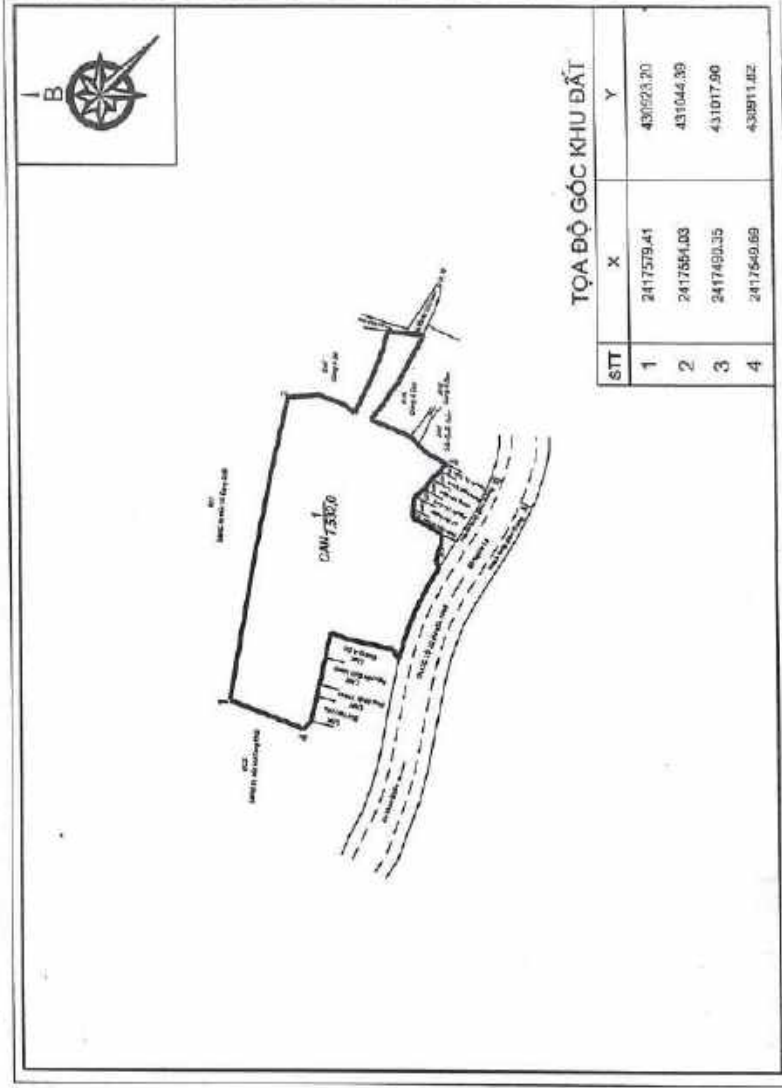
TT MÙ CANG CHẢI, HUYỆN MÙ CANG CHẢI

(Kèm theo Quyết định số 157A/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án: Trụ sở công an huyện Mù Cang Chải.....
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án: Xã Thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.....
- Diện tích: 0.7532ha.....
- Loại đất hiện trạng: Các loại đất khác.....
- Cơ quan chủ đầu tư: Công an tỉnh Yên Bái.....
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 1606/QĐ-UBND, ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2021.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN





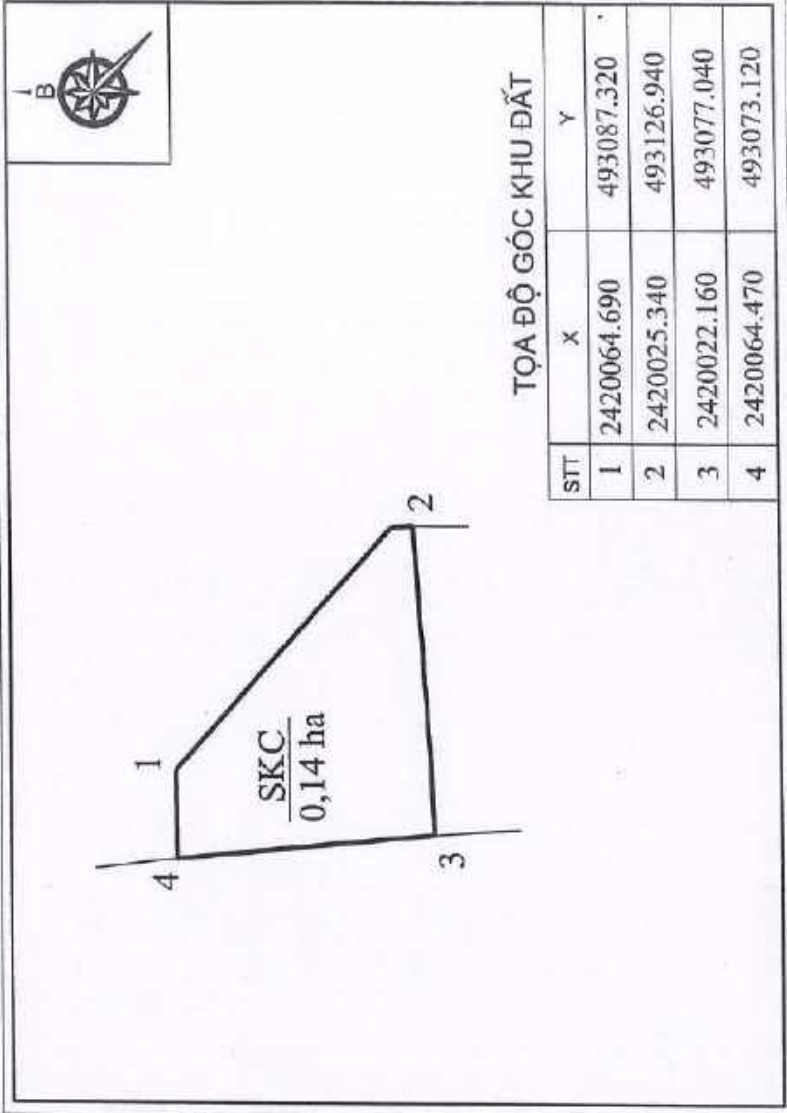
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THỊ TRẤN MẬU A, HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- 1. Tên công trình, dự án:
Đầu tư xưởng sơ chế, đóng gói và bảo quản các sản phẩm từ quế
- 2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
- 3. Diện tích: 0,14 ha
- 4. Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0,14 ha
- 5. Cơ quan chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Quế Văn Yên
- 6. Căn cứ pháp lý:
Thông báo Kết luận số 218-TB/HU ngày 15/3/2021

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

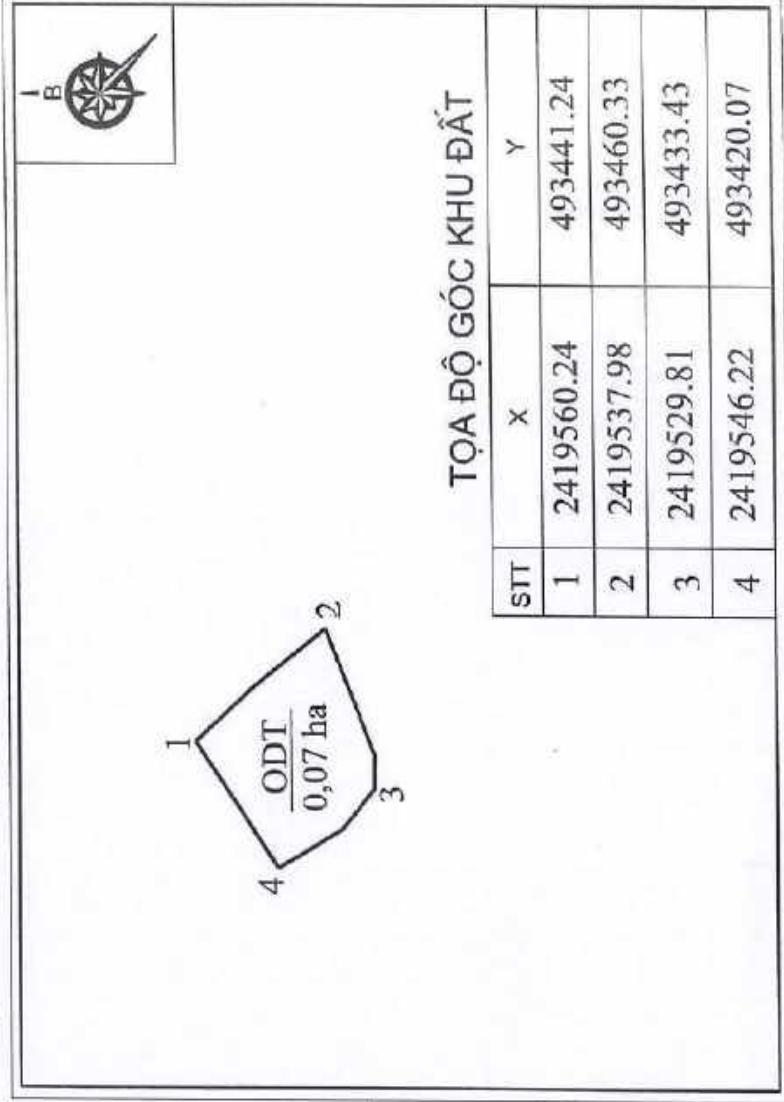
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: THỊ TRẤN MẬU A, HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số: 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Xây dựng khu dân cư đô thị (Quyết định trường Mầm non thị trấn Mậu A- Điểm Tổ dân phố 7)
- Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
- Diện tích: 0,07ha
- Loại đất hiện trạng: Đất khác: 0,07 ha
- Cơ quan chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Yên
- Căn cứ pháp lý:
Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Yên Bái

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

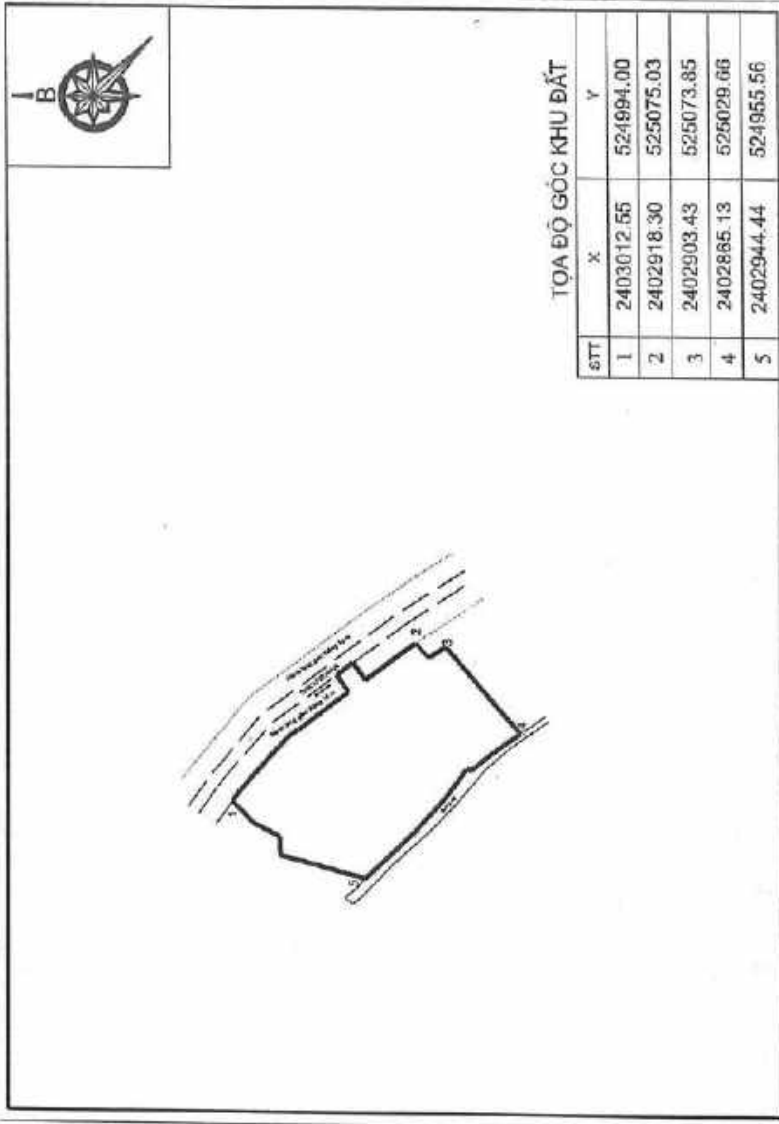


BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG, CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÁ THỊNH HƯNG, HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án:
Trạm trộn Bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn.....
2. Địa điểm thực hiện công trình, dự án:
Xá Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.....
3. Diện tích: 0,92 ha.....
4. Loại đất hiện trạng: CLN Và Các loại đất khác.....
5. Cơ quan chủ đầu tư:
Công ty TNHH bê tông thương phẩm Yên Bình.....
6. Căn cứ pháp lý:
.....
.....
.....
.....

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN VẼ VỊ TRÍ RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH DỰ ÁN BỎ SUNG, CẤP NHẬP VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
ĐỊA ĐIỂM KHU ĐẤT: XÃ CƯỜNG THỊNH, HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Yên Bái)

I. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Tên công trình, dự án:
Xây dựng đường kéo đất máy bay, vị sơ tán cất giấu máy bay và Sở chỉ huy cơ bản thời chiến sân bay Yên Bái/f371
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cường Thịnh, huyện Trần Yên
- Diện tích bổ sung kế hoạch: 182,0 m²
- Loại đất hiện trạng: RSX
- Cơ quan chủ đầu tư: Quân chủng Phòng không - Không quân
- Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 843/QĐ-TM ngày 12/4/2023 của Bộ tổng tham mưu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình chiến đấu dự án

II. VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

